

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Dành cho sinh viên đại học các ngành không chuyên lý luận chính trị

History of the Communist Party of Vietnam — a bilingual study guide

Nhập môn · 1930 – 1945 · 1945 – 1975 · 1975 đến nay

Niên biểu · Bài tập vận dụng có lời giải · Tự luận có dàn ý · Trắc nghiệm có đáp án

Song ngữ Việt – Anh · Vietnamese – English

Phiên bản 1.0 — Tháng 10 năm 2026

<https://globalmarket.vn>

M U C L U C

CONTENTS

Chương nhập môn. Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam — <i>Introductory chapter. Subject matter, functions, tasks, content and methods of researching and studying the History of the Communist Party of Vietnam</i>	4
0.1. Đối tượng nghiên cứu của môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam — <i>Subject matter of the course History of the Communist Party of Vietnam</i>	4
0.2. Chức năng và nhiệm vụ của khoa học Lịch sử Đảng — <i>Functions and tasks of the science of Party history</i>	8
0.3. Phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng; tính khoa học và tính đảng — <i>Methods of researching and studying Party history; scientific character and Party character</i>	12
0.4. Nội dung, mục đích môn học và cách học môn Lịch sử Đảng — <i>Course content, purposes and how to study Party history</i>	15
0.5. Bài tập vận dụng có lời giải — <i>Applied exercises with solutions</i>	21
0.6. Câu hỏi tự luận và dàn ý trả lời — <i>Essay questions and answer outlines</i>	24
0.7. Câu hỏi trắc nghiệm — <i>Multiple-choice questions</i>	26
 Chương 1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945) — <i>Chapter 1. The founding of the Communist Party of Vietnam and its leadership of the struggle for power (1930 – 1945)</i>.....	28
1.1. Bối cảnh lịch sử và cuộc khủng hoảng đường lối cứu nước — <i>Historical context and the crisis of the line of national salvation</i>	28
1.2. Nguyễn Ái Quốc tìm đường cứu nước và chuẩn bị các điều kiện thành lập Đảng — <i>Nguyễn Ái Quốc finds the path and prepares the conditions for founding the Party</i>	35
1.3. Các tổ chức cộng sản năm 1929 và Hội nghị thành lập Đảng — <i>The communist organisations of 1929 and the Party's founding conference</i>	41
1.4. Cương lĩnh chính trị đầu tiên và ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng — <i>The first Political Platform and the historical significance of the Party's founding</i>	44
1.5. Phong trào cách mạng 1930 – 1931 và Luận cương chính trị tháng 10/1930 — <i>The 1930 – 1931 revolutionary movement and the Political Thesis of October 1930</i>	49
1.6. Khôi phục tổ chức và phong trào 1932 – 1935, Đại hội Đảng lần thứ I (3/1935) — <i>Restoring the organisation and movement in 1932 – 1935, the 1st National Congress (March 1935)</i>	55
1.7. Phong trào dân chủ 1936 – 1939 — <i>The 1936 – 1939 democratic movement</i>	58
1.8. Chuyển hướng chiến lược 1939 – 1945, cao trào kháng Nhật và Tổng khởi nghĩa Tháng Tám — <i>The strategic shift of 1939 – 1945, the anti-Japanese upsurge and the August General Insurrection</i>	62
1.9. Tính chất, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 — <i>Character, significance and lessons of the 1945 August Revolution</i>	75
1.10. Bài tập vận dụng có lời giải — <i>Applied exercises with solutions</i>	78

1.11. Câu hỏi tự luận và dàn ý trả lời — <i>Essay questions and answer outlines</i>	83
1.12. Câu hỏi trắc nghiệm — <i>Multiple-choice questions</i>	89

Chương 2. Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 – 1975) — Chapter 2. The Party leads two resistance wars, completing national liberation and reunification (1945 – 1975)..... 95

2.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945 – 1946) — <i>Building and defending the revolutionary government (1945 – 1946)</i>	95
2.2. Đường lối kháng chiến toàn quốc và quá trình thực hiện (1946 – 1950) — <i>The line of nationwide resistance and its implementation (1946 – 1950)</i>	103
2.3. Đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi (1951 – 1954) — <i>Pushing the resistance to victory (1951 – 1954)</i>	110
2.4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm lãnh đạo kháng chiến chống Pháp — <i>Historical significance and lessons of leading the anti-French resistance</i>	118
2.5. Bối cảnh sau Hiệp định Genève 1954 và đường lối hai chiến lược cách mạng — <i>The situation after the 1954 Geneva Accords and the line of two revolutionary strategies</i>	121
2.6. Giai đoạn 1954 – 1960: khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, Nghị quyết Trung ương 15 và phong trào Đồng khởi — <i>1954 – 1960: economic recovery and socialist transformation in the North, the 15th Plenum Resolution and the Concerted Uprising</i>	125
2.7. Giai đoạn 1961 – 1965: Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất và đánh bại “Chiến tranh đặc biệt” — <i>1961 – 1965: the First Five-Year Plan and the defeat of the “Special War”</i>	133
2.8. Giai đoạn 1965 – 1975: lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ trên cả nước — <i>1965 – 1975: leading the resistance war against the US nationwide</i>	136
2.9. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng thời kỳ 1954 – 1975 — <i>Historical significance and the Party’s leadership lessons, 1954 – 1975</i>	149
2.10. Bài tập vận dụng có lời giải — <i>Applied exercises with solutions</i>	152
2.11. Câu hỏi tự luận và dàn ý trả lời — <i>Essay questions and answer outlines</i>	157
2.12. Câu hỏi trắc nghiệm — <i>Multiple-choice questions</i>	164

Chương 3. Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 – nay) — Chapter 3. The Party leads the whole country in the transition to socialism and the Đổi Mới renovation (1975 – present)..... 169

3.1. Thống nhất đất nước về mặt nhà nước, Đại hội IV và bảo vệ Tổ quốc (1975 – 1981) — <i>State reunification, the 4th Congress and defence of the Fatherland (1975 – 1981)</i>	169
3.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V và việc thực hiện Nghị quyết (1982 – 1986) — <i>The 5th National Congress and the implementation of its Resolution (1982 – 1986)</i>	179
3.3. Khủng hoảng kinh tế – xã hội và các bước đột phá đổi mới kinh tế (1979 – 1986) — <i>The socio-economic crisis and the breakthroughs in economic renewal (1979 – 1986)</i>	183
3.4. Đại hội VI (12/1986) và đường lối đổi mới toàn diện — <i>The 6th National Congress (12/1986) and the comprehensive Đổi Mới line</i>	191

3.5. Thực hiện đường lối đổi mới những năm 1986–1991 — <i>Implementing the Đổi Mới line, 1986–1991</i>	196
3.6. Đại hội VII (6/1991), Cương lĩnh 1991 và Hội nghị giữa nhiệm kỳ (1/1994) — <i>The 7th National Congress (6/1991), the 1991 Platform and the Mid-term Conference (1/1994)</i>	201
3.7. Đại hội VIII (1996), Đại hội IX (2001) và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa — <i>The 8th Congress (1996), the 9th Congress (2001) and accelerated industrialisation and modernisation</i>	209
3.8. Đại hội X (4/2006) và quá trình thực hiện Nghị quyết (2006 – 2011) — <i>The 10th Congress (April 2006) and the implementation of its Resolution (2006 – 2011)</i>	220
3.9. Đại hội XI (1/2011) và Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 — <i>The 11th Congress (January 2011) and the 2011 supplemented and developed Platform</i>	227
3.10. Đại hội XII (2016), Đại hội XIII (2021) và chặng đường đến Đại hội XIV (2026) — <i>The 12th Congress (2016), the 13th Congress (2021) and the road to the 14th Congress (2026)</i>	237
3.11. Thành tựu, hạn chế và bài học kinh nghiệm của công cuộc đổi mới — <i>Achievements, shortcomings and lessons of Renovation</i>	247
3.12. Kết luận: những thắng lợi vĩ đại, truyền thống và bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng — <i>Conclusion: great victories, traditions and major lessons on the Party's leadership</i>	252
3.13. Bài tập vận dụng có lời giải — <i>Applied exercises with solutions</i>	256
3.14. Câu hỏi tự luận và dàn ý trả lời — <i>Essay questions and answer outlines</i>	263
3.15. Câu hỏi trắc nghiệm — <i>Multiple-choice questions</i>	272
Phụ lục A. Đáp án câu hỏi trắc nghiệm — <i>Appendix A. Answer key</i>	279
Phụ lục B. Niên biểu các mốc lịch sử Đảng — <i>Appendix B. Chronology of Party history</i>	284
Phụ lục C. Thuật ngữ Việt – Anh — <i>Appendix C. Vietnamese–English glossary</i>	289
Phụ lục D. Văn kiện cần nhớ — <i>Appendix D. Key documents to remember</i>	292
Tài liệu tham khảo — <i>References</i>	294

Chương nhập môn. Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam — *Introductory chapter. Subject matter, functions, tasks, content and methods of researching and studying the History of the Communist Party of Vietnam*

0.1. Đối tượng nghiên cứu của môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam — *Subject matter of the course History of the Communist Party of Vietnam*

Đảng Cộng sản Việt Nam do Hồ Chí Minh sáng lập ngày 3/2/1930. Lịch sử Đảng là một chuyên ngành của khoa học lịch sử; môn học dạy ở bậc đại học là một nhánh của chuyên ngành đó.

The Communist Party of Vietnam was founded by Hồ Chí Minh on 3/2/1930. Party history is a specialised field of historical science; the university course is a branch of that field.

Văn kiện Đại hội XI định vị nền tảng của Đảng: “Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản” (Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, 2011, tr.88).

The 11th Congress documents state the Party’s foundation: “The Party takes Marxism-Leninism and Hồ Chí Minh Thought as its ideological foundation and guide to action, and democratic centralism as its fundamental organisational principle” (Documents of the 11th National Congress, 2011, p.88).

Môn học hình thành qua những mốc nào — *Milestones in the making of the subject*

Thời gian <i>Date</i>	Sự kiện <i>Event</i>	Ý nghĩa với môn học <i>Meaning for the subject</i>
1933 <i>1933</i>	Hà Huy Tập, ký tên Hồng Thái Công, công bố Sơ thảo lịch sử phong trào cộng sản Đông Dương <i>Hà Huy Tập, signing as Hồng Thái Công, publishes A Draft History of the Indochinese Communist Movement</i>	Công trình viết sử Đảng sớm nhất được giáo trình nêu, ba năm sau ngày lập Đảng <i>The earliest Party history work cited by the textbook, three years after the founding</i>
9/1960 <i>9/1960</i>	Đại hội III giao nhiệm vụ nghiên cứu, tổng kết lịch sử Đảng <i>The 3rd Congress assigns the task of researching and summing up Party history</i>	Tổng kết kinh nghiệm, quy luật cách mạng thành việc chính thức của Đảng <i>Summing up experience and revolutionary laws becomes official Party work</i>
1962 <i>1962</i>	Thành lập Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương (nay là Viện Lịch sử Đảng) <i>The Central Party History Research Committee is set up (now the Institute of Party History)</i>	Có cơ quan chuyên trách nghiên cứu, biên soạn <i>A dedicated research and compiling body exists</i>

Thời gian <i>Date</i>	Sự kiện <i>Event</i>	Ý nghĩa với môn học <i>Meaning for the subject</i>
Thập niên 1960 <i>The 1960s</i>	Lịch sử Đảng được giảng dạy chính thức ở đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp <i>Party history is taught officially at universities, colleges and professional secondary schools</i>	Trở thành môn học trong nhà trường <i>It becomes a school subject</i>
13/7/1992 <i>13/7/1992</i>	Quyết định số 255/CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng lập Hội đồng chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Decision No. 255/CT of the Chairman of the Council of Ministers sets up the Steering Council for national textbooks on Marxism-Leninism and Hồ Chí Minh Thought</i>	Lịch sử Đảng có giáo trình quốc gia thống nhất <i>Party history gets a unified national textbook</i>
2021 <i>2021</i>	Bộ Giáo dục và Đào tạo phát hành giáo trình cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị <i>The Ministry of Education and Training issues the textbook for non-political-theory undergraduates</i>	Bản dùng làm khung cho đề cương này <i>The edition this outline follows</i>

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Ghi Quyết định 255/CT là “của Thủ tướng Chính phủ năm 1992”. Năm 1992 người ký là **Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng**; chức danh này về sau đổi thành Thủ tướng Chính phủ. Bài thi nên ghi đúng tên chức danh tại thời điểm ký.
Writing that Decision 255/CT was issued “by the Prime Minister in 1992”. In 1992 the signer was the Chairman of the Council of Ministers; the post was later renamed Prime Minister. An exam answer should give the title in use at the time of signing.

Bốn đối tượng cụ thể — *Four specific objects of study*

Định nghĩa trong giáo trình: “Đối tượng nghiên cứu của khoa học Lịch sử Đảng là sự ra đời, phát triển và hoạt động lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ lịch sử” (Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr.13). Giáo trình tách định nghĩa đó thành bốn đối tượng cụ thể.

The textbook definition: “The subject matter of the science of Party history is the birth, development and leadership activity of the Party across historical periods” (History of the Communist Party of Vietnam textbook, 2021, p.13). The textbook splits it into four specific objects.

Đối tượng <i>Object</i>	Nội dung cần nắm <i>What to grasp</i>	Câu hỏi đặt ra khi học <i>Question to ask</i>
1. Sự kiện lịch sử Đảng <i>1. Party history events</i>	Nội dung, tính chất, bản chất của sự kiện gắn với sự lãnh đạo của Đảng trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, đối ngoại; tái hiện dựa trên tư liệu chính xác, khách quan <i>Content, nature and essence of events tied to Party leadership in politics, military affairs, the economy, culture and foreign relations; rebuilt from accurate, objective sources</i>	Sự kiện này do cơ quan nào của Đảng quyết định, vì sao vào lúc đó? <i>Which Party body decided this event, and why at that moment?</i>
2. Cương lĩnh, đường lối <i>2. Platform and lines</i>	Nội dung cương lĩnh, cơ sở lý luận và thực tiễn, giá trị hiện thực của đường lối; đường lối đúng là điều kiện trước hết quyết định thắng lợi <i>Content of each platform, its theoretical and practical basis, the real value of the line; a correct line is the first condition of victory</i>	Văn kiện này xác định mục tiêu, nhiệm vụ, lực lượng, phương pháp gì? <i>What goals, tasks, forces and methods does this document set?</i>
3. Quá trình lãnh đạo, tổ chức thực tiễn <i>3. Leading and organising practice</i>	Thắng lợi, thành tựu, kinh nghiệm, bài học; cả khuyết điểm, hạn chế Đảng tự nêu; bốn truyền thống của Đảng <i>Victories, achievements, experience, lessons; also the shortcomings the Party admits; the Party's four traditions</i>	Chủ trương được đưa vào thực tế ra sao, kết quả đo được là gì? <i>How was the policy put into practice, and what measurable result followed?</i>
4. Tổ chức và xây dựng Đảng <i>4. Organisation and Party building</i>	Hệ thống tổ chức; xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức qua từng thời kỳ <i>The organisational system; building the Party in politics, ideology, organisation and ethics in each period</i>	Bộ máy, đội ngũ cán bộ, kỷ luật của Đảng thay đổi thế nào ở mốc này? <i>How did the apparatus, cadres and discipline change at this milestone?</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Đối tượng = **sự ra đời, phát triển và hoạt động lãnh đạo của Đảng**, cụ thể hóa thành bốn: (1) sự kiện lịch sử Đảng; (2) Cương lĩnh, đường lối; (3) quá trình lãnh đạo, tổ chức thực tiễn; (4) hệ thống tổ chức và công tác xây dựng Đảng.
Subject matter = the birth, development and leadership activity of the Party, made concrete as four objects: (1) Party history events; (2) the Platform and lines; (3) leading and organising practice; (4) the organisational system and Party building.

Năm văn kiện mang tầm cương lĩnh — *Five documents of platform rank*

Đảng lãnh đạo bằng Cương lĩnh, đường lối, chủ trương và chính sách lớn. Đường lối là bước cụ thể hóa cương lĩnh cho từng vấn đề nổi bật của một thời kỳ: giải phóng dân tộc, kháng chiến, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, cách mạng xã hội chủ nghĩa, đổi mới, quân sự, đối ngoại.

The Party leads through its Platform, lines, guidelines and major policies. A line makes the platform concrete for a salient issue of a period: national liberation, resistance war, the people's national democratic revolution, the socialist revolution, Đổi Mới, military affairs, foreign relations.

Văn kiện <i>Document</i>	Thời gian <i>Date</i>	Nơi thông qua <i>Adopted at</i>	Học ở chương <i>Studied in</i>
Cương lĩnh chính trị đầu tiên (Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt) <i>First Political Platform (Brief Political Programme, Brief Strategy)</i>	2/1930 <i>2/1930</i>	Hội nghị thành lập Đảng <i>The founding conference</i>	Chương 1 <i>Chapter 1</i>
Luận cương chính trị <i>Political Thesis</i>	10/1930 <i>10/1930</i>	Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ nhất, Hương Cảng <i>The 1st Plenum of the Central Committee, Hong Kong</i>	Chương 1 <i>Chapter 1</i>
Chính cương Đảng Lao động Việt Nam <i>Political Programme of the Vietnam Workers' Party</i>	2/1951 <i>2/1951</i>	Đại hội II <i>2nd Congress</i>	Chương 2 <i>Chapter 2</i>
Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội <i>Platform for national construction in the period of transition to socialism</i>	6/1991 <i>6/1991</i>	Đại hội VII <i>7th Congress</i>	Chương 3 <i>Chapter 3</i>
Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ (bổ sung, phát triển năm 2011) <i>Platform for national construction in the transition period (supplemented and developed in 2011)</i>	1/2011 <i>1/2011</i>	Đại hội XI <i>11th Congress</i>	Chương 3 <i>Chapter 3</i>

VÍ DỤ / EXAMPLE — Mẹo nhớ năm văn kiện theo cặp số: “**30 – 30 – 51 – 91 – 2011**”. Hai văn kiện năm 1930 cách nhau tám tháng (2 và 10); hai cương lĩnh thời đổi mới cách nhau đúng 20 năm (1991 và 2011).

Memory hook for the five documents: “30 – 30 – 51 – 91 – 2011”. The two 1930 documents are eight months apart (February and October); the two Đổi Mới platforms are exactly 20 years apart (1991 and 2011).

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Gọi Luận cương chính trị (10/1930) là văn kiện của “Đại hội I”. Luận cương do **Hội nghị Trung ương lần thứ nhất** (Hương Cảng, 10/1930) thông qua; Đại hội I họp năm **1935** ở Ma Cao. Hội nghị thành lập Đảng (2/1930) có giá trị như một đại hội nhưng không mang số thứ tự đại hội.

Calling the Political Thesis (10/1930) a document of the “1st Congress”. It was adopted by the 1st

Plenum of the Central Committee (Hong Kong, 10/1930); the 1st Congress met in 1935 in Macau. The founding conference (2/1930) had the weight of a congress but carries no congress number.

Sự kiện lịch sử Đảng khác sự kiện lịch sử dân tộc, lịch sử quân sự ở chỗ nào — *How a Party history event differs from national and military history events*

Cùng một thời điểm có thể có ba loại sự kiện. Môn Lịch sử Đảng chọn loại gắn trực tiếp với quyết định và hoạt động lãnh đạo của Đảng; các loại còn lại dùng làm bối cảnh hoặc kết quả.

One moment may hold three kinds of events. Party history picks the kind tied directly to the Party's decisions and leadership; the other kinds serve as context or outcome.

Loại sự kiện <i>Event type</i>	Ví dụ quanh năm 1954 <i>Example around 1954</i>	Câu hỏi môn Lịch sử Đảng đặt ra <i>The Party history question</i>
Sự kiện lịch sử Đảng <i>Party history event</i>	Bộ Chính trị họp ngày 6/12/1953, quyết định mở Chiến dịch Điện Biên Phủ <i>The Politburo meets on 6/12/1953 and decides to open the Điện Biên Phủ Campaign</i>	Căn cứ nào để Đảng chọn Điện Biên Phủ làm trận quyết chiến chiến lược? <i>On what grounds did the Party choose Điện Biên Phủ for the decisive strategic battle?</i>
Sự kiện lịch sử quân sự <i>Military history event</i>	Mở màn chiến dịch 13/3/1954; ba đợt tiến công; kết thúc 7/5/1954 <i>Campaign opens 13/3/1954; three assault waves; ends 7/5/1954</i>	Dùng làm kết quả kiểm chứng chủ trương, không đi sâu chiến thuật <i>Used as the outcome that tests the decision, without going into tactics</i>
Sự kiện lịch sử dân tộc <i>National history event</i>	Hiệp định Genève ký ngày 21/7/1954, đất nước tạm chia hai miền <i>The Geneva Agreements signed 21/7/1954, the country temporarily divided</i>	Bối cảnh để hiểu chủ trương mới của Đảng sau năm 1954 <i>Context for the Party's new policy after 1954</i>

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Trả lời câu hỏi về một chiến dịch bằng cách kể diễn biến từng trận. Bài thi môn Lịch sử Đảng chấm phần **chủ trương, quyết định, chỉ đạo** của Đảng trước và sau chiến dịch.

Answering a question on a campaign by narrating each battle. A Party history exam grades the Party's policy, decision and direction before and after the campaign.

0.2. Chức năng và nhiệm vụ của khoa học Lịch sử Đảng — *Functions and tasks of the science of Party history*

Là một ngành của sử học, Lịch sử Đảng mang hai chức năng cơ bản của sử học là nhận thức và giáo dục, cộng thêm chức năng dự báo và phê phán.

As a branch of history, Party history carries the two basic functions of historical science, cognition and education, plus a forecasting and critical function.

Ba chức năng — *Three functions*

Chức năng <i>Function</i>	Nội dung chính <i>Main content</i>	Minh chứng trong giáo trình <i>Evidence in the textbook</i>
Nhận thức <i>Cognition</i>	Tri thức có hệ thống về sự lãnh đạo, đấu tranh, cầm quyền của Đảng; quy luật ra đời của Đảng; quy luật giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đi lên chủ nghĩa xã hội <i>Systematic knowledge of the Party's leadership, struggle and governance; the law of its birth; the laws of national liberation, of building and defending the country, of advancing to socialism</i>	Từ năm 1930 Đảng là tổ chức lãnh đạo duy nhất; từ Cách mạng Tháng Tám 1945 Đảng cầm quyền <i>Since 1930 the Party has been the sole leading organisation; since the August Revolution of 1945 it has been the ruling party</i>
Giáo dục <i>Education</i>	Yêu nước, tự hào, tự lực tự cường; lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; chủ nghĩa anh hùng cách mạng; truyền thống, đạo đức, lối sống <i>Patriotism, pride, self-reliance; the ideal of national independence and socialism; revolutionary heroism; traditions, ethics, way of life</i>	Hồ Chí Minh: “Đảng ta là đạo đức, là văn minh” (Toàn tập, t.12, tr.403) <i>Hồ Chí Minh: “Our Party is morality, is civilisation” (Complete Works, vol. 12, p.403)</i>
Dự báo và phê phán <i>Forecasting and critique</i>	Từ quá khứ hiểu hiện tại, thấy trước tương lai; tự phê bình và phê bình là quy luật phát triển của Đảng; chống suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” <i>From the past understand the present and foresee the future; self-criticism and criticism are the Party's law of development; fight degradation, “self-evolution” and “self-transformation”</i>	Năm 1942, trong Lịch sử nước ta, Hồ Chí Minh viết: “Năm 1945 Việt Nam độc lập” <i>In 1942, in The History of Our Country, Hồ Chí Minh wrote: “In 1945 Vietnam will be independent”</i>

Giáo trình nêu: “Quy luật ra đời và phát triển của Đảng là sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam” (Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr.18). Công thức này thuộc chức năng nhận thức và sẽ được chứng minh ở Chương 1.

The textbook states: “The law of the Party's birth and development is the combination of Marxism-Leninism with the workers' movement and the patriotic movement of Vietnam” (History of the Communist Party of Vietnam textbook, 2021, p.18). This formula belongs to the cognitive function and is proven in Chapter 1.

Chức năng nhận thức còn hướng tới nhận thức về thời đại Hồ Chí Minh, góp phần cho khoa học chính trị và khoa học lãnh đạo, quản lý. Người lãnh đạo hiểu quy luật thì hành động đúng quy luật.

The cognitive function also aims at understanding the Hồ Chí Minh era and feeds political science and the science of leadership and management. A leader who knows the laws acts in line with them.

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Ba chức năng: **nhận thức – giáo dục – dự báo và phê phán**. Hai chức năng đầu là chức năng cơ bản của mọi ngành sử học; chức năng thứ ba được giáo trình nhấn mạnh riêng cho khoa học Lịch sử Đảng. Câu dự báo “Năm 1945 Việt Nam độc lập” viết năm **1942**.

*Three functions: **cognition – education – forecasting and critique**. The first two are basic to all historical science; the textbook stresses the third for Party history. The forecast “In 1945 Vietnam will be independent” was written in **1942**.*

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Xếp câu “Đảng ta là đạo đức, là văn minh” vào chức năng nhận thức. Giáo trình dẫn câu này ở **chức năng giáo dục**, phần giáo dục truyền thống và đạo đức cách mạng.

*Placing “Our Party is morality, is civilisation” under the cognitive function. The textbook cites it under the **educational function**, in the part on traditions and revolutionary ethics.*

Bốn nhiệm vụ — Four tasks

Nhiệm vụ đặt ra từ đối tượng và là cách cụ thể hóa chức năng. Có thể ghép đôi: đối tượng “Cương lĩnh” sinh nhiệm vụ trình bày cương lĩnh; đối tượng “sự kiện” sinh nhiệm vụ tái hiện; đối tượng “tổ chức” sinh nhiệm vụ làm rõ vai trò hệ thống tổ chức.

Tasks come from the subject matter and make the functions concrete. They pair up: the object “Platform” yields the task of presenting it; the object “events” yields the task of recreating them; the object “organisation” yields the task of clarifying the organisational system’s role.

Nhiệm vụ <i>Task</i>	Làm gì <i>What it does</i>	Kết quả mong đợi <i>Expected result</i>
Trình bày có hệ thống Cương lĩnh, đường lối <i>Present the Platform and lines systematically</i>	Khẳng định giá trị khoa học và hiện thực của mục tiêu chiến lược, sách lược; đây là nhiệm vụ hàng đầu <i>Confirm the scientific and practical value of strategic and tactical goals; the foremost task</i>	Thấy lựa chọn độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội hợp quy luật <i>See that choosing national independence tied to socialism fits historical law</i>
Tái hiện tiến trình lãnh đạo, đấu tranh <i>Recreate the course of leadership and struggle</i>	Dựa vào tư liệu thành văn và không thành văn, làm nổi bật thời kỳ, giai đoạn, dấu mốc <i>Use written and unwritten sources; bring out periods, stages and milestones</i>	Thấy vai trò của Đảng gắn với sức mạnh nhân dân, khối đại đoàn kết <i>See the Party’s role tied to the people’s strength and national unity</i>
Tổng kết lịch sử <i>Sum up history</i>	Rút kinh nghiệm, bài học, quy luật, vấn đề lý luận của cách mạng Việt Nam <i>Draw experience, lessons, laws and theoretical issues of the Vietnamese revolution</i>	Lý luận rút ra từ thực tế rồi quay lại kiểm chứng bằng thực tế <i>Theory drawn from practice and checked against it again</i>

Nhiệm vụ <i>Task</i>	Làm gì <i>What it does</i>	Kết quả mong đợi <i>Expected result</i>
Làm rõ vai trò hệ thống tổ chức đảng <i>Clarify the role of the Party organisation system</i>	Sức chiến đấu từ Trung ương đến cơ sở; truyền thống; tấm gương Hồ Chí Minh và chiến sĩ cộng sản tiêu biểu <i>Fighting capacity from the centre to the grassroots; traditions; the example of Hồ Chí Minh and outstanding communists</i>	Hiểu nguồn động lực bên trong của Đảng <i>Understand the Party's inner driving forces</i>

Ba tầng tổng kết: kinh nghiệm – bài học – quy luật — *Three layers of summing up: experience – lesson – law*

Tầng <i>Layer</i>	Gắn với <i>Tied to</i>	Mức khái quát <i>Level of generality</i>
Kinh nghiệm lịch sử <i>Historical experience</i>	Một sự kiện hoặc một giai đoạn nhất định <i>One event or one specific stage</i>	Thấp nhất <i>Lowest</i>
Bài học lịch sử <i>Historical lesson</i>	Một thời kỳ dài, một vấn đề chiến lược, hoặc toàn bộ tiến trình lịch sử Đảng <i>A long period, a strategic issue, or the whole course of Party history</i>	Cao hơn <i>Higher</i>
Quy luật, vấn đề lý luận <i>Laws, theoretical issues</i>	Con đường và quy luật riêng của cách mạng Việt Nam <i>The path and specific laws of the Vietnamese revolution</i>	Cao nhất <i>Highest</i>

Hồ Chí Minh định nghĩa lý luận bằng chính quy trình tổng kết: “Lý luận là đem thực tế trong lịch sử, trong kinh nghiệm, trong các cuộc tranh đấu, xem xét, so sánh thật kỹ lưỡng, rõ ràng, làm thành kết luận” (Toàn tập, t.5, tr.273).

Hồ Chí Minh defined theory by the very process of summing up: “Theory is taking the facts of history, of experience, of struggles, examining and comparing them thoroughly and clearly, and making conclusions” (Complete Works, vol. 5, p.273).

Một kết luận ở tầng quy luật, do Đại hội VIII (1996) rút ra sau 10 năm đổi mới: “Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn” (Văn kiện Đảng toàn tập, t.55, tr.356).

A law-level conclusion drawn by the 8th Congress (1996) after 10 years of Đổi Mới: “The path to socialism in our country is becoming ever more clearly defined” (Complete Party Documents, vol. 55, p.356).

VÍ DỤ / EXAMPLE — Một đội phát triển phần mềm sau mỗi đợt cập nhật ghi lại “lần này lỗi vì kiểm thử thiếu” (kinh nghiệm). Cuối năm, đội gom mười hai ghi chép và đặt nguyên tắc “không phát hành khi chưa kiểm thử tự động” (bài học). Khi nhiều công ty cùng thấy nguyên tắc đó đúng ở mọi dự án, nó tiến gần tầng quy luật. Ba tầng của Lịch sử Đảng được dựng theo cùng một trình tự.

After each update, a software team notes “this time it broke because testing was thin” (experience). At

year's end it gathers twelve such notes and sets the rule "no release without automated tests" (lesson). When many companies find the rule holds in every project, it nears the level of a law. The three layers of Party history are built in the same order.

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Bốn nhiệm vụ: **trình bày Cương lĩnh, đường lối** (hàng đầu) – **tái hiện tiến trình – tổng kết** (kinh nghiệm → bài học → quy luật) – **làm rõ vai trò hệ thống tổ chức đảng**. Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII ra tháng **10/2016**.

Four tasks: present the Platform and lines (foremost) – recreate the course – sum up (experience → lesson → law) – clarify the role of the Party organisation system. The Resolution of the 4th Plenum of the 12th Central Committee dates from 10/2016.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Coi “tái hiện sự kiện” là nhiệm vụ hàng đầu. Giáo trình gọi **trình bày có hệ thống Cương lĩnh, đường lối** là nhiệm vụ hàng đầu; tái hiện là nhiệm vụ quan trọng nhưng đứng thứ hai.

Treating “recreating events” as the foremost task. The textbook names systematic presentation of the Platform and lines as foremost; recreating events is important but comes second.

0.3. Phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng; tính khoa học và tính đảng — *Methods of researching and studying Party history; scientific character and Party character*

Phương pháp luận — *Methodology*

- Nền tảng là **chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử**: xem lịch sử khách quan, toàn diện, trong sự phát triển và trong điều kiện lịch sử cụ thể.
The base is dialectical and historical materialism: viewing history objectively, comprehensively, in development and under concrete historical conditions.
- Lấy thực tiễn và kết quả của nó làm thước đo đúng sai; chân lý luôn cụ thể, cách mạng đòi hỏi sáng tạo.
Practice and its results are the criterion of truth. Truth is concrete; revolution is creative.
- Đặt sự kiện trong các cặp quan hệ: nguyên nhân – kết quả, hình thức – nội dung, hiện tượng – bản chất, cái chung – cái riêng, phổ biến – đặc thù.
Place each event in paired relations: cause – effect, form – content, appearance – essence, general – particular, universal – specific.
- Các lý luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử dùng trực tiếp: hình thái kinh tế – xã hội; giai cấp và đấu tranh giai cấp; dân tộc và đấu tranh dân tộc; vai trò quần chúng và cá nhân; cách mạng xã hội; sứ mệnh của giai cấp vô sản và Đảng Cộng sản.
Theories of historical materialism used directly: socio-economic formations; classes and class struggle; nations and national struggle; the role of the masses and of individuals; social revolution; the mission of the proletariat and the Communist Party.
- **Tư tưởng Hồ Chí Minh** cùng tư duy, phong cách khoa học của Người định hướng cách học: sáng tạo, chống giáo điều, chống chủ quan duy ý chí.
Hồ Chí Minh Thought, with his scientific thinking and style, orients the way of study: creative, against dogmatism and subjective voluntarism.

VÍ DỤ / EXAMPLE — Quan điểm lịch sử cụ thể khi đọc Đại hội IV (12/1976): đường lối ưu tiên công nghiệp nặng ra đời ngay sau chiến thắng 1975, khi Đảng chưa tổng kết 21 năm xây dựng ở miền Bắc trong thời chiến và chưa phát hiện khuyết tật của mô hình cũ. Đặt vào hoàn cảnh đó mới giải thích được vì sao Đại hội V (3/1982) phải điều chỉnh, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu.

The concrete-historical viewpoint applied to the 4th Congress (12/1976): the line giving priority to heavy industry came right after the 1975 victory, before the Party had summed up 21 years of wartime construction in the North or spotted the old model's defects. Only in that setting can one explain why the 5th Congress (3/1982) had to adjust and make agriculture the leading front.

Hai phương pháp cơ bản: lịch sử và logic — Two basic methods: historical and logical

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Phương pháp lịch sử <i>Historical method</i>	Phương pháp logic <i>Logical method</i>
Mục đích <i>Aim</i>	Dựng lại tiến trình đúng như đã diễn ra, đủ tính cụ thể, sinh động, quanh co <i>Rebuild the course as it happened, concrete, vivid, with its detours</i>	Vạch ra bản chất, quy luật, khuynh hướng chung <i>Bring out the essence, laws, general tendencies</i>
Tìm cái gì <i>Looks for</i>	Cái đặc thù, cái cá biệt, cái không lặp lại <i>The specific, the individual, the non-repeating</i>	Cái bản chất, cái phổ biến, cái lặp lại <i>The essential, the universal, the recurrent</i>
Thao tác <i>Operations</i>	Theo trình tự thời gian; chú ý không gian, tên người, tên đất; thấy cả bước thụt lùi tạm thời <i>Follow time order; mind place and names; see temporary setbacks too</i>	Phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát; chọn sự kiện, nhân vật, giai đoạn điển hình <i>Analyse, compare, synthesise, generalise; choose typical events, figures and stages</i>
Sản phẩm <i>Output</i>	Biên niên, trục thời gian, diễn biến <i>Chronicles, timelines, sequences</i>	Kết luận, bài học, quy luật <i>Conclusions, lessons, laws</i>
Giới hạn khi dùng riêng <i>Limit when used alone</i>	Dễ thành học thuộc sự kiện, không thấy bản chất <i>Turns into rote memorising, missing the essence</i>	Dễ thành khái quát suông, không có chứng cứ <i>Turns into empty generalisation without evidence</i>

Hai phương pháp gắn chặt với nhau, hợp thành phương pháp biện chứng mácxít trong nhận thức lịch sử. Nắm cái lịch sử là cơ sở để nắm cái logic sâu hơn.

The two methods are tightly bound and together form the Marxist dialectical method of knowing history. Grasping the historical is the ground for grasping the logical more deeply.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Hiểu “phương pháp lịch sử” là học thuộc lòng diễn biến. Giáo trình nói rõ phương pháp lịch sử **không có nghĩa là học thuộc** sự kiện; nó đòi hiểu tính chất, bản chất sự kiện, nên không tách rời phương pháp logic.

Taking the “historical method” to mean memorising the sequence of events. The textbook states that

the historical method does not mean rote learning; it requires grasping the nature and essence of events, so it is inseparable from the logical method.

Các phương pháp khác và cách học của sinh viên — Other methods and how students study

- Tổng kết thực tiễn lịch sử gắn với nghiên cứu lý luận, để rút kinh nghiệm, bài học, quy luật.
Summing up historical practice together with theoretical research, to draw experience, lessons and laws.
- So sánh: giữa các giai đoạn, thời kỳ; giữa các sự kiện; giữa trong nước và thế giới.
Comparison: between stages and periods; between events; between Vietnam and the world.
- Vận dụng lý luận vào thực tiễn: dùng triết học, kinh tế chính trị, chủ nghĩa xã hội khoa học và tư tưởng Hồ Chí Minh để giải thích sự kiện Việt Nam.
Applying theory to practice: use philosophy, political economy, scientific socialism and Hồ Chí Minh Thought to explain Vietnamese events.
- Với sinh viên: nghe giảng để nắm nội dung cơ bản; làm việc nhóm, thảo luận vấn đề giảng viên nêu; dùng công nghệ thông tin; học tại bảo tàng và di tích gắn với sự lãnh đạo của Đảng; thi theo quy chế.
For students: attend lectures for the core content; work in groups on issues the lecturer raises; use information technology; study at museums and sites tied to Party leadership; sit exams by the rules.

VÍ DỤ / EXAMPLE — Bài tập so sánh tự làm: đặt cạnh nhau Đại hội II (2/1951) và Đại hội III (9/1960). Cả hai đều nêu đường lối chung, nhưng Đại hội II hướng vào kháng chiến chống Pháp, còn Đại hội III đặt hai chiến lược cho hai miền: miền Bắc làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, miền Nam làm cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Phép so sánh giúp nhớ cả hai đại hội bằng một sơ đồ.

A self-made comparison drill: put the 2nd Congress (2/1951) beside the 3rd (9/1960). Both set a general line, but the 2nd targets the resistance against France, while the 3rd sets two strategies for two zones: the North carries out the socialist revolution, the South the people's national democratic revolution. The comparison lets one diagram hold both congresses.

Tính khoa học và tính đảng — *Scientific character and Party character*

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Tính khoa học <i>Scientific character</i>	Tính đảng <i>Party character</i>
Yêu cầu cốt lõi <i>Core demand</i>	Kết quả nghiên cứu phải đạt chân lý khách quan <i>Findings must reach objective truth</i>	Đứng trên lập trường chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Stand on the ground of Marxism-Leninism and Hồ Chí Minh Thought</i>
Đòi hỏi với người học <i>Demand on the learner</i>	Trung thực, tôn trọng hiện thực, đánh giá có luận cứ; phương pháp sáng tạo, nghiêm túc, có trách nhiệm <i>Honesty, respect for facts, argued assessments; creative, rigorous, responsible methods</i>	Phản ánh đúng quan điểm, đường lối của Đảng; biểu dương cái đúng, phê phán cái sai, cái lạc hậu và quan điểm sai trái của thế lực thù địch <i>Reflect the Party's views and lines correctly; praise the right, criticise the wrong, the backward and hostile distortions</i>
Quan hệ <i>Relation</i>	Thống nhất với tính đảng <i>Unified with Party character</i>	Thống nhất với tính khoa học; cùng phục vụ mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội <i>Unified with scientific character; both serve national independence and socialism</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Hai phương pháp cơ bản: **lịch sử** và **logic**, thống nhất trong phương pháp biện chứng mácxít. Phương pháp khác: **tổng kết thực tiễn gắn nghiên cứu lý luận, so sánh, vận dụng lý luận vào thực tiễn**. Nguyên tắc xuyên suốt: **tính khoa học thống nhất với tính đảng**.

Two basic methods: historical and logical, unified in Marxist dialectics. Other methods: summing up practice with theoretical research, comparison, applying theory to practice. The guiding principle: scientific character unified with Party character.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Viết rằng tính đảng và tính khoa học “mâu thuẫn, phải ưu tiên một bên”. Giáo trình khẳng định hai tính chất **thống nhất**: tính đảng đòi phản ánh đúng, và chỉ phản ánh đúng khi trung thực với sự thật lịch sử.

*Writing that Party character and scientific character “conflict, so one must take priority”. The textbook affirms they are **unified**: Party character requires correct reflection, and reflection is correct only when true to historical fact.*

0.4. Nội dung, mục đích môn học và cách học môn Lịch sử Đảng — *Course content, purposes and how to study Party history*

Ba thời kỳ của môn học — *The course's three periods*

Với sinh viên đại học hệ không chuyên lý luận chính trị, môn học có **2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết)**, chia theo ba thời kỳ.

For undergraduates outside political-theory majors, the course has 2 credits (30 theory periods), organised in three periods.

Chương Chapter	Thời kỳ Period	Trục nội dung Content axis	Mốc mở và đóng Opening and closing milestones
Chương 1 Chapter 1	1930 – 1945 1930 – 1945	Đảng ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền; các phong trào 1930 – 1931, 1936 – 1939, cao trào 1939 – 1945 <i>The Party's birth and its struggle for power; the movements of 1930 – 1931, 1936 – 1939, the 1939 – 1945 upsurge</i>	3/2/1930 thành lập Đảng → Tuyên ngôn độc lập 2/9/1945 <i>Founding 3/2/1930 → Declaration of Independence 2/9/1945</i>
Chương 2 Chapter 2	1945 – 1975 1945 – 1975	Hai cuộc kháng chiến, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, thống nhất đất nước <i>Two resistance wars, building socialism in the North, reunification</i>	Điện Biên Phủ 7/5/1954, Hiệp định Genève 21/7/1954 → giải phóng miền Nam 30/4/1975 <i>Điện Biên Phủ 7/5/1954, Geneva 21/7/1954 → liberation of the South 30/4/1975</i>
Chương 3 Chapter 3	Từ 1975 đến nay 1975 to the present	Cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc, đổi mới <i>The whole country in transition to socialism, defending the country, Đổi Mới</i>	Đại hội IV 12/1976 → Đại hội VI 12/1986 → các đại hội thời đổi mới <i>4th Congress 12/1976 → 6th Congress 12/1986 → the Đổi Mới congresses</i>

Hồ Chí Minh gọi lịch sử Đảng là “cả một pho lịch sử bằng vàng” (Toàn tập, t.12, tr.404). Mục đích môn học: hiểu Đảng là đội tiên phong lãnh đạo cách mạng Việt Nam; giáo dục lý tưởng, truyền thống; củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng; chuẩn bị nhận thức cho thế hệ trẻ khi vào Đảng và tham gia xây dựng Đảng.

Hồ Chí Minh called Party history “a whole golden book of history” (Complete Works, vol. 12, p.404). The course aims to show the Party as the vanguard leading the Vietnamese revolution; to educate in ideals and traditions; to strengthen trust in Party leadership; to prepare young people's understanding when they join and help build the Party.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Ghi Hiệp định Genève ký ngày 7/5/1954. Ngày 7/5/1954 là ngày kết thúc Chiến dịch Điện Biên Phủ; Hiệp định Genève ký ngày 21/7/1954. Hai mốc cách nhau hơn hai tháng.

Writing that the Geneva Agreements were signed on 7/5/1954. 7/5/1954 is the end of the Điện Biên Phủ Campaign; the Geneva Agreements were signed on 21/7/1954, more than two months later.

Cách học: khung bốn câu cho mọi sự kiện — *How to study: a four-question frame for every event*

Câu hỏi thi môn này thường xoay quanh một hội nghị, một đại hội hoặc một văn kiện. Trả lời theo bốn câu cố định giúp bài không sót ý và đúng trọng tâm chủ trương của Đảng.

Exam questions in this subject usually centre on one plenum, one congress or one document. Answering with four fixed questions keeps the essay complete and focused on Party policy.

Bước c Step	Câu hỏi Question	Ghi gì What to write	Áp vào Đại hội VI (12/1986) Applied to the 6th Congress (12/1986)
1 1	Bối cảnh Context	Tình hình thế giới, trong nước; mâu thuẫn hoặc khó khăn buộc Đảng phải ra chủ trương <i>World and domestic situation; the problem forcing a decision</i>	Khủng hoảng kinh tế – xã hội; lạm phát năm 1986 trên 774%; thế giới chuyển từ đối đầu sang đối thoại <i>Socio-economic crisis; inflation above 774% in 1986; the world moving from confrontation to dialogue</i>
2 2	Chủ trương Policy	Hội nghị nào, ngày tháng, nội dung văn kiện, điểm mới so với trước <i>Which meeting, date, document content, what is new</i>	Đổi mới toàn diện, trước hết tư duy kinh tế; kinh tế nhiều thành phần; xóa cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp <i>Comprehensive renewal, economic thinking first; a multi-sector economy; ending bureaucratic centralism and subsidies</i>
3 3	Thực hiện Implementation	Các bước cụ thể hóa sau đó, kết quả có số liệu <i>Later steps that made it concrete, with figures</i>	Khoán 10 (5/4/1988); xóa tem phiếu cuối 1988; lạm phát còn 67,1% năm 1991 <i>Contract 10 (5/4/1988); ration coupons abolished end-1988; inflation down to 67.1% in 1991</i>
4 4	Ý nghĩa, kinh nghiệm <i>Significance, experience</i>	Vị trí của sự kiện trong tiến trình; bài học; liên hệ hôm nay <i>Place in the course; lessons; link to today</i>	Mở đầu thời kỳ đổi mới; bài học nhìn thẳng vào sự thật; hạn chế: chưa gỡ được rồi ren phân phối, lưu thông <i>Opens the Đổi Mới era; the lesson of facing the truth; limit: distribution and circulation still in disarray</i>

VÍ DỤ / EXAMPLE — Mẹo nhớ khung: “**Vì sao – Làm gì – Làm thế nào – Được gì**”. Câu hỏi “**Vì sao năm X Đảng chủ trương Y mà không Z?**” chỉ cần mở rộng bước 1: so sánh điều kiện của Y và Z trong bối cảnh năm X.

Memory hook for the frame: “Why – What – How – What came of it”. A question “Why did the Party choose Y and not Z in year X?” only needs step 1 widened: compare the conditions for Y and Z in the setting of year X.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Viết phần ý nghĩa bằng câu chung chung dùng được cho mọi đại hội. Ý nghĩa phải gắn một điểm mới **riêng** của sự kiện: Đại hội IV gắn với tên Đảng Cộng sản Việt Nam và đường lối cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội; Đại hội VI gắn với đổi mới toàn diện.

*Writing the significance with a stock sentence that fits any congress. Significance must hang on a point **specific** to the event: the 4th Congress with the name Communist Party of Vietnam and the nationwide line to socialism; the 6th with comprehensive Đổi Mới.*

Bảng tổng quan các kỳ Đại hội I – XIV — *Overview of the 1st to 14th National Congresses*

Bảng dùng làm bản đồ cho cả môn học. Mốc I – XIII lấy theo giáo trình; giáo trình chỉ ghi tháng cho Đại hội I và III. Mốc Đại hội XIV lấy từ báo chính thống năm 2026. Ô “—” là chỗ giáo trình không ghi địa điểm.

The table serves as a map of the whole course. Milestones for I – XIII follow the textbook, which gives only the month for the 1st and 3rd Congresses. The 14th Congress dates come from official 2026 press reports. A “—” marks where the textbook gives no venue.

Đại hội Congre ss	Thời gian Dates	Địa điểm Venue	Dấu ấn chính Main mark	Tổng Bí thư được bầu General Secretary elected
I <i>1st</i>	3/1935 <i>3/1935</i>	Ma Cao (Trung Quốc) <i>Macau (China)</i>	Khôi phục hệ thống tổ chức; ba nhiệm vụ trước mắt; Điều lệ Đảng <i>Organisation restored; three immediate tasks; Party Statute</i>	Lê Hồng Phong <i>Lê Hồng Phong</i>
II <i>2nd</i>	11 – 19/2/1951 <i>11 – 19/2/1951</i>	Vinh Quang, Chiêm Hóa, Tuyên Quang <i>Vinh Quang, Chiêm Hóa, Tuyên Quang</i>	Đảng ra công khai, lấy tên Đảng Lao động Việt Nam; Chính cương; “Đại hội kháng chiến kiến quốc” <i>The Party operates openly as the Vietnam Workers’ Party; Political Programme; “congress of resistance and nation-building”</i>	Trưởng Chinh (Hồ Chí Minh: Chủ tịch Đảng) <i>Trưởng Chinh (Hồ Chí Minh: Party Chairman)</i>
III <i>3rd</i>	9/1960 <i>9/1960</i>	Hà Nội <i>Hà Nội</i>	Hai chiến lược cách mạng ở hai miền; Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 – 1965) <i>Two revolutionary strategies for two zones; First Five-Year Plan (1961 – 1965)</i>	Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất <i>Lê Duẩn, First Secretary</i>

Đại hội Congre ss	Thời gian Dates	Địa điểm Venue	Dấu ấn chính Main mark	Tổng Bí thư được bầu General Secretary elected
IV 4th	14 – 20/12/1976 <i>14 – 20/12/1976</i>	Hà Nội <i>Hà Nội</i>	Đổi tên thành Đảng Cộng sản Việt Nam; đường lối cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội; kế hoạch 1976 – 1980 <i>Renamed the Communist Party of Vietnam; nationwide line to socialism; 1976 – 1980 plan</i>	Lê Duẩn <i>Lê Duẩn</i>
V 5th	27 – 31/3/1982 <i>27 – 31/3/1982</i>	— —	Chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ; nông nghiệp là mặt trận hàng đầu; hai nhiệm vụ chiến lược <i>First stage of the transition; agriculture as the leading front; two strategic tasks</i>	Lê Duẩn <i>Lê Duẩn</i>
VI 6th	15 – 18/12/1986 <i>15 – 18/12/1986</i>	Hà Nội <i>Hà Nội</i>	Khởi xướng đường lối đổi mới toàn diện <i>Launches the comprehensive Đổi Mới line</i>	Nguyễn Văn Linh <i>Nguyễn Văn Linh</i>
VII 7th	24 – 27/6/1991 <i>24 – 27/6/1991</i>	Hà Nội <i>Hà Nội</i>	Cương lĩnh năm 1991; Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế – xã hội đến năm 2000 <i>1991 Platform; Strategy for stabilisation and socio-economic development to 2000</i>	Đỗ Mười <i>Đỗ Mười</i>
VIII 8th	28/6 – 1/7/1996 <i>28/6 – 1/7/1996</i>	Hà Nội <i>Hà Nội</i>	Tổng kết 10 năm đổi mới; chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa <i>Sums up 10 years of Đổi Mới; moves to the stage of accelerated industrialisation and modernisation</i>	Đỗ Mười <i>Đỗ Mười</i>
IX 9th	19 – 22/4/2001 <i>19 – 22/4/2001</i>	Hà Nội <i>Hà Nội</i>	Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát; Chiến lược 2001 – 2010 <i>The socialist-oriented market economy as the overall model; 2001 – 2010 Strategy</i>	Nông Đức Mạnh <i>Nông Đức Mạnh</i>

Đại hội <i>Congress</i>	Thời gian <i>Dates</i>	Địa điểm <i>Venue</i>	Dấu ấn chính <i>Main mark</i>	Tổng Bí thư được bầu <i>General Secretary elected</i>
X <i>10th</i>	18 – 25/4/2006 <i>18 – 25/4/2006</i>	Hà Nội <i>Hà Nội</i>	Tổng kết 20 năm đổi mới; xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ then chốt <i>Sums up 20 years of Đổi Mới; Party building and rectification as the key task</i>	Nông Đức Mạnh <i>Nông Đức Mạnh</i>
XI <i>11th</i>	12 – 19/1/2011 <i>12 – 19/1/2011</i>	Hà Nội <i>Hà Nội</i>	Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011); Chiến lược 2011 – 2020 <i>Platform (supplemented and developed in 2011); 2011 – 2020 Strategy</i>	Nguyễn Phú Trọng <i>Nguyễn Phú Trọng</i>
XII <i>12th</i>	20 – 28/1/2016 <i>20 – 28/1/2016</i>	— —	Tổng kết 30 năm đổi mới; Đại hội “Đoàn kết – Dân chủ – Kỷ cương – Đổi mới” <i>Sums up 30 years of Đổi Mới; the congress of “Unity – Democracy – Discipline – Renewal”</i>	Nguyễn Phú Trọng <i>Nguyễn Phú Trọng</i>
XIII <i>13th</i>	25/1 – 1/2/2021 <i>25/1 – 1/2/2021</i>	Hà Nội <i>Hà Nội</i>	Tổng kết 35 năm đổi mới; mục tiêu đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 <i>Sums up 35 years of Đổi Mới; goals to 2030 and a vision to 2045</i>	Nguyễn Phú Trọng <i>Nguyễn Phú Trọng</i>
XIV <i>14th</i>	19 – 23/1/2026 <i>19 – 23/1/2026</i>	Trung tâm Hội nghị Quốc gia, Hà Nội <i>National Convention Center, Hà Nội</i>	Phương châm “Đoàn kết – Dân chủ – Kỷ cương – Đột phá – Phát triển” <i>Motto “Unity – Democracy – Discipline – Breakthrough – Development”</i>	Tô Lâm (tiếp tục) <i>Tô Lâm (re-elected)</i>

Giữa hai kỳ đại hội có những thay đổi nhân sự do Hội nghị Trung ương quyết định: Hội nghị bất thường ngày 14/7/1986 bầu Trường Chinh làm Tổng Bí thư sau khi Lê Duẩn qua đời (10/7/1986); Hội nghị Trung ương 4 khóa VIII (12/1997) bầu Lê Khả Phiêu. Sau khi Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng từ trần (19/7/2024), Trung ương bầu đồng chí Tô Lâm làm Tổng Bí thư ngày 3/8/2024.

Between congresses some leadership changes were decided by Central Committee plenums: an extraordinary plenum on 14/7/1986 elected Trường Chinh General Secretary after Lê Duẩn died (10/7/1986); the 4th Plenum of the 8th Central Committee (12/1997) elected Lê Khả Phiêu. After General Secretary Nguyễn Phú Trọng died (19/7/2024), the Central Committee elected Tô Lâm General Secretary on 3/8/2024.

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Bốn đại hội mang dấu mốc tên gọi và cương lĩnh: **Đại hội II (2/1951)** – tên Đảng Lao động Việt Nam, Chính cương; **Đại hội IV (12/1976)** – tên Đảng Cộng sản Việt Nam; **Đại hội VII (6/1991)** – Cương lĩnh 1991; **Đại hội XI (1/2011)** – Cương lĩnh bổ sung, phát triển. **Đại hội VI (12/1986)** mở đầu đổi mới.

Four congresses mark names and platforms: 2nd (2/1951) – the name Vietnam Workers’ Party, the Political Programme; 4th (12/1976) – the name Communist Party of Vietnam; 7th (6/1991) – the 1991 Platform; 11th (1/2011) – the revised Platform. The 6th (12/1986) opens Đổi Mới.

VÍ DỤ / EXAMPLE — Mẹo nhớ nhịp đại hội thời đổi mới: từ Đại hội VI, các kỳ sau cách nhau đều 5 năm và mỗi kỳ tổng kết thêm 5 năm đổi mới: VIII tổng kết 10 năm (1996), X tổng kết 20 năm (2006), XII tổng kết 30 năm (2016), XIII tổng kết 35 năm (2021). Năm đại hội trừ 1986 ra đúng số năm đổi mới được tổng kết.

A hook for the Đổi Mới congress rhythm: from the 6th onward, congresses come every 5 years and each sums up 5 more years of Đổi Mới: the 8th sums up 10 years (1996), the 10th 20 years (2006), the 12th 30 years (2016), the 13th 35 years (2021). The congress year minus 1986 gives the years summed up.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Nhầm “Bí thư thứ nhất” với “Tổng Bí thư” ở Đại hội III. Năm 1960 Lê Duẩn được bầu làm **Bí thư thứ nhất**, Hồ Chí Minh là Chủ tịch Đảng; đến Đại hội IV (1976) Lê Duẩn mới được bầu làm **Tổng Bí thư**.

*Confusing “First Secretary” with “General Secretary” at the 3rd Congress. In 1960 Lê Duẩn was elected **First Secretary**, with Hồ Chí Minh as Party Chairman; only at the 4th Congress (1976) was Lê Duẩn elected **General Secretary**.*

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Ghi Đại hội I họp năm 1930 vì “Đảng thành lập năm 1930”. Năm 1930 là **Hội nghị thành lập Đảng**; Đại hội I họp tháng 3/1935 ở Ma Cao, sau thời gian khôi phục tổ chức bị khủng bố trắng tàn phá.

*Dating the 1st Congress to 1930 because “the Party was founded in 1930”. 1930 is the **founding conference**; the 1st Congress met in 3/1935 in Macau, after the organisation was restored from the white terror.*

0.5. Bài tập vận dụng có lời giải — *Applied exercises with solutions*

Bài 1. Xếp mốc và tách loại sự kiện — *Exercise 1. Ordering milestones and sorting event types*

Trong buổi ôn tập, nhóm của Vy nhận sáu thẻ ghi sự kiện, xếp lộn xộn: (a) Đại hội IV đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam; (b) Bộ Chính trị họp ngày 6/12/1953 quyết định mở Chiến dịch Điện Biên Phủ; (c) Đại hội I của Đảng họp ở Ma Cao; (d) quân ta nổ súng mở màn Chiến dịch Điện Biên Phủ ngày 13/3/1954; (e) Đại hội VI khởi xướng đường lối đổi mới toàn diện; (f) Đại hội II quyết định Đảng ra hoạt động công khai với tên Đảng Lao động Việt Nam. Yêu cầu: xếp theo thời gian, ghi năm, gắn mỗi thẻ vào một trong ba thời kỳ của môn học, và chỉ ra thẻ nào là sự kiện lịch sử Đảng, thẻ nào là sự kiện quân sự.

At a revision session, Vy’s group gets six event cards in random order: (a) the 4th Congress renames the Vietnam Workers’ Party the Communist Party of Vietnam; (b) the Politburo meets

on 6/12/1953 and decides to open the Điện Biên Phủ Campaign; (c) the Party's 1st Congress meets in Macau; (d) our troops open fire to start the Điện Biên Phủ Campaign on 13/3/1954; (e) the 6th Congress launches the comprehensive Đổi Mới line; (f) the 2nd Congress decides that the Party operates openly as the Vietnam Workers' Party. Task: put them in time order with years, place each card in one of the course's three periods, and say which cards are Party history events and which are military events.

1. Ghi năm cho từng thẻ: (c) 3/1935; (f) 2/1951; (b) 6/12/1953; (d) 13/3/1954; (a) 12/1976; (e) 12/1986. Thứ tự đúng: c – f – b – d – a – e.
Year each card: (c) 3/1935; (f) 2/1951; (b) 6/12/1953; (d) 13/3/1954; (a) 12/1976; (e) 12/1986. Correct order: c – f – b – d – a – e.
2. Gắn thời kỳ: (c) thuộc 1930 – 1945; (f), (b), (d) thuộc 1945 – 1975; (a), (e) thuộc giai đoạn từ 1975 đến nay. Thẻ (a) dễ bị xếp nhầm vào 1945 – 1975 vì gần mốc 1975; Đại hội IV họp sau ngày thống nhất hơn một năm.
Assign periods: (c) belongs to 1930 – 1945; (f), (b), (d) to 1945 – 1975; (a), (e) to 1975 to the present. Card (a) is often put in 1945 – 1975 because it sits near 1975; the 4th Congress met more than a year after reunification.
3. Tách loại sự kiện: (b) là quyết định của cơ quan lãnh đạo Đảng, tức sự kiện lịch sử Đảng; (d) là diễn biến tác chiến, thuộc lịch sử quân sự. Cả hai cùng nói về Điện Biên Phủ nhưng khác chủ thể và khác câu hỏi cần trả lời.
Sort event types: (b) is a decision by a Party leading body, a Party history event; (d) is a combat development, part of military history. Both concern Điện Biên Phủ but differ in actor and in the question they answer.
4. Bốn thẻ đại hội (c, f, a, e) đều là sự kiện lịch sử Đảng vì gắn với đường lối hoặc tổ chức của Đảng: khôi phục tổ chức, đổi tên và hoạt động công khai, đổi tên lần nữa, đổi mới đường lối.
The four congress cards (c, f, a, e) are all Party history events because they concern the Party's line or organisation: restoring the organisation, renaming and operating openly, renaming again, renewing the line.
5. Kết luận khi trình bày: nêu sự kiện kèm chủ thể ra quyết định; với một trận đánh, câu hỏi của môn Lịch sử Đảng là Đảng chủ trương gì trước và sau trận đánh, không phải diễn biến từng đợt tiến công.
Conclusion for the answer: state each event with the body that decided it; for a battle, the Party history question is what the Party decided before and after it, not the course of each assault wave.

Bài 2. “Học lịch sử Đảng là học thuộc ngày tháng” — Exercise 2. “Studying Party history means memorising dates”

Trong nhóm học, Khang nói: “Môn này chỉ cần thuộc ngày tháng, tên hội nghị là đủ điểm. Còn kinh nghiệm hay bài học thì ai viết chẳng giống nhau.” Thảo, đang làm trưởng nhóm dự án chuyển đổi số ở một công ty phần mềm, đáp: “Công ty mình họp rút kinh nghiệm sau mỗi đợt triển khai, nhưng cuối năm mới đúc thành nguyên tắc chung. Môn này cũng có tầng như thế.” Dùng quan hệ giữa phương pháp lịch sử và phương pháp logic, cùng các tầng tổng kết kinh nghiệm – bài học – quy luật, để đánh giá hai ý kiến.

In a study group Khang says: “For this subject you only need dates and conference names to pass. Lessons and experience read the same whoever writes them.” Thảo, who leads a digital transformation project at a software company, replies: “My company reviews each roll-out right after it ends, but only turns those notes into general rules at year’s end. This subject has the same layers.” Use the relation between the historical and the logical method, and the layers of experience – lesson – law, to assess both views.

1. Phương pháp lịch sử đòi hỏi nắm thời gian, không gian, tên người, tên đất; ý của Khang đúng ở phần này. Sai lầm nằm ở chữ “chỉ cần”: phương pháp lịch sử còn đòi hỏi tính chất của sự kiện, nên không tách khỏi phương pháp logic.
The historical method requires time, place and names; Khang is right on that part. The error lies in “only”: the historical method also requires understanding the nature of an event, so it cannot be separated from the logical method.
2. Phương pháp logic đi tìm cái bản chất, cái lặp lại. Ví dụ: Đại hội VI (12/1986) và Hội nghị Trung ương 6 (3/1989) cách nhau hai năm, nhưng cùng một mạch: đổi mới phương thức, giữ mục tiêu xã hội chủ nghĩa. Thuộc hai mốc mà không thấy mạch đó thì bài tự luận chỉ còn liệt kê.
The logical method looks for the essential and the recurrent. Example: the 6th Congress (12/1986) and the 6th Plenum (3/1989) are two years apart but follow one thread: change the methods, keep the socialist goal. Knowing both dates without the thread turns an essay into a list.
3. Ba tầng tổng kết: kinh nghiệm gắn một sự kiện hoặc một giai đoạn; bài học khái quát cho một thời kỳ dài hoặc một vấn đề chiến lược; quy luật và vấn đề lý luận ở tầng cao nhất. Ví dụ của Thảo khớp với hai tầng đầu: họp sau từng đợt là kinh nghiệm, nguyên tắc cuối năm là bài học.
Three layers of summing up: experience tied to one event or stage; a lesson generalised over a long period or a strategic issue; laws and theoretical issues at the top. Thảo’s example fits the first two: the review after each roll-out is experience, the year-end rule is a lesson.
4. Ý “bài học ai viết cũng giống nhau” sai vì mỗi tầng tổng kết phải dựa vào sự kiện cụ thể làm chứng cứ. Một bài học không gắn được với mốc và văn kiện là khẩu hiệu, không phải kết luận khoa học.
The view that “lessons read the same” is wrong because each layer must rest on concrete events as evidence. A lesson that cannot be tied to milestones and documents is a slogan, not a scientific conclusion.
5. Liên hệ: một dự án chuyển đổi số chỉ ghi nhật ký ngày giờ (phương pháp lịch sử) mà không phân tích vì sao lần triển khai này hỏng (phương pháp logic) sẽ lặp lại lỗi cũ; ngược lại, chỉ nêu nguyên tắc chung mà không có nhật ký thì không kiểm chứng được.
Link: a digital transformation project that only logs dates and times (historical method) without asking why a roll-out failed (logical method) repeats old mistakes; conversely, general rules with no log cannot be checked.
6. Kết luận: ý của Khang phiến diện; ý của Thảo đúng hướng. Hai phương pháp thống nhất với nhau và cùng gắn với nguyên tắc tính khoa học, tính đảng.

Conclusion: Khang's view is one-sided; Thảo's is on the right track. The two methods are unified and both tied to the principles of scientific character and Party character.

0.6. Câu hỏi tự luận và dàn ý trả lời — Essay questions and answer outlines

Câu 1. Trình bày đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Question 1. *Present the subject matter of the course History of the Communist Party of Vietnam.*

- Định nghĩa: đối tượng là “sự ra đời, phát triển và hoạt động lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ lịch sử” (giáo trình 2021, tr.13).

General definition: the subject matter is the birth, development and leadership activity of the Party across historical periods.

- Thứ nhất, các sự kiện lịch sử Đảng: nắm nội dung, tính chất, bản chất; tách sự kiện lịch sử Đảng khỏi sự kiện lịch sử dân tộc, lịch sử quân sự cùng thời điểm.

First, Party history events: their content, nature and essence; separate them from national history and military history events of the same moment.

- Thứ hai, Cương lĩnh và đường lối: các cương lĩnh 2/1930, 10/1930, 2/1951, 6/1991, bổ sung 2011; đường lối là cụ thể hóa cương lĩnh trên từng vấn đề nổi bật.

Second, the Platform and lines: the platforms of 2/1930, 10/1930, 2/1951, 6/1991 and the 2011 revision; lines concretise the platform on each salient issue.

- Thứ ba, quá trình lãnh đạo, tổ chức thực tiễn: thắng lợi, thành tựu, kinh nghiệm, bài học, cả khuyết điểm Đảng tự nêu; các truyền thống của Đảng.

Third, the process of leading and organising practice: victories, achievements, experience, lessons, including shortcomings the Party itself admits; the Party's traditions.

- Thứ tư, hệ thống tổ chức và công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức.

Fourth, the organisational system and Party building in politics, ideology, organisation and ethics.

- Liên hệ: chọn một sự kiện (ví dụ Đại hội VI, 12/1986) và chỉ ra nó chạm tới đối tượng nào trong bốn đối tượng trên.

Link: pick one event (for example the 6th Congress, 12/1986) and show which of the four objects it touches.

Câu 2. Phân tích chức năng và nhiệm vụ của khoa học Lịch sử Đảng. Vì sao nói nhiệm vụ tổng kết là nhiệm vụ ở tầm cao nhất?

Question 2. *Analyse the functions and tasks of the science of Party history. Why is summing up called the highest-level task?*

- Ba chức năng: nhận thức (tri thức có hệ thống, quy luật), giáo dục (yêu nước, lý tưởng, truyền thống, đạo đức), dự báo và phê phán (thấy trước, tự phê bình và phê bình).

Three functions: cognition (systematic knowledge, laws), education (patriotism, ideals, traditions, ethics), forecasting and critique (foresight, self-criticism and criticism).

- Quan hệ: nhiệm vụ xuất phát từ đối tượng và cụ thể hóa chức năng.

Relation: the tasks stem from the subject matter and concretise the functions.

- Bốn nhiệm vụ: trình bày có hệ thống Cương lĩnh, đường lối; tái hiện tiến trình lãnh đạo, đấu tranh; tổng kết lịch sử; làm rõ vai trò, sức chiến đấu của hệ thống tổ chức đảng.
Four tasks: present the Platform and lines systematically; recreate the course of leadership and struggle; sum up history; clarify the role and fighting capacity of the Party organisation system.
- Tổng kết vượt lên mô tả: đi từ kinh nghiệm (gắn sự kiện) lên bài học (gắn thời kỳ, vấn đề chiến lược) rồi quy luật, vấn đề lý luận.
Summing up goes beyond description: from experience (tied to events) to lessons (tied to periods or strategic issues) to laws and theoretical issues.
- Dẫn chứng: Đại hội VIII (1996) tổng kết 10 năm đổi mới và kết luận con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng được xác định rõ hơn.
Evidence: the 8th Congress (1996) summed up 10 years of Đổi Mới and concluded that the path to socialism was becoming ever clearer.

Câu 3. Trình bày các phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng. Phân biệt phương pháp lịch sử và phương pháp logic.

Question 3. *Present the methods of researching and studying Party history. Distinguish the historical and the logical method.*

- Phương pháp luận: chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử; quan điểm khách quan, toàn diện, phát triển, lịch sử cụ thể; tư tưởng Hồ Chí Minh làm định hướng, chống giáo điều và chủ quan duy ý chí.
Methodology: dialectical and historical materialism; the objective, comprehensive, developmental and concrete-historical viewpoints; Hồ Chí Minh Thought as orientation, against dogmatism and subjective voluntarism.
- Phương pháp lịch sử: dựng lại tiến trình đúng như đã diễn ra, chú ý cái đặc thù, cái không lặp, bước quanh co; coi trọng thời gian, không gian, nhân vật.
Historical method: rebuild the course as it happened, with attention to the particular, the non-repeating, the detours; care for time, place and actors.
- Phương pháp logic: khái quát cái bản chất, cái phổ biến, cái lặp lại; chọn sự kiện, giai đoạn điển hình để tìm quy luật.
Logical method: generalise the essential, the universal, the recurrent; choose typical events and stages to find laws.
- Hai phương pháp thống nhất trong phương pháp biện chứng mácxít; gắn với tính khoa học và tính đảng.
The two methods are unified in Marxist dialectics and tied to scientific and Party character.
- Phương pháp khác: tổng kết thực tiễn gắn nghiên cứu lý luận, so sánh; với sinh viên: nghe giảng, làm việc nhóm, dùng công nghệ thông tin, học tại bảo tàng và di tích.
Other methods: summing up practice with theoretical research, comparison; for students: lectures, group work, information technology, visits to museums and historical sites.

0.7. Câu hỏi trắc nghiệm — *Multiple-choice questions*

1. Theo giáo trình, đối tượng nghiên cứu của khoa học Lịch sử Đảng là gì?
According to the textbook, what is the subject matter of the science of Party history?
 - A. Toàn bộ lịch sử dân tộc Việt Nam từ thời dựng nước / *The whole history of the Vietnamese nation since its founding*
 - B. Sự ra đời, phát triển và hoạt động lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ / *The birth, development and leadership activity of the Party across periods*
 - C. Lịch sử các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc / *The history of the wars of national liberation*
 - D. Hệ thống lý luận chủ nghĩa Mác – Lênin / *The theoretical system of Marxism-Leninism*
2. Cơ quan chuyên trách nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng (nay là Viện Lịch sử Đảng) được thành lập năm nào?
In which year was the specialised body for Party history research (now the Institute of Party History) founded?
 - A. 1933 / *1933*
 - B. 1960 / *1960*
 - C. 1962 / *1962*
 - D. 1992 / *1992*
3. Tác phẩm Sơ thảo lịch sử phong trào cộng sản Đông Dương (1933) do ai viết, ký tên Hồng Thế Công?
Who wrote A Draft History of the Indochinese Communist Movement (1933) under the name Hồng Thế Công?
 - A. Hà Huy Tập / *Hà Huy Tập*
 - B. Trần Phú / *Trần Phú*
 - C. Lê Hồng Phong / *Lê Hồng Phong*
 - D. Nguyễn Văn Cừ / *Nguyễn Văn Cừ*
4. Văn kiện nào KHÔNG thuộc danh sách cương lĩnh mà giáo trình liệt kê?
Which document is NOT among the platforms listed by the textbook?
 - A. Luận cương chính trị (10/1930) / *Political Thesis (10/1930)*
 - B. Chính cương của Đảng (2/1951) / *Political Programme of the Party (2/1951)*
 - C. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ (6/1991) / *Platform for national construction in the transition period (6/1991)*
 - D. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 (5/1941) / *Resolution of the 8th Plenum (5/1941)*

5. Năm 1942, trong tác phẩm Lịch sử nước ta, Hồ Chí Minh dự báo điều gì? Câu này minh họa chức năng nào?
In 1942, in The History of Our Country, what did Hồ Chí Minh forecast, and which function does it illustrate?
- A. “Năm 1945 Việt Nam độc lập” – chức năng giáo dục / “In 1945 Vietnam will be independent” – education
 - B. “Năm 1945 Việt Nam độc lập” – chức năng dự báo / “In 1945 Vietnam will be independent” – forecasting
 - C. “Năm 1954 Việt Nam độc lập” – chức năng dự báo / “In 1954 Vietnam will be independent” – forecasting
 - D. “Năm 1945 Việt Nam độc lập” – chức năng nhận thức / “In 1945 Vietnam will be independent” – cognition
6. Đại hội đại biểu lần thứ I của Đảng họp ở đâu, khi nào?
Where and when did the Party’s 1st Congress meet?
- A. Ma Cao, 3/1935 / *Macau, 3/1935*
 - B. Hương Cảng, 10/1930 / *Hong Kong, 10/1930*
 - C. Tân Trào, 8/1945 / *Tân Trào, 8/1945*
 - D. Chiêm Hóa, 2/1951 / *Chiêm Hóa, 2/1951*
7. Phương pháp nào trình bày sự kiện theo đúng trình tự thời gian, tái hiện diễn biến cụ thể của từng giai đoạn?
Which method presents events in chronological order, reconstructing how each period actually unfolded?
- A. Phương pháp logic / *The logical method*
 - B. Phương pháp so sánh / *The comparative method*
 - C. Phương pháp lịch sử / *The historical method*
 - D. Phương pháp tổng kết thực tiễn / *The method of reviewing practice*

Chương 1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945) — Chapter 1. The founding of the Communist Party of Vietnam and its leadership of the struggle for power (1930 – 1945)

1.1. Bối cảnh lịch sử và cuộc khủng hoảng đường lối cứu nước — Historical context and the crisis of the line of national salvation

Đề thi về sự ra đời của Đảng hầu như luôn mở bằng câu hỏi “vì sao”. Câu trả lời gồm hai lớp: thế giới đã có lời giải mới (con đường cách mạng vô sản), còn trong nước mọi lời giải cũ đều đã thất bại.

Exam questions on the Party's founding almost always start with “why”. The answer has two layers: the world now offered a new solution (the proletarian revolutionary path), while at home every old solution had failed.

Tình hình thế giới — The world situation

Chuyển biến <i>Change</i>	Thời điểm <i>Time</i>	Tác động tới các nước thuộc địa <i>Impact on the colonies</i>
Chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn độc quyền (đế quốc chủ nghĩa) <i>Capitalism moves to its monopoly (imperialist) stage</i>	Nửa sau thế kỷ XIX <i>Second half of the 19th century</i>	Các nước đế quốc tăng cường xâm chiếm châu Á, châu Phi, Mỹ Latinh; phong trào giải phóng dân tộc lan rộng, mạnh nhất ở châu Á <i>Imperial powers step up conquest in Asia, Africa and Latin America; national liberation movements spread, strongest in Asia</i>
Cách mạng Tháng Mười Nga thắng lợi <i>Victory of the Russian October Revolution</i>	1917 <i>1917</i>	Lần đầu một cuộc cách mạng vô sản giành chính quyền; mở ra hướng đi mới cho các dân tộc bị áp bức <i>For the first time a proletarian revolution takes power; a new direction opens for oppressed peoples</i>
Quốc tế Cộng sản (Quốc tế III) thành lập, do V.I. Lênin đứng đầu <i>The Communist International (Third International) is founded, headed by Lenin</i>	Tháng 3/1919 <i>March 1919</i>	Có bộ tham mưu chung của phong trào cộng sản; bàn cả vấn đề dân tộc và thuộc địa, giúp đỡ phong trào giải phóng <i>A common general staff for the communist movement; it also takes up the national and colonial question and aids liberation movements</i>
Đại hội II Quốc tế Cộng sản thông qua Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa <i>Second Comintern Congress adopts the Preliminary Draft Theses on the National and Colonial Questions</i>	1920 <i>1920</i>	Văn kiện mà Nguyễn Ái Quốc đọc được tháng 7/1920 — chìa khóa cho bước ngoặt tư tưởng của Người <i>The text Nguyễn Ái Quốc read in July 1920 — the key to his ideological turn</i>

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Ghi “Quốc tế Cộng sản thành lập năm 1917”. Năm 1917 là Cách mạng Tháng Mười; Quốc tế Cộng sản ra đời **tháng 3/1919**. Sơ thảo luận cương của Lênin thuộc **Đại hội II (1920)**, không phải Đại hội thành lập.

*Writing “the Communist International was founded in 1917”. 1917 is the October Revolution; the Comintern was born in **March 1919**. Lenin’s Draft Theses belong to the **Second Congress (1920)**, not the founding congress.*

Thực dân Pháp xâm lược và cai trị Việt Nam — *French conquest and rule of Vietnam*

Thời gian <i>Time</i>	Sự kiện <i>Event</i>	Hệ quả <i>Consequence</i>
1/9/1858 <i>1/9/1858</i>	Pháp nổ súng đánh Đà Nẵng <i>France opens fire on Đà Nẵng</i>	Mở đầu cuộc xâm lược, khi nhà Nguyễn đã khủng hoảng <i>Start of the conquest, with the Nguyễn dynasty already in crisis</i>
1862, 1874, 1883 <i>1862, 1874, 1883</i>	Triều Nguyễn ký các hiệp ước nhượng bộ <i>The Nguyễn court signs concession treaties</i>	Mất dần lãnh thổ và chủ quyền; năm 1862 Pháp lập nhà tù Côn Đảo <i>Step-by-step loss of land and sovereignty; in 1862 France sets up the Côn Đảo prison</i>
6/6/1884 <i>6/6/1884</i>	Hiệp ước Patenôt <i>The Patenôtre Treaty</i>	Triều đình đầu hàng; Việt Nam thành thuộc địa <i>The court surrenders; Vietnam becomes a colony</i>
17/10/1887 <i>17/10/1887</i>	Sắc lệnh lập Liên bang Đông Dương thuộc Pháp <i>Decree creating the French Indochinese Union</i>	Gồm Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ, Cao Miên, Ai Lao; Việt Nam bị chia ba kỳ với ba chế độ khác nhau <i>Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ, Cambodia and Laos; Vietnam split into three regions under three regimes</i>
1897 – 1914 <i>1897 – 1914</i>	Khai thác thuộc địa lần thứ nhất <i>First colonial exploitation</i>	Giai cấp công nhân hình thành; khoảng 10 vạn người năm 1913 <i>The working class takes shape; about 100,000 workers in 1913</i>
1919 – 1929 <i>1919 – 1929</i>	Khai thác thuộc địa lần thứ hai <i>Second colonial exploitation</i>	Công nhân hơn 22 vạn người cuối năm 1929 (trên 1,2% dân số); mâu thuẫn dân tộc gay gắt hơn <i>Over 220,000 workers by end-1929 (over 1.2% of the population); national contradiction sharpens</i>

- **Chính trị:** chính sách “chia để trị”, giữ bộ máy phong kiến bản xứ làm tay sai, đàn áp mọi cuộc nổi dậy bằng vũ lực.

Politics: a “divide and rule” policy, keeping the native feudal apparatus as a tool and crushing every uprising by force.

- **Kinh tế:** biến Đông Dương thành thị trường tiêu thụ hàng của chính quốc, vơ vét tài nguyên, dùng nhân công rẻ, đánh thuế nặng.
Economy: turning Indochina into a market for goods from the mother country, stripping resources, using cheap labour and imposing heavy taxes.
- **Văn hóa – xã hội:** chính sách ngu dân, nhà tù nhiều hơn trường học, dùng rượu cồn và thuốc phiện, tuyên truyền luận điệu “khai hóa văn minh”.
Culture and society: keeping the people ignorant, more prisons than schools, spreading alcohol and opium, and preaching the “civilising mission”.

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Hồ Chí Minh tổng kết thân phận dân tộc sau năm 1884: Việt Nam là “một xứ thuộc địa, dân ta là vong quốc nô, Tổ quốc ta bị giày xéo dưới gót sắt của kẻ thù hung ác” (Toàn tập, t.12, tr.401).

Hồ Chí Minh summed up the nation’s fate after 1884: Vietnam was “a colony, our people slaves of a lost country, our Fatherland trampled under the iron heel of a cruel enemy” (Complete Works, vol. 12, p. 401).

Các giai cấp, tầng lớp trong xã hội thuộc địa — *Classes and strata in colonial society*

Bảng dưới là công cụ trả lời câu “giai cấp nào đủ sức lãnh đạo?”. Đọc cột cuối theo hàng dọc: chỉ một dòng có chữ “có”.

The table below answers the question “which class could lead?”. Read the last column downwards: only one row says “yes”.

Giai cấp, tầng lớp <i>Class or stratum</i>	Nguồn gốc, đặc điểm <i>Origin and features</i>	Thái độ chính trị <i>Political attitude</i>	Khả năng lãnh đạo <i>Capacity to lead</i>
Địa chủ <i>Landlords</i>	Giai cấp cơ bản của xã hội phong kiến, bị phân hóa <i>A basic class of feudal society, now split</i>	Một bộ phận làm tay sai; một bộ phận lãnh đạo phong trào Cần Vương; số ít chuyển sang kinh doanh <i>Some serve the French; some led Cần Vương; a few turn to business</i>	Không — ngọn cờ phong kiến đã lỗi thời <i>No — the feudal banner is outdated</i>
Nông dân <i>Peasants</i>	Hơn 90% dân số, bị bóc lột nặng nhất <i>Over 90% of the population, the most exploited</i>	Mâu thuẫn với cả địa chủ và thực dân; khao khát độc lập và ruộng đất <i>In conflict with both landlords and colonialists; long for independence and land</i>	Không tự lãnh đạo được; là lực lượng đông đảo khi có tiên phong dẫn dắt <i>Cannot lead alone; a huge force once a vanguard guides it</i>

Giai cấp, tầng lớp <i>Class or stratum</i>	Nguồn gốc, đặc điểm <i>Origin and features</i>	Thái độ chính trị <i>Political attitude</i>	Khả năng lãnh đạo <i>Capacity to lead</i>
Công nhân <i>Workers</i>	Ra đời trong khai thác thuộc địa; phần lớn gốc nông dân; tập trung ở mỏ, đồn điền; còn nhỏ bé <i>Born of colonial exploitation; mostly of peasant origin; concentrated in mines and plantations; still small</i>	Sớm tiếp thu tư tưởng tiên tiến, đi nhanh từ tự phát lên tự giác <i>Quickly absorbs advanced ideas, moving fast from spontaneous to conscious struggle</i>	Có — giai cấp duy nhất đủ năng lực lãnh đạo <i>Yes — the only class able to lead</i>
Tư sản <i>Bourgeoisie</i>	Xuất hiện muộn hơn công nhân; chia thành tư sản mại bản và tư sản dân tộc <i>Appears later than the workers; split into comprador and national bourgeoisie</i>	Tư sản dân tộc yêu nước nhưng bị chèn ép, yếu về kinh tế <i>The national bourgeoisie is patriotic but squeezed and economically weak</i>	Không — không tập hợp nổi các giai tầng <i>No — cannot rally the other strata</i>
Tiểu tư sản <i>Petty bourgeoisie</i>	Tiểu thương, tiểu chủ, học sinh, sinh viên <i>Small traders, small owners, pupils and students</i>	Yêu nước, nhạy cảm chính trị, nhưng hay dao động <i>Patriotic and politically alert, but wavering</i>	Không — địa vị kinh tế bấp bênh <i>No — economically insecure</i>
Sĩ phu phong kiến <i>Feudal scholars</i>	Tầng lớp trí thức Nho học, cũng phân hóa <i>Confucian-educated intellectuals, also split</i>	Một bộ phận theo tư tưởng dân chủ tư sản hoặc vô sản; nhiều người khởi xướng phong trào <i>Some turn to bourgeois-democratic or proletarian ideas; many start movements</i>	Khởi xướng được, không lãnh đạo đến thắng lợi <i>Can initiate, cannot lead to victory</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX là xã hội **thuộc địa nửa phong kiến**. Mâu thuẫn chủ yếu nhất: **toàn thể dân tộc Việt Nam >> thực dân Pháp và phong kiến phản động**. Bên cạnh đó là mâu thuẫn nông dân >> địa chủ.

*Early twentieth-century Vietnam was a colonial semi-feudal society. The principal contradiction: **the whole Vietnamese nation versus the French colonialists and reactionary feudalists**. Alongside it stood the peasant-versus-landlord contradiction.*

VÍ DỤ / EXAMPLE — Mẹo nhớ con số công nhân: “10 trước chiến tranh, 22 trước khủng hoảng” — khoảng 10 vạn năm 1913 (trước Chiến tranh thế giới thứ nhất), hơn 22 vạn cuối năm 1929 (năm khủng hoảng kinh tế thế giới bùng nổ). Số lượng tăng hơn gấp đôi trong khai thác lần hai, nhưng vẫn chỉ trên 1,2% dân số — vì vậy giai cấp này lãnh đạo nhờ chất lượng, không nhờ số đông.

Memory hook for worker numbers: “10 before the war, 22 before the crash” — about 100,000 in

1913 (before the First World War), over 220,000 at the end of 1929 (when the world depression broke). Numbers more than doubled in the second exploitation, yet stayed just over 1.2% of the population — so this class led by quality, not by numbers.

Luồng tư tưởng mới tràn vào — *New currents of thought arrive*

Nguồn ảnh hưởng <i>Influence</i>	Năm <i>Year</i>	Ai tiếp nhận, theo hướng nào <i>Who took it up, which way</i>
Cách mạng tư sản Pháp <i>French bourgeois revolution</i>	1789 <i>1789</i>	Tư tưởng dân quyền, cộng hòa <i>Ideas of popular rights and republic</i>
Duy Tân Minh Trị (Nhật Bản) <i>Meiji Restoration (Japan)</i>	1868 <i>1868</i>	Phan Bội Châu hướng sang Nhật, mở phong trào Đông Du <i>Phan Bội Châu looks to Japan and starts Đông Du</i>
Cuộc vận động Duy Tân ở Trung Quốc <i>China's reform movement</i>	1898 <i>1898</i>	Sĩ phu tiến bộ tiếp nhận tư tưởng cải cách <i>Progressive scholars take up reformist ideas</i>
Cách mạng Tân Hợi (Trung Quốc) <i>Xinhai Revolution (China)</i>	1911 <i>1911</i>	Phan Bội Châu lập Việt Nam Quang phục Hội (1912) <i>Phan Bội Châu founds the Restoration League (1912)</i>
Cách mạng Tháng Mười Nga <i>Russian October Revolution</i>	1917 <i>1917</i>	Tôn Đức Thắng tham gia đấu tranh trên chiến hạm Pháp ở Biển Đen (1919); Nguyễn Ái Quốc chuyển sang lập trường cộng sản <i>Tôn Đức Thắng joins the protest aboard a French warship in the Black Sea (1919); Nguyễn Ái Quốc turns communist</i>

- Luật sư Phan Văn Trường về nước năm 1923; ông cho đăng Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản của C. Mác và Ph. Ăngghen trên báo La Cloche Fêlée ở Sài Gòn, các số từ 29/3 đến 20/4/1926.

Lawyer Phan Văn Trường returned home in 1923; he had Marx and Engels' Communist Manifesto printed in La Cloche Fêlée in Sài Gòn, in the issues of 29/3 to 20/4/1926.

Các phong trào yêu nước trước khi có Đảng — bảng so sánh — *Patriotic movements before the Party — comparison table*

Phong trào <i>Movement</i>	Khuynh hướng <i>Tendency</i>	Lãnh đạo, thời gian <i>Leaders and period</i>	Chủ trương, phương pháp <i>Aim and method</i>	Kết cục và vì sao thất bại <i>Outcome and why it failed</i>
Cần Vương <i>Cần Vương</i>	Phong kiến <i>Feudal</i>	Vua Hàm Nghi, Tôn Thất Thuyết khởi xướng; 1885 – 1896; tiêu biểu Ba Đình, Bãi Sậy, Hương Khê <i>Started by King Hàm Nghi and Tôn Thất Thuyết; 1885 – 1896; Ba Đình, Bãi Sậy, Hương Khê</i>	Khởi nghĩa vũ trang giúp vua, khôi phục chế độ phong kiến độc lập <i>Armed uprising to aid the king and restore an independent monarchy</i>	Phan Đình Phùng thất bại (1896) — chấm dứt vai trò lãnh đạo của giai cấp phong kiến; ngọn cờ quân chủ không còn tập hợp được toàn dân <i>Phan Đình Phùng's defeat (1896) ended feudal leadership; the monarchist banner could no longer rally everyone</i>
Yên Thế (Bắc Giang) <i>Yên Thế (Bắc Giang)</i>	Nông dân, còn nặng cốt cách phong kiến <i>Peasant, still feudal in character</i>	Hoàng Hoa Thám; cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX, gần 30 năm <i>Hoàng Hoa Thám; late 19th – early 20th century, nearly 30 years</i>	Xây dựng lực lượng, lập căn cứ, đánh Pháp lâu dài <i>Build forces, set up bases, fight the French over many years</i>	Bị đàn áp; không mở rộng liên kết thành cách mạng toàn quốc <i>Crushed; never widened into a national revolution</i>
Đông Du, Việt Nam Quang phục Hội <i>Đông Du, Restoration League</i>	Dân chủ tư sản — bạo động <i>Bourgeois-democratic — violent</i>	Phan Bội Châu; Đông Du bị giải tán 1908; Quang phục Hội lập 1912 <i>Phan Bội Châu; Đông Du broken up in 1908; League founded 1912</i>	Đưa thanh niên sang Nhật học, theo mô hình Nhật; sau đó vũ trang lập nước cộng hòa dân quốc <i>Send youth to study in Japan, follow the Japanese model; later armed struggle for a democratic republic</i>	Nhật trục xuất du học sinh (1908); cương lĩnh mơ hồ; ông bị bắt cuối 1913, quản chế ở Huế đến khi mất (1940) <i>Japan expelled the students (1908); vague programme; he was arrested in late 1913 and held in Huế until his death (1940)</i>

Phong trào <i>Movement</i>	Khuynh hướng <i>Tendency</i>	Lãnh đạo, thời gian <i>Leaders and period</i>	Chủ trương, phương pháp <i>Aim and method</i>	Kết cục và vì sao thất bại <i>Outcome and why it failed</i>
Duy Tân <i>Duy Tân</i>	Dân chủ tư sản — cải cách <i>Bourgeois-democratic — reformist</i>	Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng; Đông Kinh Nghĩa Thục (Hà Nội) <i>Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng; Đông Kinh Nghĩa Thục (Hà Nội)</i>	Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh; dựa vào Pháp để cải cách, bất bạo động <i>Enlighten minds, raise spirit, improve livelihood; reform through France, non-violence</i>	Trường bị đóng cửa (12/1907), chống thuế Trung Kỳ bị đàn áp (1908); ảo tưởng vào lòng tốt của thực dân <i>School closed (12/1907), Trung Kỳ tax protests crushed (1908); illusions about colonial goodwill</i>
Việt Nam Quốc dân Đảng <i>Vietnamese Nationalist Party</i>	Tiểu tư sản trí thức — dân chủ tư sản <i>Petty-bourgeois intellectual — bourgeois-democratic</i>	Nguyễn Thái Học; 12/1927 – 2/1930; chủ yếu ở Bắc Kỳ <i>Nguyễn Thái Học; 12/1927 – 2/1930; mainly Bắc Kỳ</i>	Đánh Pháp, lập cộng hòa tư sản; manh động, ám sát cá nhân; lực lượng là binh lính, sinh viên <i>Expel France, build a bourgeois republic; adventurism, assassinations; soldiers and students</i>	Khởi nghĩa Yên Bái (2/1930) thất bại nhanh; phong trào tan rã <i>The Yên Bái uprising (2/1930) failed fast; the movement collapsed</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Ba nguyên nhân chung khiến mọi phong trào trước 1930 thất bại: (1) **thiếu đường lối chính trị đúng** để giải quyết mâu thuẫn cơ bản; (2) **thiếu tổ chức vững mạnh** để tập hợp, lãnh đạo toàn dân tộc; (3) **thiếu phương pháp đấu tranh thích hợp**. Hệ quả: **khủng hoảng về đường lối cứu nước**.

*Three common reasons why every movement before 1930 failed: (1) **no correct political line** for the basic contradiction; (2) **no strong organisation** to rally and lead the whole nation; (3) **no suitable method of struggle**. Result: **a crisis of the line of national salvation**.*

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Xếp Việt Nam Quốc dân Đảng vào khuynh hướng vô sản vì cùng thời với các tổ chức cộng sản. Đảng này theo **dân chủ tư sản**, mục tiêu là cộng hòa tư sản. Một lỗi khác: gọi phong trào Phan Châu Trinh là “Đông Du” — Đông Du thuộc Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh gắn với **Duy Tân**.

*Placing the Vietnamese Nationalist Party in the proletarian current because it existed alongside the communist groups. It was **bourgeois-democratic**, aiming at a bourgeois republic. Another slip: calling Phan Châu Trinh’s movement “Đông Du” — Đông Du belongs to Phan Bội Châu; Phan Châu Trinh goes with **Duy Tân**.*

VÍ DỤ / EXAMPLE — Mẹo phân biệt “hai Phan”: Phan **Bội** Châu — **Bạo** động, đi **Đông** (Nhật); Phan **Châu** Trinh — **Chấn** dân khí, cải cách trong nước. Hai ông cùng thất bại theo

hai cách ngược nhau: một người trông vào Nhật Bản, một người trông vào chính Pháp cải cách.

Telling the “two Phans” apart: Phan Bội Châu — Bạo động (violence), going East (Japan); Phan Châu Trinh — Chấn dân khí (raising the people’s spirit), reform at home. Both failed in opposite ways: one looked to Japan, the other relied on France itself to reform.

Thất bại để lại hai thứ: chủ nghĩa yêu nước được bồi đắp thêm, và một lớp thanh niên trí thức buộc phải tìm con đường khác. Yêu cầu đặt ra là một tổ chức cách mạng tiên phong có đường lối đúng.

The failures left two things behind: a deeper patriotism, and a generation of young intellectuals forced to look for another path. The demand of the time was a vanguard revolutionary organisation with a correct line.

1.2. Nguyễn Ái Quốc tìm đường cứu nước và chuẩn bị các điều kiện thành lập Đảng — Nguyễn Ái Quốc finds the path and prepares the conditions for founding the Party

Khác các bậc tiền bối đi sang Nhật hay Trung Quốc, Nguyễn Tất Thành đi sang phương Tây, nơi sinh ra chủ nghĩa thực dân, để hiểu kẻ thù từ gốc. Năm 1911 là mốc ra đi; 12/1920 là mốc chọn con đường.

Unlike the earlier patriots who went to Japan or China, Nguyễn Tất Thành went to the West, the birthplace of colonialism, to understand the enemy at its root. 1911 is the year of departure; 12/1920 is the year the path was chosen.

Bảng hành trình Nguyễn Ái Quốc 1911 – 1930 — Nguyễn Ái Quốc’s journey, 1911 – 1930

Thời gian <i>Time</i>	Nơi <i>Place</i>	Sự kiện <i>Event</i>	Ý nghĩa <i>Significance</i>
5/6/1911 <i>5/6/1911</i>	Bến Nhà Rồng (Sài Gòn) <i>Nhà Rồng wharf (Sài Gòn)</i>	Nguyễn Tất Thành rời Tổ quốc đi tìm đường cứu nước <i>Nguyễn Tất Thành leaves to seek a way to save the country</i>	Hướng sang phương Tây, khác lối đi của lớp trước <i>Heads West, unlike the earlier generation</i>
1917 <i>1917</i>	Từ Anh sang Pháp <i>From Britain to France</i>	Chịu tác động của Cách mạng Tháng Mười, gọi đó là cuộc “cách mạng đến nơi” <i>Moved by the October Revolution, which he calls a “thoroughgoing revolution”</i>	Bắt đầu tìm hiểu V.I. Lênin <i>Begins to study Lenin</i>
Đầu 1919 <i>Early 1919</i>	Pháp <i>France</i>	Vào Đảng Xã hội Pháp <i>Joins the French Socialist Party</i>	Hoạt động trong chính đảng tiến bộ nhất nước Pháp lúc đó <i>Works inside France’s most progressive party of the day</i>

Thời gian <i>Time</i>	Nơi <i>Place</i>	Sự kiện <i>Event</i>	Ý nghĩa <i>Significance</i>
18/6/1919 <i>18/6/1919</i>	Hội nghị Versailles <i>Versailles Conference</i>	Ký tên Nguyễn Ái Quốc, gửi Yêu sách của nhân dân An Nam (8 điểm) <i>Signs as Nguyễn Ái Quốc and sends the Demands of the Annamese People (8 points)</i>	Không được đáp ứng; hiểu rõ hơn bản chất đế quốc <i>Ignored; sharper grasp of imperialism</i>
7/1920 <i>7/1920</i>	Pari <i>Paris</i>	Đọc Sơ thảo luận cương của V.I. Lênin trên báo L'Humanité (16 và 17/7/1920) <i>Reads Lenin's Draft Theses in L'Humanité (16 and 17/7/1920)</i>	Tìm thấy lời giải cho vấn đề dân tộc thuộc địa <i>Finds the answer to the colonial question</i>
12/1920 <i>12/1920</i>	Đại hội XVIII Đảng Xã hội Pháp, Tours <i>18th Congress of the French Socialist Party, Tours</i>	Bỏ phiếu tán thành Quốc tế III; tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp <i>Votes for the Third International; co-founds the French Communist Party</i>	Người cộng sản Việt Nam đầu tiên — bước ngoặt quyết định <i>The first Vietnamese communist — the decisive turn</i>
Giữa 1921 <i>Mid-1921</i>	Pháp <i>France</i>	Tham gia lập Hội Liên hiệp thuộc địa <i>Co-founds the Intercolonial Union</i>	Nối các dân tộc thuộc địa với nhau <i>Links colonial peoples together</i>
1922 <i>1922</i>	Pháp <i>France</i>	Trưởng Tiểu ban Nghiên cứu về Đông Dương (Ban Nghiên cứu thuộc địa, Đảng Cộng sản Pháp); số 1 báo Le Paria ra ngày 1/4/1922 <i>Head of the Indochina Subcommittee (Colonial Research Committee, French CP); Le Paria issue 1 out on 1/4/1922</i>	Truyền bá tư tưởng, tố cáo thực dân <i>Spreads ideas, exposes colonialism</i>
30/6/1923 <i>30/6/1923</i>	Mátxcova <i>Moscow</i>	Đến Liên Xô, làm việc ở Quốc tế Cộng sản <i>Arrives in the Soviet Union, works at the Comintern</i>	Khảo sát thực tiễn cách mạng vô sản <i>Studies proletarian revolution at first hand</i>
17/6 – 8/7/1924 <i>17/6 – 8/7/1924</i>	Mátxcova <i>Moscow</i>	Dự, đọc tham luận tại Đại hội V Quốc tế Cộng sản; làm việc ở Ban Phương Đông <i>Attends and speaks at the Fifth Comintern Congress; works in the Eastern Department</i>	Đưa vấn đề thuộc địa vào diễn đàn quốc tế <i>Puts the colonial question on the international stage</i>

Thời gian <i>Time</i>	Nơi <i>Place</i>	Sự kiện <i>Event</i>	Ý nghĩa <i>Significance</i>
11/1924 <i>11/1924</i>	Quảng Châu <i>Guangzhou</i>	Đến Quảng Châu, nơi đông người Việt yêu nước <i>Arrives in Guangzhou, home to many Vietnamese patriots</i>	Chuyển trọng tâm sang chuẩn bị tổ chức <i>Shifts focus to organisation</i>
1925 <i>1925</i>	Pari <i>Paris</i>	Bản án chế độ thực dân Pháp được xuất bản <i>The Indictment of French Colonialism is published</i>	Bản cáo trạng chủ nghĩa thực dân <i>An indictment of colonialism</i>
2/1925 và 6/1925 <i>2/1925 and 6/1925</i>	Quảng Châu <i>Guangzhou</i>	Lập Cộng sản đoàn trong Tâm tâm xã; rồi lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên <i>Forms the Communist League inside Tâm Tâm Xã; then the Vietnamese Revolutionary Youth Association</i>	Tổ chức tiền thân của Đảng <i>The Party's forerunner</i>
1927 <i>1927</i>	Quảng Châu <i>Guangzhou</i>	Đường cách mệnh được xuất bản; 4/1927 Người rời Quảng Châu sang Liên Xô <i>The Revolutionary Path published; in 4/1927 he leaves Guangzhou for the Soviet Union</i>	Cuốn sách chính trị đầu tiên của cách mạng Việt Nam <i>The first political book of the Vietnamese revolution</i>
1928 <i>1928</i>	Xiêm (Thái Lan) <i>Siam (Thailand)</i>	Trở về châu Á, hoạt động trong Việt kiều <i>Returns to Asia, works among overseas Vietnamese</i>	Gần trong nước hơn <i>Closer to home</i>
23/12/1929 <i>23/12/1929</i>	Hồng Kông <i>Hong Kong</i>	Đến với tư cách phái viên Quốc tế Cộng sản, triệu tập hội nghị hợp nhất <i>Arrives as Comintern envoy and convenes the unification conference</i>	Mở đầu việc thành lập Đảng <i>Opens the founding process</i>
6/1 – 7/2/1930 <i>6/1 – 7/2/1930</i>	Cửu Long (Hong Kông) <i>Kowloon (Hong Kong)</i>	Chủ trì Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam <i>Chairs the founding conference of the Communist Party of Vietnam</i>	Đảng ra đời <i>The Party is born</i>

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Nhầm ba mốc năm 1919 – 1920: **6/1919** gửi Yêu sách tới Versailles; **7/1920** đọc Sơ thảo luận cương của Lênin; **12/1920** bỏ phiếu ở Tours. Mốc “trở thành người cộng sản” là 12/1920, không phải 7/1920.
Mixing up three dates of 1919 – 1920: 6/1919 Demands sent to Versailles; 7/1920 reads Lenin's Draft Theses; 12/1920 vote at Tours. He “became a communist” in 12/1920, not 7/1920.

VÍ DỤ / EXAMPLE — Mẹo nhớ: “**Một chín, gửi; hai mươi, đọc rồi bầu**”. 1919 gửi yêu sách — 1920 đọc luận cương (tháng 7) rồi bỏ phiếu (tháng 12). Hai sự kiện năm 1920 cách nhau đúng năm tháng: đọc trước, quyết sau.

Hook: “’19 send; ’20 read then vote”. 1919 sends the demands — 1920 reads the theses (July) then votes (December). The two 1920 events are exactly five months apart: reading first, deciding after.

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Nhận thức Nguyễn Tất Thành rút ra sau nhiều năm bôn ba: “dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột” (Hồ Chí Minh, Toàn tập, t.1, tr.287).

What Nguyễn Tất Thành concluded after years abroad: “whatever the colour of their skin, there are only two kinds of people in the world: the exploiters and the exploited” (Hồ Chí Minh, Complete Works, vol. 1, p. 287).

Ba mặt chuẩn bị: tư tưởng — chính trị — tổ chức — Three kinds of preparation: ideology — politics — organisation

Mặt Area	Việc làm chính Main work	Sản phẩm, công cụ Products and tools	Kết quả Result
Tư tưởng <i>Ideology</i>	Tổ cáo chủ nghĩa thực dân; truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào phong trào công nhân và yêu nước <i>Expose colonialism; carry Marxism-Leninism into the workers’ and patriotic movements</i>	Le Paria; bài trên Nhân đạo, Đời sống công nhân, Tạp chí Cộng sản, Thư tín quốc tế; Bản án chế độ thực dân Pháp <i>Le Paria; articles in L’Humanité, La Vie Ouvrière, La Revue Communiste, Inprecor; The Indictment of French Colonialism</i>	Chủ nghĩa thực dân bị chỉ ra là kẻ thù chung; tư tưởng vô sản đến với người Việt <i>Colonialism shown as the common enemy; proletarian ideas reach the Vietnamese</i>
Chính trị <i>Politics</i>	Xây dựng luận điểm về cách mạng giải phóng dân tộc <i>Build the theses on national liberation revolution</i>	Bài giảng ở Quảng Châu, tập hợp thành Đường cách mệnh (1927) <i>Lectures in Guangzhou, collected as The Revolutionary Path (1927)</i>	Con đường, mục tiêu, lực lượng, phương pháp được xác định <i>Path, goals, forces and methods defined</i>
Tổ chức <i>Organisation</i>	Đào tạo cán bộ, lập tổ chức tiền thân, đưa cán bộ về nước <i>Train cadres, set up a forerunner organisation, send cadres home</i>	Cộng sản đoàn (2/1925); Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (6/1925); báo Thanh niên; phong trào “vô sản hóa” <i>Communist League (2/1925); Revolutionary Youth Association (6/1925); Thanh Niên; “proletarianisation”</i>	Cơ sở trong nước, kỳ bộ ba miền (1927), hạt nhân cho các tổ chức cộng sản 1929 <i>Bases at home, regional committees in three regions (1927), nuclei of the 1929 communist groups</i>

Các luận điểm chính trị cốt lõi — Core political theses

- Con đường của các dân tộc bị áp bức là **giải phóng dân tộc gắn với giải phóng giai cấp**; cả hai chỉ thực hiện được bằng con đường cộng sản.
*The path of oppressed peoples is **national liberation tied to class liberation**; both can be achieved only along the communist road.*
- Cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa là **bộ phận của cách mạng vô sản thế giới**, có quan hệ hai chiều với cách mạng ở chính quốc nhưng **không phụ thuộc** vào nó và **có thể thắng lợi trước**.
*National liberation in the colonies is **part of the world proletarian revolution**, linked both ways with revolution in the mother country but **not dependent** on it, and it **may win first**.*
- Ở nước nông nghiệp lạc hậu, phải lôi cuốn nông dân, xây dựng **liên minh công – nông** làm động lực.
*In a backward farming country the peasants must be won over and a **worker–peasant alliance** built as the driving force.*
- Cách mạng là việc của đông đảo dân chúng, không phải của một nhóm nhỏ — phê phán trực tiếp lối ám sát cá nhân, bạo động non.
Revolution is the work of the broad masses, not of a small group — a direct critique of assassination and premature uprisings.
- Muốn thắng phải có **đảng cách mệnh** lấy chủ nghĩa Mác – Lênin làm nền tảng.
*Victory requires a **revolutionary party** grounded in Marxism-Leninism.*

PHẢI THUỘC / MEMORISE — “Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng giống như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam” (Đường cách mệnh, 1927; Hồ Chí Minh, Toàn tập, t.2, tr.289).

“For the party to be firm it must have a doctrine at its core, which every member understands and follows. A party without a doctrine is like a man without reason, a ship without a compass” (The Revolutionary Path, 1927; Complete Works, vol. 2, p. 289).

PHẢI THUỘC / MEMORISE — “công nông là gốc cách mệnh; còn học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ... là bầu bạn cách mệnh của công nông” (Hồ Chí Minh, Toàn tập, t.2, tr.288).

“workers and peasants are the root of the revolution; students, small traders, small landowners... are their revolutionary companions” (Complete Works, vol. 2, p. 288).

Về vai trò của Đảng, Đường cách mệnh dùng hình ảnh người cầm lái: “Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy” (Toàn tập, t.2, tr.289).

On the Party’s role, The Revolutionary Path uses the image of a helmsman: “Only with a firm Party can the revolution succeed, as a boat moves only when the helmsman is steady” (Complete Works, vol. 2, p. 289).

Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên — tổ chức tiền thân — *The Revolutionary Youth Association — the forerunner*

Nội dung <i>Item</i>	Thông tin cần nhớ <i>Facts to remember</i>
Thành lập <i>Founded</i>	Tháng 6/1925, Quảng Châu; nòng cốt là Cộng sản đoàn (lập 2/1925) <i>June 1925, Guangzhou; core: the Communist League (formed 2/1925)</i>
Mục đích <i>Aim</i>	Làm cách mạng dân tộc (đánh đổ Pháp, giành độc lập) rồi làm cách mạng thế giới (lật đổ đế quốc, thực hiện chủ nghĩa cộng sản) <i>National revolution first (oust France, win independence), then world revolution (overthrow imperialism, realise communism)</i>
Hệ thống tổ chức <i>Structure</i>	5 cấp: trung ương bộ — kỳ bộ — tỉnh bộ/thành bộ — huyện bộ — chi bộ; Tổng bộ lãnh đạo giữa hai kỳ đại hội; trụ sở Quảng Châu <i>5 levels: headquarters — region — province/city — district — cell; the General Headquarters leads between congresses; seat in Guangzhou</i>
Báo Thanh niên <i>Thanh Niên newspaper</i>	Số đầu 21/6/1925; hằng tuần, khoảng 100 bản/số; 88 số đến 4/1927; 202 số đến 2/1930; từ số 89 chuyển về Thượng Hải; mở đầu báo chí cách mạng Việt Nam <i>First issue 21/6/1925; weekly, about 100 copies; 88 issues by 4/1927; 202 by 2/1930; from no. 89 moved to Shanghai; the start of Vietnamese revolutionary journalism</i>
Huấn luyện <i>Training</i>	Trên 10 lớp (giữa 1925 – 4/1927) tại nhà 13A, 13B đường Văn Minh; một số học viên đi học Đại học Phương Đông (Liên Xô), trường quân sự Hoàng Phố (Trung Quốc) <i>Over 10 courses (mid-1925 – 4/1927) at 13A and 13B Văn Minh street; some trainees went on to the University of the Toilers of the East (USSR) and Whampoa (China)</i>
Trong nước <i>At home</i>	Phát triển cơ sở từ đầu 1926; kỳ bộ ra đời năm 1927; có cơ sở trong Việt kiều ở Xiêm <i>Bases from early 1926; regional committees in 1927; branches among Vietnamese in Siam</i>
“Vô sản hóa” <i>“Proletarianisation”</i>	Kỳ bộ Bắc Kỳ phát động từ 29/9/1928: hội viên vào nhà máy, hầm mỏ, đồn điền làm thợ để truyền bá tư tưởng, rèn cán bộ, xây dựng tổ chức công nhân <i>Launched by the Bắc Kỳ Regional Committee from 29/9/1928: members took jobs in factories, mines and plantations to spread ideas, train cadres and organise workers</i>

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Gọi Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là “đảng cộng sản đầu tiên”. Hội **chưa phải chính đảng cộng sản**; chương trình mang lập trường giai cấp công nhân, Hội là **tổ chức tiền thân** dẫn tới các tổ chức cộng sản năm 1929. *Calling the Revolutionary Youth Association “the first communist party”. It was **not yet a communist party**; its programme took the working-class stand, and it was the **forerunner** of the communist organisations of 1929.*

VÍ DỤ / EXAMPLE — Hình dung một trường đào tạo khởi nghiệp: Đường cách mệnh là giáo trình, các lớp ở Quảng Châu là khóa học, báo Thanh niên là kênh truyền thông, “vô sản hóa” là kỳ thực tập tại nhà máy. Bốn năm sau khóa đầu, học viên đã đủ sức tự lập ba “công ty” — ba tổ chức cộng sản năm 1929.

Picture a start-up academy: The Revolutionary Path is the textbook, the Guangzhou courses are the classes, Thanh Niên is the media channel, and “proletarianisation” is the factory internship. Within four years of the first course, graduates were able to found three “companies” — the three communist organisations of 1929.

1.3. Các tổ chức cộng sản năm 1929 và Hội nghị thành lập Đảng — *The communist organisations of 1929 and the Party’s founding conference*

Phong trào chín muồi, Hội Thanh niên không còn đủ sức — *The movement matures; the Youth Association falls short*

Bãi công của thợ thuyền lan khắp ba kỳ, nội dung chính trị đậm hơn: số cuộc đấu tranh năm 1928 – 1929 gấp 2,5 lần năm 1926 – 1927. Đến năm 1929, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên không còn đủ sức lãnh đạo một phong trào lớn như vậy.

Workers’ strikes spread across all three regions with sharper political content: struggles in 1928 – 1929 were 2.5 times those of 1926 – 1927. By 1929 the Revolutionary Youth Association could no longer lead a movement of this size.

- Tháng 3/1929, các cán bộ Kỳ bộ Bắc Kỳ (Trần Văn Cung, Ngô Gia Tự, Nguyễn Đức Cảnh, Trịnh Đình Cửu...) họp ở nhà 5D phố Hàm Long, Hà Nội, lập **chi bộ cộng sản đầu tiên** ở Việt Nam.

In March 1929 cadres of the Bắc Kỳ Regional Committee (Trần Văn Cung, Ngô Gia Tự, Nguyễn Đức Cảnh, Trịnh Đình Cửu...) met at 5D Hàm Long Street, Hà Nội, and set up the first communist cell in Vietnam.

Bảng ba tổ chức cộng sản năm 1929 — *The three communist organisations of 1929*

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Đông Dương Cộng sản Đảng <i>Indochinese Communist Party</i>	An Nam Cộng sản Đảng <i>Annam Communist Party</i>	Đông Dương Cộng sản Liên đoàn <i>Indochinese Communist League</i>
Thời gian <i>Date</i>	17/6/1929 <i>17/6/1929</i>	11/1929 <i>11/1929</i>	9/1929 (Tuyên đạt) <i>9/1929 (Proclamation)</i>
Địa điểm, địa bàn <i>Place, base</i>	Nhà 312 Khâm Thiên, Hà Nội; Bắc Kỳ <i>312 Khâm Thiên, Hà Nội; Bắc Kỳ</i>	Khánh Hội, Sài Gòn; Nam Kỳ <i>Khánh Hội, Sài Gòn; Nam Kỳ</i>	Trung Kỳ <i>Trung Kỳ</i>

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Đông Dương Cộng sản Đảng <i>Indochinese Communist Party</i>	An Nam Cộng sản Đảng <i>Annam Communist Party</i>	Đông Dương Cộng sản Liên đoàn <i>Indochinese Communist League</i>
Xuất phát từ <i>Grew out of</i>	Các tổ chức cộng sản ở Bắc Kỳ, khởi đầu từ chi bộ 5D Hàm Long <i>Communist groups in Bắc Kỳ, starting with the 5D Hàm Long cell</i>	Các chi bộ cộng sản ở Nam Kỳ, ra đời dưới ảnh hưởng của Đông Dương Cộng sản Đảng <i>Communist cells in Nam Kỳ, formed under the influence of the Indochinese CP</i>	Bộ phận tiên tiến của Tân Việt Cách mạng Đảng (có Trần Phú, Nguyễn Thị Minh Khai...) <i>The advanced wing of the Tân Việt Revolutionary Party (with Trần Phú, Nguyễn Thị Minh Khai...)</i>
Văn kiện, cơ quan ngôn luận <i>Documents, organ</i>	Tuyên ngôn, Điều lệ; cờ đỏ búa liềm làm Đảng kỳ; báo Búa liềm <i>Manifesto, Statutes; red hammer-and-sickle flag; Búa liềm newspaper</i>	Điều lệ; Tạp chí Bônsovích <i>Statutes; the journal Bônsovích</i>	Tuyên đạt; chủ trương cải tổ Tân Việt thành đoàn thể cách mạng chân chính <i>Proclamation; plan to reorganise Tân Việt into a genuine revolutionary body</i>
Tham gia hợp nhất <i>Role in unification</i>	Cử 2 đại biểu dự Hội nghị đầu 1930 <i>Sent 2 delegates to the early-1930 conference</i>	Cử 2 đại biểu dự Hội nghị đầu 1930 <i>Sent 2 delegates to the early-1930 conference</i>	Không dự Hội nghị; được chấp nhận gia nhập ngày 24/2/1930 <i>Absent from the conference; admitted on 24/2/1930</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Thứ tự ra đời theo giáo trình: **chi bộ 5D Hàm Long (3/1929) → Đông Dương Cộng sản Đảng (17/6/1929) → Đông Dương Cộng sản Liên đoàn (9/1929) → An Nam Cộng sản Đảng (11/1929)**. Bắc trước, Trung giữa, Nam sau.
Order of founding per the textbook: 5D Hàm Long cell (3/1929) → Indochinese CP (17/6/1929) → Indochinese Communist League (9/1929) → Annam CP (11/1929). North first, Centre next, South last.

Ba tổ chức ra đời trong nửa cuối năm 1929 là bước phát triển về chất của phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản. Mặt trái: cả ba cùng xin Quốc tế Cộng sản công nhận, cùng tự nhận là đảng chân chính, lực lượng bị phân tán, tổ chức không thống nhất.

The three organisations founded in the second half of 1929 marked a qualitative leap of the patriotic movement towards the proletarian current. The downside: all three sought Comintern recognition, each claimed to be the true party, forces were scattered and there was no single organisation.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Ghi Đông Dương Cộng sản Liên đoàn là tổ chức của Nam Kỳ hoặc cho rằng Liên đoàn dự Hội nghị hợp nhất. Liên đoàn ở **Trung Kỳ**,

xuất thân từ **Tân Việt**, và chỉ gia nhập Đảng ngày **24/2/1930**, sau Hội nghị.

*Placing the Indochinese Communist League in Nam Kỳ, or claiming it attended the unification conference. The League was in **Trung Kỳ**, grew out of **Tân Việt**, and joined the Party only on 24/2/1930, after the conference.*

Hội nghị thành lập Đảng (6/1 – 7/2/1930) — *The founding conference (6/1 – 7/2/1930)*

Nội dung <i>Item</i>	Thông tin <i>Facts</i>
Người triệu tập <i>Convened by</i>	Nguyễn Ái Quốc, phái viên Quốc tế Cộng sản, đến Hồng Kông ngày 23/12/1929 <i>Nguyễn Ái Quốc, Comintern envoy, who reached Hong Kong on 23/12/1929</i>
Thời gian, địa điểm <i>Dates, venue</i>	Từ 6/1 đến 7/2/1930, tại Cửu Long (Hồng Kông, Trung Quốc) <i>6/1 to 7/2/1930, Kowloon (Hong Kong, China)</i>
Thành phần <i>Participants</i>	Đông Dương Cộng sản Đảng: Trịnh Đình Cửu, Nguyễn Đức Cảnh. An Nam Cộng sản Đảng: Châu Văn Liêm, Nguyễn Thiệu. Chủ trì: Nguyễn Ái Quốc <i>Indochinese CP: Trịnh Đình Cửu, Nguyễn Đức Cảnh. Annam CP: Châu Văn Liêm, Nguyễn Thiệu. Chair: Nguyễn Ái Quốc</i>
Năm điểm lớn <i>Five main points</i>	(1) bỏ thành kiến xung đột cũ, hợp tác để thống nhất; (2) đặt tên Đảng Cộng sản Việt Nam; (3) thảo Chính cương và Điều lệ sơ lược; (4) định kế hoạch thống nhất trong nước; (5) cử Ban Trung ương lâm thời <i>(1) drop old quarrels, cooperate to unite; (2) name the Communist Party of Vietnam; (3) draft a Platform and outline Statutes; (4) plan unification at home; (5) appoint a provisional Central Committee</i>
Văn kiện thông qua <i>Documents adopted</i>	Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt, Điều lệ vắn tắt — đều do Nguyễn Ái Quốc soạn <i>Brief Political Platform, Brief Strategy, Brief Programme, Brief Statutes — all drafted by Nguyễn Ái Quốc</i>
Tổ chức Đảng <i>Party structure</i>	Bốn tầng: chi bộ — cấp huyện (huyện bộ, thị bộ, khu bộ) — cấp tỉnh (tỉnh bộ, thành bộ, đặc biệt bộ) — Trung ương; đại biểu về nước lập Trung ương lâm thời <i>Four tiers: cell — district level (district, town, area) — provincial level (province, city, special zone) — Centre; delegates to form a provisional Central Committee at home</i>
Đoàn thể quần chúng, báo chí <i>Mass bodies, press</i>	Lập công hội, nông hội, cứu tế, tổ chức phản đế; ra một tạp chí lý luận và ba tờ báo tuyên truyền <i>Trade unions, peasant unions, relief and anti-imperialist bodies; one theoretical journal and three propaganda papers</i>
Hoàn tất thống nhất <i>Unification completed</i>	24/2/1930: Lâm thời chấp ủy ra Quyết nghị chấp nhận Đông Dương Cộng sản Liên đoàn vào Đảng <i>24/2/1930: the Provisional Executive Committee resolves to admit the Indochinese Communist League</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Tôn chỉ của Đảng ghi trong Điều lệ vắn tắt: “Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức ra để lãnh đạo quần chúng lao khổ làm giai cấp tranh đấu để tiêu trừ tư bản đế quốc chủ nghĩa, làm cho thực hiện xã hội cộng sản” (Văn kiện Đảng toàn tập, t.2, tr.7). *The Party’s purpose in the Brief Statutes: the Communist Party of Vietnam “is organised to lead the toiling masses in class struggle to abolish imperialist capitalism and bring about communist society” (Complete Collection of Party Documents, vol. 2, p. 7).*

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Ghi “Hội nghị thành lập Đảng họp ngày 3/2/1930”. Theo giáo trình, Hội nghị diễn ra **từ 6/1 đến 7/2/1930**. Ngày **3/2** là ngày kỷ niệm do **Đại hội III (9/1960)** quyết định lấy theo dương lịch hằng năm. Hai thông tin khác nhau — đề trắc nghiệm hay đặt cạnh nhau dễ bẫy.

*Writing “the founding conference met on 3/2/1930”. Per the textbook it ran **from 6/1 to 7/2/1930**. **3 February** is the anniversary fixed by the **Third Congress (9/1960)**. They are different facts — multiple-choice items often set them side by side as a trap.*

Báo cáo đề ngày 18/2/1930 của Nguyễn Ái Quốc gửi Quốc tế Cộng sản xác nhận: “Chúng tôi họp vào ngày mùng 6/1” và cho biết các đại biểu trở về nước ngày 8/2 (Văn kiện Đảng toàn tập, t.2, tr.19-20). Sau Hội nghị, Người ra Lời kêu gọi nhân dịp thành lập Đảng.

In his report to the Comintern dated 18/2/1930, Nguyễn Ái Quốc wrote “We met on 6 January” and noted that the delegates went home on 8 February (Party Documents, vol. 2, pp. 19-20). After the conference he issued an Appeal on the founding of the Party.

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Hội nghị thành lập Đảng có giá trị như một **Đại hội Đảng**: thống nhất tổ chức, đặt tên Đảng, thông qua cương lĩnh, sách lược, điều lệ, định cơ quan lãnh đạo lâm thời.

*The founding conference **counts as a Party Congress**: it unified the organisation, named the Party, adopted the platform, strategy and statutes, and set up a provisional leadership.*

VÍ DỤ / EXAMPLE — Mẹo nhớ ba ngày tháng 2/1930: **3 — kỷ niệm, 7 — bế mạc, 24 — đủ ba nhà**. Ngày 3 để ăn mừng (chọn năm 1960), ngày 7 Hội nghị kết thúc, ngày 24 tổ chức thứ ba vào Đảng. Thêm ngày 18: báo cáo gửi Quốc tế.

*Hook for February 1930: **3 — anniversary, 7 — closing, 24 — all three in**. The 3rd is for celebrating (fixed in 1960), the 7th the conference closed, the 24th the third group joined. Add the 18th: the report to the Comintern.*

1.4. Cương lĩnh chính trị đầu tiên và ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng

— *The first Political Platform and the historical significance of the Party’s founding*

Trong bốn văn kiện của Hội nghị, chỉ hai văn kiện hợp thành Cương lĩnh: **Chánh cương vắn tắt** và **Sách lược vắn tắt**. Hai văn bản ngắn này nêu đủ phương hướng chiến lược, nhiệm vụ, lực lượng, phương pháp, lãnh đạo và quan hệ quốc tế.

*Of the conference’s four documents, only two form the Platform: the **Brief Political Platform** and the **Brief Strategy**. These two short texts set out the strategic direction, tasks, forces, method, leadership and international ties.*

Bảy nội dung của Cương lĩnh — The seven elements of the Platform

Nội dung <i>Element</i>	Cương lĩnh xác định <i>What the Platform set</i>	Điểm cần ghi nhớ <i>Key point</i>
1. Phương hướng chiến lược <i>1. Strategic direction</i>	“làm tư sản dân quyền c.m và thổ địa c.m để đi tới xã hội cộng sản” <i>“carry out the bourgeois-democratic revolution and the agrarian revolution to advance to communist society”</i>	Hai giai đoạn nối tiếp; cách mạng thuộc địa nằm trong phạm trù cách mạng vô sản <i>Two successive stages; colonial revolution within proletarian revolution</i>
2. Nhiệm vụ chính trị <i>2. Political tasks</i>	Đánh đổ đế quốc Pháp và bọn phong kiến tay sai, giành độc lập trọn vẹn cho đất nước <i>Overthrow French imperialism and its feudal agents, win full independence for the country</i>	Chống đế quốc và chống phong kiến, độc lập dân tộc đặt lên hàng đầu <i>Anti-imperialist and anti-feudal, national independence first</i>
3. Nhiệm vụ xã hội <i>3. Social tasks</i>	Dân chúng được tự do tổ chức; nam nữ bình quyền; phổ thông giáo dục theo công nông hóa <i>Freedom of organisation; equal rights for men and women; universal education along worker-peasant lines</i>	Quyền con người, quyền phụ nữ có từ văn kiện đầu tiên <i>Human and women's rights present from the first document</i>
4. Nhiệm vụ kinh tế <i>4. Economic tasks</i>	Thủ tiêu quốc trái; thu sản nghiệp lớn của tư bản Pháp giao Chính phủ công nông binh; lấy ruộng đất của đế quốc làm của công chia cho dân cày nghèo; miễn sưu thuế cho họ; phát triển công, nông nghiệp; ngày làm tám giờ <i>Cancel state debts; seize large French capitalist property for the worker-peasant-soldier government; take imperialist-held land for poor peasants; abolish head and other taxes for poor peasants; develop industry and farming; eight-hour day</i>	Tịch thu ruộng đất của đế quốc , chưa đặt vấn đề tịch thu của mọi địa chủ <i>Confiscate land of the imperialists, not yet of all landlords</i>
5. Lực lượng cách mạng <i>5. Revolutionary forces</i>	Công nhân, nông dân là lực lượng cơ bản, công nhân lãnh đạo; liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông; lợi dụng hoặc trung lập phú nông, trung tiểu địa chủ, tư bản An Nam chưa rõ mặt phản cách mạng <i>Workers and peasants as the base, led by workers; ties with petty bourgeoisie, intellectuals and middle peasants; use or neutralise rich peasants, middle and small landlords and native capitalists not openly counter-revolutionary</i>	Nền móng của tư tưởng đại đoàn kết dân tộc <i>Foundation of the great national unity idea</i>

Nội dung <i>Element</i>	Cương lĩnh xác định <i>What the Platform set</i>	Điểm cần ghi nhớ <i>Key point</i>
6. Phương pháp <i>6. Method</i>	Bạo lực cách mạng của quần chúng; không thỏa hiệp; bộ phận đã ra mặt phản cách mạng (Đảng Lập hiến...) thì đánh đổ <i>Revolutionary violence of the masses; no compromise; overthrow those openly counter-revolutionary (the Constitutionalist Party...)</i>	Phân biệt rõ ai cần lôi kéo, ai cần đánh đổ <i>Clear line between whom to win over and whom to overthrow</i>
7. Lãnh đạo và đoàn kết quốc tế <i>7. Leadership and international ties</i>	Đảng là đội tiên phong của giai cấp vô sản; cách mạng Việt Nam là bộ phận của cách mạng thế giới, liên lạc với các dân tộc bị áp bức và vô sản thế giới, nhất là vô sản Pháp <i>The Party is the proletarian vanguard; the Vietnamese revolution is part of the world revolution, linked with oppressed peoples and the world proletariat, above all the French</i>	Kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế <i>Patriotism joined with internationalism</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Nhiệm vụ trước mắt ghi trong Cương lĩnh: “Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến, làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập” (Văn kiện Đảng toàn tập, t.2, tr.2).

The immediate task in the Platform: “Overthrow French imperialism and the feudalists, and make the country of Nam fully independent” (Party Documents, vol. 2, p. 2).

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Về phương pháp, Sách lược văn tắt dặn: “không khi nào nhượng một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào đường thỏa hiệp” (Hồ Chí Minh, Toàn tập, t.3, tr.3).

On method, the Brief Strategy warns: never “yield the slightest interest of the workers and peasants and take the road of compromise” (Hồ Chí Minh, Complete Works, vol. 3, p. 3).

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Viết “Cương lĩnh gồm bốn văn kiện của Hội nghị”. Cương lĩnh chỉ gồm **Chánh cương văn tắt + Sách lược văn tắt**; Chương trình tóm tắt và Điều lệ văn tắt được thông qua cùng lúc nhưng không phải Cương lĩnh. Đừng gọi văn kiện tháng 2/1930 là “Luận cương” — tên đó dành cho văn kiện tháng 10/1930.

*Writing “the Platform consists of the conference’s four documents”. The Platform is only the **Brief Political Platform + Brief Strategy**; the Brief Programme and Brief Statutes were adopted at the same time but are not the Platform. Do not call the 2/1930 text a “Thesis” — that name belongs to the 10/1930 document.*

VÍ DỤ / EXAMPLE — Mẹo nhớ bảy nội dung theo chuỗi câu hỏi của một bản kế hoạch: **Đi đâu** (phương hướng) — **Làm gì** (nhiệm vụ chính trị, xã hội, kinh tế) — **Với ai** (lực lượng) — **Bằng cách nào** (phương pháp) — **Ai cầm lái** (Đảng lãnh đạo) — **Bạn bè là ai** (quốc tế). Một dự án khởi nghiệp hôm nay cũng phải trả lời đủ sáu câu đó trước khi gọi vốn.

*Remember the seven elements as the questions of any plan: **Where to** (direction) — **What to do** (political, social, economic tasks) — **With whom** (forces) — **How** (method) — **Who steers** (Party leadership) — **Who are our friends** (international ties). A start-up today must answer the same six questions before raising capital.*

Giá trị của Cương lĩnh — *Value of the Platform*

- Nhận định đúng tính chất **thuộc địa nửa phong kiến** của xã hội Việt Nam những năm 20 của thế kỷ XX và chỉ rõ mâu thuẫn cơ bản, mâu thuẫn chủ yếu.

*It correctly identified the **colonial semi-feudal** nature of Vietnamese society in the 1920s and named the basic and principal contradictions.*

- Đánh giá sát thái độ từng giai tầng trước nhiệm vụ giải phóng dân tộc, từ đó phân định lực lượng chính, lực lượng tranh thủ, đối tượng trung lập, đối tượng đánh đổ.

It judged closely each stratum's attitude to national liberation and so sorted out the main force, those to win over, those to neutralise and those to overthrow.

- Kết hợp vấn đề dân tộc với vấn đề giai cấp, trong đó độc lập dân tộc đi trước — thể hiện tính độc lập, tự chủ, sáng tạo khi vận dụng chủ nghĩa Mác – Lênin.

It joined the national and class questions with national independence first — showing independence, self-reliance and creativity in applying Marxism-Leninism.

- Văn kiện “vắn tắt” về hình thức nhưng chứa cả vấn đề trước mắt và lâu dài của cách mạng Việt Nam.

The documents were “brief” in form but covered both the immediate and the long-term issues of the Vietnamese revolution.

Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng — *Historical significance of the Party's founding*

Phương diện <i>Aspect</i>	Ý nghĩa <i>Significance</i>
Quy luật ra đời <i>Law of formation</i>	Sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác – Lênin + phong trào công nhân + phong trào yêu nước Việt Nam <i>The product of Marxism-Leninism + the workers' movement + the patriotic movement in Vietnam</i>
Đường lối <i>Line</i>	Chấm dứt khủng hoảng về đường lối cứu nước kéo dài từ cuối thế kỷ XIX <i>Ended the crisis of the line of national salvation that had lasted since the late 19th century</i>
Giai cấp <i>Class</i>	Giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành, đủ sức lãnh đạo cách mạng <i>The Vietnamese working class had matured and could lead the revolution</i>
Cương lĩnh <i>Platform</i>	Lần đầu có cương lĩnh phản ánh quy luật khách quan của xã hội Việt Nam, định hướng chiến lược lâu dài <i>For the first time a platform reflected the objective laws of Vietnamese society and set the long-term strategy</i>
Con đường <i>Path</i>	Khẳng định lựa chọn con đường cách mạng vô sản — giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người <i>Confirmed the proletarian revolutionary path — liberating nation, class and people</i>
Quốc tế <i>International</i>	Cách mạng Việt Nam thành bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản thế giới <i>The Vietnamese revolution became an integral part of the world proletarian revolution</i>

Phương diện <i>Aspect</i>	Ý nghĩa <i>Significance</i>
Tiến trình dân tộc <i>National history</i>	Bước ngoặt vĩ đại; Đảng trở thành nhân tố hàng đầu đưa cách mạng đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác <i>A great turning point; the Party became the leading factor carrying the revolution from one victory to the next</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Hồ Chí Minh đánh giá: “Việc thành lập Đảng là một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam ta. Nó chứng tỏ rằng giai cấp vô sản ta đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng” (Toàn tập, t.12, tr.406).

Hồ Chí Minh's verdict: “The founding of the Party was a turning point of the utmost importance in the history of our revolution. It showed that our proletariat had grown up and was able to lead the revolution” (Complete Works, vol. 12, p. 406).

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Viết quy luật ra đời của Đảng là “chủ nghĩa Mác – Lênin kết hợp với phong trào công nhân” và dừng ở đó — đó là công thức chung ở châu Âu. Ở Việt Nam có thêm yếu tố thứ ba: **phong trào yêu nước**. Thiếu yếu tố này là mất điểm ý chính.

*Writing that the Party arose from “Marxism-Leninism combined with the workers’ movement” and stopping there — that is the general European formula. In Vietnam there is a third element: **the patriotic movement**. Leaving it out costs the key point.*

Tổng hợp: bối cảnh → chủ trương → kết quả → ý nghĩa — *Summary: context → policy → result → significance*

Bối cảnh <i>Context</i>	Chủ trương, hành động <i>Policy, action</i>	Kết quả <i>Result</i>	Ý nghĩa <i>Significance</i>
Phong trào yêu nước thất bại, khủng hoảng đường lối (trước 1920) <i>Patriotic movements fail; crisis of line (before 1920)</i>	Nguyễn Ái Quốc tìm đường, chọn Quốc tế III (12/1920) <i>Nguyễn Ái Quốc seeks a path and chooses the Third International (12/1920)</i>	Tìm ra con đường cách mạng vô sản <i>The proletarian path is found</i>	Mở lối thoát cho khủng hoảng đường lối <i>Opens a way out of the crisis</i>
Thiếu lý luận và cán bộ (1921 – 1927) <i>No theory and no cadres (1921 – 1927)</i>	Báo chí, Hội Liên hiệp thuộc địa; Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên; Đường cách mệnh <i>Press, Intercolonial Union; Revolutionary Youth Association; The Revolutionary Path</i>	Chủ nghĩa Mác – Lênin vào Việt Nam; đội ngũ cán bộ đầu tiên <i>Marxism-Leninism reaches Vietnam; the first cadres</i>	Chuẩn bị tư tưởng, chính trị, tổ chức <i>Ideological, political and organisational groundwork</i>

Bối cảnh <i>Context</i>	Chủ trương, hành động <i>Policy, action</i>	Kết quả <i>Result</i>	Ý nghĩa <i>Significance</i>
Phong trào công nhân lên cao (1928 – 1929) <i>Workers' movement rises (1928 – 1929)</i>	“Vô sản hóa”; lập chi bộ đầu tiên (3/1929) <i>“Proletarianisation”; first cell (3/1929)</i>	Ba tổ chức cộng sản ra đời (6 – 11/1929) <i>Three communist organisations (6 – 11/1929)</i>	Bước phát triển về chất, nhưng phân tán <i>A qualitative leap, but divided</i>
Nguy cơ chia rẽ (cuối 1929) <i>Risk of division (late 1929)</i>	Hội nghị hợp nhất do Nguyễn Ái Quốc chủ trì (6/1 – 7/2/1930) <i>Unification conference chaired by Nguyễn Ái Quốc (6/1 – 7/2/1930)</i>	Đảng Cộng sản Việt Nam; Cương lĩnh đầu tiên; thống nhất xong 24/2/1930 <i>Communist Party of Vietnam; first Platform; unity completed 24/2/1930</i>	Bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt Nam <i>A great turning point for the Vietnamese revolution</i>

VÍ DỤ / EXAMPLE — Liên hệ chuyển đổi số: một doanh nghiệp có nhiều phòng ban tự mua phần mềm riêng, dữ liệu không nói chuyện được với nhau — giống tình trạng “ba tổ chức, ba tuyên bố” năm 1929. Lời giải cũng tương tự: một đầu mối điều phối có thẩm quyền, một “cương lĩnh” chung (kiến trúc dữ liệu, chuẩn quy trình), rồi nhập từng bộ phận theo lộ trình thay vì ép một phòng ban làm chuẩn cho tất cả.

A digital-transformation parallel: a firm whose departments each buy their own software, with data that cannot talk across systems — like the “three organisations, three claims” of 1929. The fix is similar: one coordinator with authority, a common “platform” (data architecture, process standards), then bring units in on a timetable instead of forcing one department’s system on everyone.

1.5. Phong trào cách mạng 1930 – 1931 và Luận cương chính trị tháng

10/1930 — *The 1930 – 1931 revolutionary movement and the Political Thesis of October 1930*

Bối cảnh: khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933 và khủng bố trắng — *Background: the 1929 – 1933 slump and the white terror*

Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933 làm sản xuất ở các nước tư bản đình trệ, trong khi Liên Xô vẫn tăng trưởng. Pháp trút gánh nặng khủng hoảng lên thuộc địa: Đông Dương bị vơ vét thêm để bù cho chính quốc. Sau khởi nghĩa Yên Bái (2/1930) của Việt Nam Quốc dân đảng, chính quyền thực dân mở chiến dịch khủng bố trắng. Mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp và tay sai lên tới mức gay gắt.

The 1929 – 1933 slump stalled production in the capitalist countries while the Soviet Union kept growing. France shifted the burden onto its colonies: Indochina was squeezed harder to make up for the home country. After the Yên Bái uprising (February 1930) of the Vietnamese Nationalist Party, the colonial regime launched a white terror. The conflict between the Vietnamese nation and French imperialism with its lackeys became acute.

Diễn biến theo ba nấc — *The course in three steps*

Thời gian <i>Time</i>	Sự kiện <i>Event</i>	Nội dung chính <i>Main content</i>	Ý nghĩa <i>Significance</i>
1 – 4/1930 <i>Jan – Apr 1930</i>	Bãi công và đấu tranh của nông dân <i>Strikes and peasant struggles</i>	Công nhânximăng Hải Phòng, dầu Nhà Bè, đồn điền Phú Riềng, Dầu Tiếng, dệt Nam Định, diêm và cưa Bến Thủy; nông dân Hà Nam, Thái Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh; cờ đỏ búa liềm ở Hà Nội <i>Workers at the Hải Phòng cement plant, Nhà Bè oil depot, Phú Riềng and Dầu Tiếng plantations, Nam Định textile mill, Bến Thủy match and saw mills; peasants in Hà Nam, Thái Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh; hammer-and-sickle flags in Hà Nội</i>	Phong trào khởi động ngay sau khi Đảng ra đời <i>The movement starts right after the Party's birth</i>
5/1930 <i>May 1930</i>	Kỷ niệm Ngày Quốc tế Lao động 1/5 <i>May Day, 1 May</i>	Riêng tháng 5: 16 cuộc bãi công, 34 cuộc biểu tình của nông dân, 4 cuộc đấu tranh ở thành thị <i>May alone: 16 strikes, 34 peasant demonstrations, 4 urban protests</i>	Phong trào chuyển thành cao trào <i>The movement becomes an upsurge</i>
6 – 8/1930 <i>Jun – Aug 1930</i>	Tổng bãi công khu Bến Thủy – Vinh (8/1930) <i>General strike in the Bến Thủy – Vinh zone (Aug 1930)</i>	121 cuộc đấu tranh trong ba tháng <i>121 struggles in three months</i>	Báo hiệu thời kỳ đấu tranh quyết liệt <i>Signals a period of fierce struggle</i>
9/1930 <i>Sep 1930</i>	Biểu tình Hưng Nguyên 12/9/1930; Xô viết ra đời ở Nghệ – Tĩnh <i>Hung Nguyên march, 12 Sep 1930; Soviets in Nghệ – Tĩnh</i>	Máy bay Pháp ném bom giết 171 người; phong trào bùng lên, chính quyền địch ở nhiều thôn xã tan rã <i>French aircraft kill 171; the movement flares, enemy power collapses in many villages</i>	Đỉnh cao của cao trào <i>Peak of the upsurge</i>
Cuối 1930 – 4/1931 <i>Late 1930 – Apr 1931</i>	Pháp đàn áp; 4/1931 toàn bộ Ban Chấp hành Trung ương bị bắt <i>French repression; in Apr 1931 the whole Central Committee is arrested</i>	Hàng nghìn đảng viên, hàng vạn người yêu nước bị bắt, giết, tù đày; các tổ chức tan rã gần hết <i>Thousands of members and tens of thousands of patriots seized, killed or jailed; most organisations broken up</i>	Phong trào tạm lắng, chuyển sang khôi phục <i>The movement subsides and turns to recovery</i>

Xô viết Nghệ – Tĩnh làm gì — *What the Nghệ – Tĩnh Soviets did*

Khi bộ máy cai trị ở nhiều thôn xã Nghệ An, Hà Tĩnh tan rã, các chi bộ đảng đưa ban chấp hành nông hội ra quản lý đời sống nông thôn. Các ủy ban tự quản này hoạt động như một chính quyền kiểu Xôviết.

When colonial rule collapsed in many villages of Nghệ An and Hà Tĩnh, Party cells put the peasant association committees in charge of rural life. These self-management committees worked as Soviet-style government.

- **Chính trị:** chuyên chính với kẻ thù, dân chủ với quần chúng; nông dân được họp bàn việc làng.

Politics: dictatorship over enemies, democracy for the masses; peasants debated village affairs.

- **Chỉ đạo của Trung ương:** tháng 9/1930, Ban Thường vụ gửi thông tri cho Xứ ủy Trung Kỳ: bạo động riêng lẻ ở vài địa phương là quá sớm vì chưa đủ điều kiện; nhiệm vụ là chống khủng bố, giữ lực lượng, giữ ảnh hưởng của Đảng và của Xôviết trong quần chúng.

Central guidance: in September 1930 the Standing Committee told the Central Region Party Committee that isolated uprisings in a few localities were premature; the task was to resist terror, keep the forces and preserve the influence of the Party and the Soviets among the masses.

PHẢI THUỘC / MEMORISE — 12/9/1930 — biểu tình Hưng Nguyên bị ném bom, 171 người chết. **Tháng 9/1930** — đỉnh cao, Xô viết Nghệ – Tĩnh. **Tháng 4/1931** — toàn bộ Ban Chấp hành Trung ương bị bắt. Hồ Chí Minh đánh giá: “Xôviết Nghệ An bị thất bại, nhưng đã có ảnh hưởng lớn” (Toàn tập, t.7, tr.20).

12 Sep 1930 — the Hưng Nguyên march is bombed, 171 dead. September 1930 — the peak, the Nghệ – Tĩnh Soviets. April 1931 — the whole Central Committee is arrested. Hồ Chí Minh’s verdict: “The Nghệ An Soviets failed, but they had great influence” (Complete Works, vol. 7, p. 20).

Ý nghĩa và kinh nghiệm của cao trào 1930 – 1931 — *Significance and lessons of the 1930 – 1931 upsurge*

Mặt <i>Aspect</i>	Nội dung <i>Content</i>
Quyền lãnh đạo <i>Leadership</i>	Khẳng định trong thực tế quyền và năng lực lãnh đạo của giai cấp vô sản qua Đảng <i>Proved in practice the right and ability of the proletariat, through the Party, to lead</i>
Liên minh công nông <i>Worker-peasant alliance</i>	Nông dân tin vào giai cấp công nhân; công nông tin vào sức mình <i>Peasants gained faith in the working class; workers and peasants gained faith in their own strength</i>
Đội ngũ <i>Cadres</i>	Rèn luyện cán bộ, đảng viên và quần chúng yêu nước <i>Trained cadres, members and patriotic masses</i>
Kinh nghiệm <i>Lessons</i>	Kết hợp phản đế với phản phong kiến; phong trào công nhân với phong trào nông dân; nông thôn với thành thị; đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang <i>Combine anti-imperialist and anti-feudal tasks; workers' and peasants' movements; countryside and town; political and armed struggle</i>
Giá trị lâu dài <i>Lasting value</i>	Mở đường cho thắng lợi về sau; được xem là cuộc tập dượt đầu tiên của Đảng và quần chúng <i>Paved the way for later victory; seen as the first rehearsal of the Party and the masses</i>

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Ghi “Xô viết Nghệ – Tĩnh năm 1931 là đỉnh cao”. Đỉnh cao là **tháng 9/1930**; năm 1931 là lúc phong trào bị đàn áp và Ban Chấp hành Trung ương bị bắt (4/1931).

*Writing “the Nghệ – Tĩnh Soviets peaked in 1931”. The peak was **September 1930**; 1931 was the year of repression and the arrest of the Central Committee (April 1931).*

Hội nghị Trung ương lần thứ nhất và Luận cương chính trị — *The 1st Plenum and the Political Thesis*

Hội nghị lần thứ nhất của Ban Chấp hành Trung ương diễn ra **14 – 31/10/1930** ở Hương Cảng (Hong Kông, Trung Quốc), với ba quyết định: lấy tên mới là **Đảng Cộng sản Đông Dương**; bầu **Trần Phú** làm Tổng Bí thư; thông qua **Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương** do Trần Phú khởi thảo.

*From 14 to 31 October 1930 the Central Committee held its 1st Plenum in Hong Kong (China). It made three decisions: rename the Communist Party of Vietnam the **Indochinese Communist Party**; elect **Trần Phú** General Secretary; adopt the **Political Thesis of the Indochinese Communist Party** drafted by Trần Phú.*

PHẢI THUỘC / MEMORISE — “Vấn đề thổ địa là cái cốt của cách mạng tư sản dân quyền” (Luận cương chính trị 10/1930; xem Văn kiện Đảng toàn tập, t.2, tr.88-103).

“The land question is the core of the bourgeois democratic revolution” (Political Thesis, October 1930; see Complete Party Documents, vol. 2, pp. 88-103).

Bảng so sánh Cương lĩnh tháng 2/1930 và Luận cương tháng 10/1930 — Comparison: the February 1930 Platform and the October 1930 Thesis

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Cương lĩnh chính trị đầu tiên (2/1930) <i>First Political Platform (Feb 1930)</i>	Luận cương chính trị (10/1930) <i>Political Thesis (Oct 1930)</i>
Hội nghị, người soạn <i>Meeting, author</i>	Hội nghị thành lập Đảng; Nguyễn Ái Quốc soạn Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt <i>Founding conference; Nguyễn Ái Quốc wrote the Brief Political Programme and Brief Strategy</i>	Hội nghị Trung ương lần thứ nhất (Hương Cảng); Trần Phú khởi thảo <i>1st Plenum (Hong Kong); drafted by Trần Phú</i>
Tên Đảng, phạm vi <i>Party name, scope</i>	Đảng Cộng sản Việt Nam; cách mạng Việt Nam <i>Communist Party of Vietnam; the Vietnamese revolution</i>	Đảng Cộng sản Đông Dương; cách mạng ba nước Đông Dương <i>Indochinese Communist Party; the revolution in three Indochinese countries</i>
Mâu thuẫn được nhấn mạnh <i>Contradiction stressed</i>	Dân tộc Việt Nam (có công nhân, nông dân) với đế quốc <i>The Vietnamese nation (workers and peasants included) against imperialism</i>	Giai cấp: thợ thuyền, dân cày với địa chủ, tư bản, đế quốc <i>Class: workers and peasants against landlords, capitalists, imperialists</i>
Phương hướng <i>Direction</i>	Tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản <i>Bourgeois democratic and agrarian revolution leading to communist society</i>	Tư sản dân quyền (thổ địa, phản đế) rồi bỏ qua tư bản, tiến lên xã hội chủ nghĩa <i>Bourgeois democratic (agrarian, anti-imperialist), then skip capitalism to socialism</i>
Nhiệm vụ <i>Tasks</i>	Chống đế quốc và phong kiến; chống đế quốc, giành độc lập đặt hàng đầu <i>Fight imperialism and feudalism; anti-imperialism and independence put first</i>	Chống phong kiến và đế quốc; ruộng đất là cái cốt , không đặt giải phóng dân tộc lên đầu <i>Fight feudalism and imperialism; land is the core, national liberation not put first</i>
Lực lượng <i>Forces</i>	Công nông là gốc; liên lạc tiểu tư sản, trí thức, trung nông; lợi dụng hoặc trung lập phú nông, trung tiểu địa chủ, tư bản An Nam chưa ra mặt phản cách mạng <i>Workers and peasants as the base; ally with petty bourgeois, intellectuals, middle peasants; use or neutralise rich peasants, small and middle landlords and native capitalists not openly counter-revolutionary</i>	Chỉ vô sản và nông dân là động lực; không có chiến lược liên minh dân tộc rộng rãi <i>Only the proletariat and peasantry as forces; no broad national alliance strategy</i>

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Cương lĩnh chính trị đầu tiên (2/1930) <i>First Political Platform (Feb 1930)</i>	Luận cương chính trị (10/1930) <i>Political Thesis (Oct 1930)</i>
Lãnh đạo <i>Leadership</i>	Đảng là đội tiên phong của giai cấp vô sản <i>The Party as vanguard of the proletariat</i>	Đảng Cộng sản có đường lối đúng, kỷ luật, tập trung <i>A Communist Party with a correct line, discipline and centralism</i>
Phương pháp <i>Method</i>	Bạo lực cách mạng của quần chúng, không thỏa hiệp <i>Revolutionary violence of the masses, no compromise</i>	Võ trang bạo động theo khuôn phép nhà binh <i>Armed insurrection by military rules</i>
Quan hệ quốc tế <i>International ties</i>	Bộ phận cách mạng thế giới; liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản thế giới, nhất là vô sản Pháp <i>Part of the world revolution; links with oppressed nations and the world proletariat, above all the French</i>	Bộ phận cách mạng vô sản thế giới; trước hết gắn với vô sản Pháp và phong trào thuộc địa <i>Part of the world proletarian revolution; first tied to the French proletariat and colonial movements</i>
Giá trị <i>Value</i>	Đúng đắn, sáng tạo; giải quyết đúng quan hệ dân tộc – giai cấp <i>Correct and creative; settles the nation–class relation rightly</i>	Làm rõ nhiều vấn đề chiến lược; về cơ bản thống nhất với Cương lĩnh <i>Clarifies many strategic issues; basically consistent with the Platform</i>
Hạn chế <i>Limits</i>	— —	Không nêu mâu thuẫn chủ yếu; nặng đấu tranh giai cấp; hẹp về lực lượng <i>No principal contradiction named; heavy on class struggle; narrow in forces</i>
Nguyên nhân hạn chế <i>Cause of limits</i>	— —	Chưa nắm đủ thực tiễn thuộc địa; ảnh hưởng tư tưởng “tả” trong Quốc tế Cộng sản <i>Weak grasp of colonial reality; leftist influence in the Communist International</i>

VÍ DỤ / EXAMPLE — Mẹo nhớ bằng hai chữ: Cương lĩnh nhìn bằng “**mắt dân tộc**” — kẻ thù số một là đế quốc, ai yêu nước cũng kéo về được. Luận cương nhìn bằng “**mắt giai cấp**” — kẻ thù là địa chủ cùng đế quốc, bạn chỉ có công và nông. Gặp câu hỏi về lực lượng hay vị trí nhiệm vụ dân tộc, hỏi lại: văn kiện này đang dùng con mắt nào?

A two-word memory aid: the Platform looks through “national eyes” — the first enemy is imperialism and every patriot can be won over. The Thesis looks through “class eyes” — the enemy is landlords plus imperialism and the only allies are workers and peasants. Facing a question on forces or the place of the national task, ask: which eyes is this document using?

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Cho rằng Luận cương “sai từ gốc” hoặc “phủ định” Cương lĩnh. Giáo trình đánh giá Luận cương về cơ bản thống nhất với Cương lĩnh về chiến lược; hạn chế nằm ở vị trí nhiệm vụ dân tộc và phạm vi lực lượng. Lỗi thứ hai: gán cụm “thổ địa là cái cốt” cho Cương lĩnh 2/1930.

*Saying the Thesis was “wholly wrong” or “negated” the Platform. The textbook judges the Thesis **basically consistent** with the Platform on strategy; its limits lie in the place of the national task and the scope of forces. Second error: attributing “land is the core” to the February 1930 Platform.*

Ngay sau Hội nghị tháng 10/1930, ngày **18/11/1930**, Thường vụ Trung ương ra Chỉ thị về vấn đề thành lập **Hội Phản đế đồng minh** — tổ chức mặt trận đầu tiên của Đảng, tập hợp các giai cấp, tầng lớp trong dân tộc. Chỉ thị này là bước điều chỉnh sớm về lực lượng, dù Luận cương chưa được sửa.

*Right after the October 1930 Plenum, on **18 November 1930**, the Standing Committee issued a Directive on founding the **Anti-Imperialist League** — the Party’s first front organisation, gathering classes and strata of the nation. It was an early adjustment on forces, though the Thesis itself stayed unchanged.*

1.6. Khôi phục tổ chức và phong trào 1932 – 1935, Đại hội Đảng lần thứ I (3/1935) — *Restoring the organisation and movement in 1932 – 1935, the 1st National Congress (March 1935)*

Thời gian <i>Time</i>	Sự kiện <i>Event</i>	Nội dung <i>Content</i>	Ý nghĩa <i>Significance</i>
1/1931 <i>Jan 1931</i>	Thông cáo của Ban Thường vụ <i>Standing Committee communiqué</i>	Vạch thủ đoạn bắt dân cày ra đầu thú, hướng dẫn quần chúng đấu tranh <i>Exposes the forced surrender of peasants and guides the masses</i>	Giữ phong trào trong lúc bị khủng bố <i>Holds the movement under terror</i>
3/1931 <i>Mar 1931</i>	Hội nghị Trung ương <i>Central Committee meeting</i>	Quyết định nhiều biện pháp thúc đẩy đấu tranh <i>Decides measures to push the struggle</i>	Cố gắng cuối trước khi Trung ương bị bắt <i>Last effort before the Centre’s arrest</i>
11/4/1931 <i>11 Apr 1931</i>	Nghị quyết của Quốc tế Cộng sản <i>Communist International resolution</i>	Công nhận Đảng Cộng sản Đông Dương là chi bộ độc lập <i>Recognises the ICP as an independent section</i>	Khẳng định vị trí của Đảng trong phong trào quốc tế <i>Confirms the Party’s place internationally</i>
18/4/1931 – 6/9/1931 <i>18 Apr – 6 Sep 1931</i>	Trần Phú bị bắt ở Sài Gòn, hy sinh tại Nhà thương Chợ Quán <i>Trần Phú arrested in Sài Gòn, dies at Chợ Quán hospital</i>	Lời dặn: “Hãy giữ vững chí khí chiến đấu!” <i>His last words: “Keep up the fighting spirit!”</i>	Tấm gương khí tiết của người cộng sản <i>A model of communist integrity</i>

Thời gian <i>Time</i>	Sự kiện <i>Event</i>	Nội dung <i>Content</i>	Ý nghĩa <i>Significance</i>
5/1931 <i>May 1931</i>	Chỉ thị của Thường vụ Trung ương <i>Standing Committee directive</i>	Phê phán chủ trương “thanh trừ trí, phú, địa, hào” của Xứ ủy Trung Kỳ; đề ra hướng Bônsovích hóa Đảng <i>Condemns the Central Region committee’s purge of “intellectuals, rich, landlords, notables”; sets out Bolshevizing the Party</i>	Sửa lệch lạc “tả” trong xây dựng Đảng <i>Corrects leftist errors in Party building</i>
6/6/1931 <i>6 Jun 1931</i>	Nguyễn Ái Quốc bị chính quyền Anh ở Hồng Kông bắt <i>Nguyễn Ái Quốc arrested by British authorities in Hong Kong</i>	Đầu năm 1934 ra tù, trở lại Quốc tế Cộng sản ở Mátxcova <i>Freed in early 1934, returns to the Comintern in Moscow</i>	Lãnh tụ tạm xa phong trào <i>The leader is cut off for a time</i>
15/6/1932 <i>15 Jun 1932</i>	Chương trình hành động của Đảng Cộng sản Đông Dương (Lê Hồng Phong cùng các đồng chí công bố) <i>Programme of Action of the ICP (published by Lê Hồng Phong and comrades)</i>	Đề ra nhiệm vụ đấu tranh trước mắt; xây dựng một đoàn thể bí mật kỷ luật nghiêm <i>Sets immediate tasks of struggle; builds a secret body with strict discipline</i>	Cương lĩnh hành động cho giai đoạn khôi phục <i>Action programme for the recovery phase</i>
3/1933 <i>Mar 1933</i>	Hà Huy Tập viết Sơ thảo lịch sử phong trào cộng sản Đông Dương <i>Hà Huy Tập writes Draft History of the Indochinese Communist Movement</i>	Tổng kết bước đầu kinh nghiệm lãnh đạo, khẳng định công lao Nguyễn Ái Quốc <i>First summing-up of leadership experience; credits Nguyễn Ái Quốc</i>	Bước đầu tổng kết lịch sử Đảng <i>A first review of Party history</i>
2 – 9/5/1933 <i>2 – 9 May 1933</i>	Tòa Đại hình Sài Gòn xử 120 chiến sĩ cộng sản <i>Sài Gòn criminal court tries 120 communists</i>	Đày ra Côn Đảo: Ngô Gia Tự, Lê Văn Lương, Phạm Hùng, Hà Huy Giáp... <i>Sent to Côn Đảo: Ngô Gia Tự, Lê Văn Lương, Phạm Hùng, Hà Huy Giáp...</i>	Nhà tù thành trường học cách mạng <i>Prisons become revolutionary schools</i>
Đầu 1934 <i>Early 1934</i>	Lập Ban Chỉ huy ở ngoài <i>Overseas Leadership Committee set up</i>	Làm chức năng Ban Chấp hành Trung ương, chỉ đạo phong trào trong nước <i>Acts as the Central Committee, directing the movement at home</i>	Nổi lại cơ quan lãnh đạo <i>Leadership restored</i>

Thời gian <i>Time</i>	Sự kiện <i>Event</i>	Nội dung <i>Content</i>	Ý nghĩa <i>Significance</i>
Đầu 1935 <i>Early 1935</i>	Hệ thống tổ chức Đảng được phục hồi <i>Party organisation restored</i>	Đủ điều kiện họp Đại hội <i>Conditions ready for a Congress</i>	Kết thúc giai đoạn khôi phục <i>Recovery phase ends</i>

Đấu tranh trong nhà tù đế quốc — *Struggle inside colonial prisons*

Đảng viên bị giam ở Hỏa Lò, Khám Lớn, Vinh, Hải Phòng, Côn Đảo lập chi bộ bí mật, tổ chức chống khủng bố và đòi cải thiện sinh hoạt. Nguyễn Đức Cảnh viết tổng kết công tác vận động công nhân ngay trong xà lim án chém. Lý Tự Trọng trước giờ hy sinh nói: “Con đường của thanh niên chỉ có thể là con đường cách mạng”. Tù nhân ở Khám Lớn đấu tranh phản đối bản án tử hình Lý Tự Trọng (11/1931).

Members held at Hỏa Lò, Khám Lớn, Vinh, Hải Phòng and Côn Đảo set up secret cells, resisted terror and demanded better conditions. Nguyễn Đức Cảnh wrote a review of work among workers in the death cell. Lý Tự Trọng said before his execution: “The path of youth can only be the path of revolution”. Khám Lớn prisoners protested his death sentence (November 1931).

- **Học tập:** dịch tóm tắt Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, Tư bản, Làm gì?; soạn tài liệu Chủ nghĩa duy vật lịch sử, Những vấn đề cơ bản của cách mạng Đông Dương.
Study: abridged translations of the Communist Manifesto, Capital, What Is to Be Done?; materials written on Historical Materialism and Basic Problems of the Indochinese Revolution.

Đại hội đại biểu lần thứ I (3/1935, Ma Cao) — *The 1st National Congress (March 1935, Macau)*

Đại hội đại biểu lần thứ I diễn ra tháng 3/1935 tại Ma Cao (Trung Quốc), khi hệ thống tổ chức của Đảng đã nối lại từ cơ sở lên Trung ương.

In March 1935 the Party's 1st National Congress met in Macau (China). It marked the restoration of the Party organisation from the base up to the Centre.

Nội dung <i>Item</i>	Quyết định của Đại hội <i>Congress decision</i>
Ba nhiệm vụ trước mắt <i>Three immediate tasks</i>	1) Củng cố, phát triển Đảng; 2) Tập hợp quần chúng; 3) Tuyên truyền chống đế quốc, chống chiến tranh, bênh vực Liên Xô và cách mạng Trung Quốc <i>1) Consolidate and expand the Party; 2) Step up mass mobilisation; 3) Widen propaganda against imperialism and war, for the Soviet Union and the Chinese revolution</i>
Văn kiện <i>Documents</i>	Nghị quyết chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết về vận động quần chúng <i>Political resolution, Party Statute, resolutions on mass work</i>

Nội dung <i>Item</i>	Quyết định của Đại hội <i>Congress decision</i>
Nhân sự <i>Personnel</i>	Bầu Ban Chấp hành Trung ương, Lê Hồng Phong làm Tổng Bí thư; cử đoàn dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản; Nguyễn Ái Quốc làm đại diện của Đảng bên cạnh Quốc tế Cộng sản <i>Elected a Central Committee with Lê Hồng Phong as General Secretary; a delegation to the Comintern's 7th Congress; Nguyễn Ái Quốc as the Party's representative to the Comintern</i>
Hạn chế <i>Limits</i>	Chưa đặt giải phóng dân tộc lên hàng đầu, chưa tập hợp toàn dân tộc; vẫn cho rằng phản đế và điền địa phải đi cùng nhau. Hồ Chí Minh nhận xét chính sách Đại hội Ma Cao không sát phong trào thế giới và trong nước (Toàn tập, t.7, tr.21) <i>Did not yet put national liberation first or rally the whole nation; still held that the anti-imperialist and land revolutions must go together. Hồ Chí Minh judged the Macau line out of touch with the world and home movements (Complete Works, vol. 7, p. 21)</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Đại hội I: tháng 3/1935 — Ma Cao — Tổng Bí thư Lê Hồng Phong. Đại hội đánh dấu sự phục hồi tổ chức, nhưng về đường lối vẫn mang hạn chế của Luận cương 10/1930.

1st Congress: March 1935 — Macau — General Secretary Lê Hồng Phong. It marked organisational recovery but on the line it kept the limits of the October 1930 Thesis.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Ba lỗi thường gặp: (1) ghi Đại hội I họp ở Hương Cảng — Hương Cảng là nơi họp Hội nghị Trung ương 10/1930; (2) nhầm tháng 3/1935 (Đại hội I) với tháng 7/1935 (Đại hội VII Quốc tế Cộng sản ở Mátxcova); (3) cho rằng Nguyễn Ái Quốc chủ trì Đại hội I — Người được cử làm đại diện của Đảng bên cạnh Quốc tế Cộng sản.

Three common errors: (1) placing the 1st Congress in Hong Kong — Hong Kong hosted the October 1930 Plenum; (2) mixing March 1935 (1st Congress) with July 1935 (the Comintern's 7th Congress in Moscow); (3) claiming Nguyễn Ái Quốc chaired the 1st Congress — he was named the Party's representative to the Comintern.

1.7. Phong trào dân chủ 1936 – 1939 — The 1936 – 1939 democratic movement

Điều kiện lịch sử — Historical conditions

- **Thế giới:** để thoát hậu quả khủng hoảng, giới tư sản cầm quyền ở Đức, Italia, Tây Ban Nha... dựa vào bạo lực và chuẩn bị chiến tranh chia lại thị trường. Chủ nghĩa phátxít thắng thế ở một số nước, đe dọa hòa bình.

World: to escape the slump, ruling capitalists in Germany, Italy, Spain and elsewhere relied on force and prepared a war to redivide markets. Fascism won in some countries and threatened peace.

- **Quốc tế Cộng sản:** Đại hội VII (7/1935, Mátxcova) xác định kẻ thù trước mắt là chủ nghĩa phátxít; nhiệm vụ là chống phátxít, chống chiến tranh, bảo vệ dân chủ, hòa bình, lập mặt trận nhân dân rộng rãi. Đoàn Đảng Cộng sản Đông Dương gồm Lê Hồng

Phong, Nguyễn Thị Minh Khai, Hoàng Văn Nôn; Lê Hồng Phong được bầu vào Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản.

***Communist International:** its 7th Congress (July 1935, Moscow) named fascism the immediate enemy; the task was to fight fascism and war, defend democracy and peace and build broad popular fronts. The ICP delegation was Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai and Hoàng Văn Nôn; Lê Hồng Phong was elected to the Comintern's Executive Committee.*

- **Pháp:** Mặt trận nhân dân Pháp (lập 5/1935, nòng cốt là Đảng Cộng sản Pháp) thắng cử năm 1936, lập chính phủ; một số quyền tự do được áp dụng ở thuộc địa, nhiều tù chính trị được thả.

***France:** the French Popular Front (formed in May 1935, with the French Communist Party at its core) won the 1936 election and formed a government; some freedoms reached the colonies and many political prisoners were freed.*

- **Trong nước:** các tầng lớp đều muốn cải cách dân chủ để thoát cảnh ngột ngạt; Đảng đã khôi phục tổ chức và có cán bộ vừa ra tù.

***At home:** all strata wanted democratic reform to escape a stifling climate; the Party had rebuilt its organisation and had cadres just out of prison.*

Chủ trương mới của Đảng — The Party's new line

Thời gian Time	Hội nghị / văn kiện Meeting / document	Nội dung chủ trương Content	Ý nghĩa Significance
26/7/1936 26 Jul 1936	Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương ở Thượng Hải, Lê Hồng Phong chủ trì <i>Central Committee meeting in Shanghai chaired by Lê Hồng Phong</i>	Kẻ thù trước mắt: phản động thuộc địa và tay sai; mục tiêu: tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình; lập Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương ; chuyển sang hình thức công khai, nửa công khai kết hợp bí mật <i>Immediate enemy: colonial reactionaries and lackeys; aims: freedom, democracy, food, peace; found a broad Anti-Imperialist People's Front; move to open and semi-open forms alongside secret work</i>	Mở đầu chủ trương mới theo Đại hội VII Quốc tế Cộng sản <i>Opens the new line after the Comintern's 7th Congress</i>
26/7/1936 26 Jul 1936	Chỉ thị Gửi các tổ chức của Đảng <i>Directive to Party organisations</i>	Ở thuộc địa, nếu chỉ chăm lo đấu tranh giai cấp sẽ khó mở rộng phong trào giải phóng dân tộc <i>In a colony, focusing only on class struggle hampers the national liberation movement</i>	Bắt đầu nhận thức lại quan hệ dân tộc – giai cấp <i>Starts rethinking the nation–class relation</i>
8/1936 – 3/1938 Aug 1936 – Mar 1938	Hà Huy Tập làm Tổng Bí thư <i>Hà Huy Tập as General Secretary</i>	Chỉ đạo chuyển hướng hoạt động <i>Leads the shift in methods</i>	— —

Thời gian <i>Time</i>	Hội nghị / văn kiện <i>Meeting / document</i>	Nội dung chủ trương <i>Content</i>	Ý nghĩa <i>Significance</i>
10/1936 <i>Oct 1936</i>	Văn kiện Chung quanh vấn đề chiến sách mới <i>On the New Policy</i>	Giải phóng dân tộc không nhất định phải kết chặt với cách mạng điền địa; chọn kẻ thù chính, nguy hiểm nhất để tập trung lực lượng <i>National liberation need not be tied to the land revolution; pick the main, most dangerous enemy and concentrate forces</i>	Bước đầu khắc phục hạn chế của Luận cương 10/1930 <i>First step in correcting the October 1930 Thesis</i>
3/1937 và 9/1937 <i>Mar and Sep 1937</i>	Hội nghị Trung ương lần thứ ba và lần thứ tư <i>3rd and 4th Plenums</i>	Bàn sâu công tác tổ chức, chuyển mạnh phương pháp hoạt động để tập hợp quần chúng <i>Deepen organisational work and shift methods further to rally the masses</i>	Đưa chủ trương vào thực tế <i>Puts the line into practice</i>
29 – 30/3/1938 <i>29 – 30 Mar 1938</i>	Hội nghị Trung ương <i>Central Committee Plenum</i>	Lập Mặt trận Dân chủ Đông Dương , coi mặt trận dân chủ thống nhất là nhiệm vụ trung tâm; bầu Nguyễn Văn Cừ làm Tổng Bí thư <i>Found the Indochinese Democratic Front, making a united democratic front the central task; elect Nguyễn Văn Cừ General Secretary</i>	Mở rộng khối đoàn kết <i>Widens the alliance</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — “Cuộc dân tộc giải phóng không nhất định phải kết chặt với cuộc cách mạng điền địa” (Chung quanh vấn đề chiến sách mới, 10/1936; Văn kiện Đảng toàn tập, t.6, tr.152). Đây là văn kiện **bước đầu** khắc phục hạn chế của Luận cương; khắc phục **triệt để** là Hội nghị Trung ương 8 (5/1941).

*“National liberation need not be tightly bound to the land revolution” (On the New Policy, October 1936; Complete Party Documents, vol. 6, p. 152). This document **began** correcting the Thesis; the **full** correction came at the 8th Plenum (May 1941).*

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Nhầm tên ba mặt trận. **Mặt trận nhân dân phản đế** — 7/1936; **Mặt trận Dân chủ Đông Dương** — 3/1938; **Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương** — 11/1939. Thêm Hội Phản đế đồng minh (11/1930) ở trước và Mặt trận Việt Minh (5/1941) ở sau là đủ chuỗi năm tổ chức mặt trận.

*Confusing the three fronts. **Anti-Imperialist People’s Front** — July 1936; **Indochinese Democratic Front** — March 1938; **Indochinese Anti-Imperialist United National Front** — November 1939. Add the Anti-Imperialist League (November 1930) before and the Việt Minh Front (May 1941) after to complete the chain of five front bodies.*

Các hình thức đấu tranh đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình — *Forms of struggle for freedom, democracy, food and peace*

Hình thức <i>Form</i>	Diễn biến tiêu biểu <i>Key events</i>
Phong trào Đông Dương đại hội <i>Indochinese Congress movement</i>	Đón ủy ban điều tra thuộc địa của Pháp, thu thập “dân nguyện”; lập “ủy ban hành động” ở nhà máy, đồn điền, làng xã — riêng Nam Kỳ có 600 ủy ban <i>Meet the French colonial inquiry, collect “people’s wishes”; set up “action committees” in factories, plantations and villages — 600 in Cochinchina alone</i>
Biểu dương lực lượng <i>Shows of strength</i>	Đầu năm 1937, dưới danh nghĩa “đón rước” Gôđa (Godart) và toàn quyền Brêviê (Brévié): mít tinh, biểu tình, đưa dân nguyện <i>Early 1937, under cover of “welcoming” Godart and Governor-General Brévié: rallies, marches, petitions</i>
Bãi công, mít tinh <i>Strikes and rallies</i>	Thợ mỏ bãi công lớn ngày 12/11/1936 ; mít tinh nhân Ngày Quốc tế Lao động 1/5 <i>Big miners’ strike (12 Nov 1936); May Day rallies</i>
Báo chí, sách <i>Press and books</i>	Báo tiếng Việt, tiếng Pháp của Đảng; sách Vấn đề dân cày (1938) — tác giả Qua Ninh (Trường Chinh), Văn Đình (Võ Nguyên Giáp); Chủ nghĩa mácxít phổ thông (1938) — Hải Triều; Hội truyền bá quốc ngữ <i>Party papers in Vietnamese and French; The Peasant Question (1938) by Qua Ninh (Trường Chinh) and Văn Đình (Võ Nguyên Giáp); Popular Marxism (1938) by Hải Triều; the Association for Spreading the National Script</i>
Nghị trường <i>Elected bodies</i>	1937 – 1938: vận động tranh cử vào Viện dân biểu Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Hội đồng quản hạt Nam Kỳ, Hội đồng kinh tế lý tài Đông Dương <i>1937 – 1938: election campaigns for the Tonkin and Annam People’s Representative Chambers, the Cochinchina Colonial Council and the Indochina Economic and Financial Council</i>

Kết quả, ý nghĩa và kinh nghiệm — *Results, significance and lessons*

Chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra (**9/1939**), Pháp đàn áp, Đảng rút vào bí mật, cuộc vận động dân chủ kết thúc. Đảng xác định các yêu sách dân chủ không phải mục đích cuối cùng; con đường đến mục đích phải đi qua nhiều chặng, giành thắng lợi từng bước.

*The Second World War broke out (**September 1939**), France cracked down, the Party went underground and the democratic campaign ended. The Party held that democratic demands were not the final goal; the road to it passed through many stages, winning step by step.*

Bối cảnh <i>Context</i>	Chủ trương <i>Line</i>	Kết quả <i>Results</i>	Ý nghĩa <i>Significance</i>
Phátxít đe dọa; Mặt trận nhân dân Pháp cầm quyền; tù chính trị được thả <i>Fascist threat; French Popular Front in power; political prisoners freed</i>	Mục tiêu trước mắt: tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình; mặt trận rộng; kết hợp công khai và bí mật <i>Immediate aims: freedom, democracy, food, peace; a broad front; open and secret forms combined</i>	4/1938: 1.597 đảng viên bí mật, hơn 200 đảng viên công khai; 35.009 hội viên các đoàn thể; đội quân chính trị hàng triệu người <i>April 1938: 1,597 secret members, over 200 open members; 35,009 members of mass bodies; a political army of millions</i>	Trận địa mở rộng ở cả thành thị và nông thôn; bước chuẩn bị cho Tháng Tám 1945 <i>Ground won in town and country; a preparation for August 1945</i>

- **Kinh nghiệm chỉ đạo chiến lược:** giải quyết quan hệ giữa mục tiêu chiến lược và mục tiêu trước mắt.
Strategic direction: handle the relation between strategic and immediate goals.
- **Kinh nghiệm mặt trận:** lập mặt trận rộng theo yêu cầu nhiệm vụ chính trị, phân hóa và cô lập kẻ thù nguy hiểm nhất.
Front work: build a broad front to fit the political task; divide and isolate the most dangerous enemy.
- **Kinh nghiệm tổ chức và đấu tranh:** kết hợp hình thức bí mật với công khai, hợp pháp với bất hợp pháp; dùng nghị trường, báo chí, đòi dân sinh dân chủ.
Organisation and struggle: combine secret and open, legal and illegal forms; use elected bodies, the press and demands for livelihood and democracy.
- **Kinh nghiệm xây dựng Đảng:** Hà Huy Tập viết Tờrốttxky và phản cách mạng (5/5/1937) phê phán nhóm tờrốttxkit; Nguyễn Văn Cừ viết Tự chỉ trích (1939), công khai tự phê bình.
Party building: Hà Huy Tập's Trotsky and Counter-Revolution (5 May 1937) against the Trotskyists; Nguyễn Văn Cừ's Self-Criticism (1939), open self-criticism.

1.8. Chuyển hướng chiến lược 1939 – 1945, cao trào kháng Nhật và Tổng khởi nghĩa Tháng Tám — *The strategic shift of 1939 – 1945, the anti-Japanese upsurge and the August General Insurrection*

Bối cảnh 1939 – 1941 — *Background, 1939 – 1941*

Tháng 9/1939 Chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra; ngày 28/9/1939 Toàn quyền Đông Dương cấm tuyên truyền cộng sản, đặt Đảng ra ngoài vòng pháp luật. Tháng 6/1940 Pháp đầu hàng Đức; tháng 9/1940 Nhật vào Đông Dương, Pháp câu kết với Nhật, nhân dân chịu cảnh “một cổ hai tròng”. Tháng 6/1941 Đức đánh Liên Xô; tháng 12/1941 chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ.

In September 1939 the Second World War broke out; on 28 September 1939 the Governor-General banned communist propaganda and outlawed the Party. In June 1940 France surrendered to Germany; in September 1940 Japan entered Indochina and France collaborated,

leaving the people under a “double yoke”. In June 1941 Germany attacked the Soviet Union; in December 1941 the Pacific War broke out.

Hội nghị Trung ương 6 (11/1939) — The 6th Plenum (November 1939)

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương tháng 11/1939 họp tại **Bà Điểm (Hóc Môn, Gia Định)**, khi Nguyễn Văn Cừ là Tổng Bí thư. Hội nghị mở đầu sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược.

The Central Committee met in November 1939 at Bà Điểm (Hóc Môn, Gia Định), with Nguyễn Văn Cừ as General Secretary. The meeting began the shift in strategic direction.

- **Đặt giải phóng dân tộc lên trên hết**; mọi vấn đề, kể cả ruộng đất, phải nhằm vào mục đích đó mà giải quyết.
Put national liberation above all; every issue, land included, must serve that aim.
- **Tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất**; thay bằng đòi giảm địa tô, chống lãi nặng, lấy ruộng của đế quốc và của địa chủ phản bội dân tộc chia cho dân cày.
Shelve the land-revolution slogan; replace it with opposing high rent and usury and confiscating land of imperialists and traitor landlords for peasants.
- **Lập Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương**, gồm mọi dân tộc, giai cấp, đảng phái, cá nhân yêu nước ở Đông Dương.
Found the Indochinese Anti-Imperialist United National Front of all nations, classes, parties and patriots in Indochina.

PHẢI THUỘC / MEMORISE — “Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không còn có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm, vô luận da trắng hay da vàng để giành lấy giải phóng độc lập” (Hội nghị Trung ương 11/1939; Văn kiện Đảng toàn tập, t.6, tr.536).

“The only road to survival for the Indochinese nations is to overthrow French imperialism and resist all foreign yokes, white or yellow, to win liberation and independence” (Plenum of November 1939; Complete Party Documents, vol. 6, p. 536).

Hội nghị Trung ương 7 (11/1940) và ba cuộc nổi dậy 1940 – 1941 — The 7th Plenum (November 1940) and the three risings of 1940 – 1941

Ngày 17/1/1940, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ bị bắt; nhiều Ủy viên Trung ương cũng sa vào tay địch. Nhật vào Đông Dương được hơn một tháng thì Hội nghị cán bộ Trung ương họp (11/1940) ở làng **Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh)** và lập lại Ban Chấp hành Trung ương.

On 17 January 1940 General Secretary Nguyễn Văn Cừ was arrested; many Central Committee members also fell into enemy hands. In November 1940, just over a month after Japan entered Indochina, a meeting of central cadres at Đình Bảng village (Từ Sơn, Bắc Ninh) rebuilt the Central Committee.

- Quyết định giữ và củng cố lực lượng vũ trang Bắc Sơn; đình chỉ chủ trương khởi nghĩa ở Nam Kỳ (quyết định chưa kịp truyền đến thì khởi nghĩa đã nổ ra).
Decided to keep and strengthen the Bắc Sơn armed force; halted the Cochinchina uprising plan (the order arrived too late, the rising had begun).

- Về đường lối còn **dao động**: cho rằng phản đế và thổ địa phải cùng tiến song song, tính chất tư sản dân quyền không đổi — chưa dứt khoát với chủ trương của Hội nghị 11/1939.

*On the line it still **wavered**: it held that the anti-imperialist and land revolutions must advance together and the bourgeois democratic character was unchanged — not yet firm on the November 1939 line.*

Cuộc nổi dậy <i>Rising</i>	Thời gian <i>Time</i>	Diễn biến <i>Course</i>	Kết quả, ý nghĩa <i>Result, meaning</i>
Khởi nghĩa Bắc Sơn <i>Bắc Sơn uprising</i>	27/9/1940 <i>27 Sep 1940</i>	Nhân lúc Pháp thua Nhật ở Lạng Sơn rút chạy, nhân dân chiếm đồn Mỏ Nhài, làm chủ châu lỵ <i>As the French fled after losing to Japan at Lạng Sơn, the people took Mỏ Nhài post and the district seat</i>	Lập đội du kích Bắc Sơn, sau thành Cứu quốc quân <i>Bắc Sơn guerrilla unit formed, later the National Salvation Army</i>
Khởi nghĩa Nam Kỳ <i>Cochinchina uprising</i>	Đêm 23/11/1940 <i>Night of 23 Nov 1940</i>	Chiếm nhiều đồn bót, quận lỵ; lập chính quyền cách mạng ở một số nơi <i>Took posts and district seats; revolutionary power in some places</i>	Bị đàn áp khốc liệt, phong trào Nam Kỳ khó khăn nhiều năm <i>Brutally crushed; the southern movement set back for years</i>
Binh biến Đô Lương <i>Đô Lương mutiny</i>	13/1/1941 <i>13 Jan 1941</i>	Binh lính ở đồn Chợ Rạng (Nghệ An) do Đội Cung chỉ huy nổi dậy <i>Soldiers at Chợ Rạng post (Nghệ An) led by Sergeant Cung rose</i>	Bị dập tắt nhanh <i>Quickly suppressed</i>

Đảng đánh giá ba cuộc nổi dậy là những tiếng súng báo hiệu cho khởi nghĩa toàn quốc, bước đầu đấu tranh bằng vũ lực của nhân dân Đông Dương.

The Party called the three risings the warning shots of a nationwide uprising, the first armed struggle of the Indochinese peoples.

Hội nghị Trung ương 8 (5/1941) — hoàn chỉnh chuyển hướng — *The 8th Plenum (May 1941) — completing the shift*

Ngày **28/1/1941**, sau 30 năm hoạt động ở nước ngoài, Nguyễn Ái Quốc về nước, dừng chân ở Cao Bằng. Tháng **5/1941**, Người chủ trì Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương tại Pác Bó (Cao Bằng). Hội nghị bầu **Trường Chinh** làm Tổng Bí thư và quyết định sáu nội dung.

*On 28 January 1941, after 30 years abroad, Nguyễn Ái Quốc returned home and settled in Cao Bằng. In May 1941 he chaired the 8th Plenum of the Central Committee at Pác Bó (Cao Bằng). It elected **Trường Chinh** General Secretary and decided six points.*

Nội dung <i>Point</i>	Quyết định của Hội nghị 8 <i>8th Plenum decision</i>
1. Mâu thuẫn chủ yếu <i>1. Principal contradiction</i>	Giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp và phátxít Nhật; dưới hai tầng áp bức, quyền lợi mọi giai cấp bị cướp, vận mệnh dân tộc nguy vong <i>Between the Vietnamese nation and French imperialism plus Japanese fascism; under the double oppression every class is robbed and the nation is in peril</i>
2. Thay đổi chiến lược <i>2. Change of strategy</i>	Cách mạng trước mắt là cách mạng giải phóng dân tộc , giải quyết một vấn đề cần kíp; tiếp tục tạm gác khẩu hiệu đánh đổ địa chủ, chia ruộng; thay bằng tịch thu ruộng đất của đế quốc, Việt gian chia cho dân cày nghèo, chia lại ruộng công, giảm tô, giảm tức <i>The immediate revolution is a national liberation revolution solving one urgent issue; keep the slogan on overthrowing landlords shelved; instead confiscate land of imperialists and traitors for poor peasants, redistribute communal land, cut rent and interest</i>
3. Dân tộc tự quyết <i>3. Self-determination</i>	Giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước; sau khi đuổi Pháp – Nhật, các dân tộc tự chọn lập liên bang hay đứng riêng; mỗi nước lập một mặt trận riêng <i>The national question settled within each country; after expelling France and Japan, peoples choose federation or separate states; each country has its own front</i>
4. Mặt trận Việt Minh <i>4. Việt Minh Front</i>	Tập hợp mọi người yêu nước không phân biệt thợ thuyền, dân cày, phú nông, địa chủ, tư sản bản xứ; các đoàn thể mang tên “cứu quốc” <i>Rally every patriot regardless of class — workers, peasants, rich peasants, landlords, native capitalists; mass bodies named “national salvation”</i>
5. Hình thức nhà nước <i>5. Form of state</i>	Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa theo tinh thần tân dân chủ, “của chung cả toàn thể dân tộc”; không nói chính quyền Xôviết công nông <i>The Democratic Republic of Vietnam in a new-democratic spirit, “common to the whole nation”; not worker–peasant Soviet power</i>
6. Khởi nghĩa vũ trang <i>6. Armed uprising</i>	Chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm ; khởi nghĩa từng phần ở từng địa phương mở đường cho tổng khởi nghĩa; xác định điều kiện và dự đoán thời cơ <i>Preparing armed uprising is the central task; local partial uprisings open the way to a general insurrection; conditions and timing forecast</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — “Chưa chủ trương làm cách mạng tư sản dân quyền mà chủ trương làm cách mạng giải phóng dân tộc” (Hội nghị Trung ương 8, 5/1941; Văn kiện Đảng toàn tập, t.7, tr.119). Hội nghị 8 hoàn chỉnh chủ trương từ 11/1939, khắc phục triệt để hạn chế của Luận cương 10/1930, trở lại và phát triển Cương lĩnh 2/1930.
“We do not yet aim at a bourgeois democratic revolution but at a national liberation revolution” (8th Plenum, May 1941; Complete Party Documents, vol. 7, p. 119). The 8th Plenum completed the line of November 1939, fully overcame the limits of the October 1930 Thesis, and returned to and developed the February 1930 Platform.

Bảng so sánh ba Hội nghị Trung ương 6, 7, 8 — Comparison of the 6th, 7th and 8th Plenums

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Hội nghị 6 (11/1939) <i>6th Plenum (Nov 1939)</i>	Hội nghị 7 (11/1940) <i>7th Plenum (Nov 1940)</i>	Hội nghị 8 (5/1941) <i>8th Plenum (May 1941)</i>
Địa điểm <i>Venue</i>	Bà Điểm (Hóc Môn, Gia Định) <i>Bà Điểm (Hóc Môn, Gia Định)</i>	Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh) <i>Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh)</i>	Pác Bó (Cao Bằng) <i>Pác Bó (Cao Bằng)</i>
Người đứng đầu <i>Leader</i>	Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ <i>General Secretary Nguyễn Văn Cừ</i>	Lập lại Ban Chấp hành Trung ương sau khi Nguyễn Văn Cừ bị bắt <i>Central Committee rebuilt after Nguyễn Văn Cừ's arrest</i>	Nguyễn Ái Quốc chủ trì; bầu Trường Chinh làm Tổng Bí thư <i>Chaired by Nguyễn Ái Quốc; Trường Chinh elected</i>
Bối cảnh riêng <i>Specific context</i>	Chiến tranh vừa nổ ra; Đảng bị cấm <i>War just begun; Party banned</i>	Nhật vào Đông Dương; Bắc Sơn vừa nổ ra, Nam Kỳ chuẩn bị khởi nghĩa <i>Japan in Indochina; Bắc Sơn just risen, Cochinchina preparing</i>	Nguyễn Ái Quốc về nước; Đức sắp đánh Liên Xô <i>Nguyễn Ái Quốc back home; Germany about to attack the USSR</i>
Nhiệm vụ dân tộc <i>National task</i>	Đặt lên trên hết <i>Put above all</i>	Còn cho rằng phản đế và thổ địa phải đồng thời tiến <i>Still held anti-imperialist and land revolutions must go together</i>	Cách mạng giải phóng dân tộc, giải quyết một vấn đề cấp bách <i>National liberation revolution, one urgent issue</i>
Ruộng đất <i>Land</i>	Tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất <i>Land-revolution slogan shelved</i>	Coi cách mạng thổ địa là điều kiện thành công của phản đế <i>Land revolution seen as a condition for anti-imperialist success</i>	Tiếp tục tạm gác; giảm tô, giảm tức, chia ruộng của đế quốc, Việt gian <i>Still shelved; cut rent and interest, share land of imperialists and traitors</i>
Mặt trận <i>Front</i>	Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương <i>Indochinese Anti-Imperialist United National Front</i>	Không đề ra mặt trận mới <i>No new front</i>	Mỗi nước một mặt trận; ở Việt Nam là Việt Minh <i>One front per country; the Việt Minh in Vietnam</i>
Vũ trang <i>Armed struggle</i>	Chưa đặt thành nhiệm vụ trung tâm <i>Not yet the central task</i>	Giữ lực lượng Bắc Sơn, hoãn khởi nghĩa Nam Kỳ <i>Keep the Bắc Sơn force, postpone Cochinchina</i>	Khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm <i>Armed uprising as the central task</i>

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Hội nghị 6 (11/1939) <i>6th Plenum (Nov 1939)</i>	Hội nghị 7 (11/1940) <i>7th Plenum (Nov 1940)</i>	Hội nghị 8 (5/1941) <i>8th Plenum (May 1941)</i>
Vị trí <i>Place</i>	Mở đầu chuyển hướng <i>Opens the shift</i>	Bước dao động, chưa dứt khoát <i>A wavering step</i>	Hoàn chỉnh chuyển hướng <i>Completes the shift</i>

VÍ DỤ / EXAMPLE — Mẹo nhớ ba hội nghị theo chuỗi “Mở – Lùi – Chốt”. **6** mở (11/1939, miền Nam, Bà Điểm); **7** lùi một nhịp (11/1940, Bắc Ninh, ruộng đất lại “đồng thời tiến”); **8** chốt (5/1941, Cao Bằng, Nguyễn Ái Quốc, Việt Minh). Địa điểm đi từ Nam ra Bắc lên biên giới, đúng hướng lãnh đạo dời về căn cứ.

*Remember the three Plenums as “Open – Step back – Settle”. **6th** opens (Nov 1939, the South, Bà Điểm); **7th** steps back (Nov 1940, Bắc Ninh, land again “advances together”); **8th** settles (May 1941, Cao Bằng, Nguyễn Ái Quốc, Việt Minh). The venues move from South to North to the border, as leadership moved to the base area.*

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Ghi “Hội nghị 6 lập Mặt trận Việt Minh” hoặc “Hội nghị 8 họp ở Bà Điểm”. Việt Minh và Pác Bó thuộc **Hội nghị 8 (5/1941)**; Hội nghị 6 lập Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương. Lỗi khác: coi Hội nghị 7 là bước tiến tiếp — giáo trình đánh giá Trung ương lúc đó chưa dứt khoát. Lưu ý: giáo trình gọi các hội nghị 11/1939 và 11/1940 theo tháng, không ghi số thứ tự; số 6, 7 là cách gọi quen dùng.

*Writing “the 6th Plenum founded the Việt Minh” or “the 8th Plenum met at Bà Điểm”. The Việt Minh and Pác Bó belong to the **8th Plenum (May 1941)**; the 6th founded the Anti-Imperialist United National Front. Another error: treating the 7th as a further advance — the textbook says the Centre was not yet firm. Note: the textbook names the November 1939 and November 1940 meetings by month, without numbers; “6th” and “7th” are the usual labels.*

Chuẩn bị lực lượng 1941 – 1944 — *Building forces, 1941 – 1944*

Sau Hội nghị 8, ngày **6/6/1941** Nguyễn Ái Quốc gửi thư kêu gọi đồng bào đoàn kết đánh đuổi đế quốc và Việt gian. Ngày **25/10/1941**, Việt Minh công bố Tuyên ngôn. Kẻ thù đàn áp gắt gao: ngày **26/8/1941** Pháp xử bắn Nguyễn Văn Cừ, Phan Đăng Lưu, Hà Huy Tập, Võ Văn Tần, Nguyễn Thị Minh Khai ở Hóc Môn; Lê Hồng Phong hy sinh ở Côn Đảo (**6/9/1942**); Nguyễn Ái Quốc bị quân Trung Hoa dân quốc giữ từ 8/1942 đến 9/1943.

*After the 8th Plenum, on **6 June 1941** Nguyễn Ái Quốc wrote to the people calling for unity against the imperialists and traitors. On **25 October 1941** the Việt Minh issued its Manifesto. Repression was harsh: on **26 August 1941** France shot Nguyễn Văn Cừ, Phan Đăng Lưu, Hà Huy Tập, Võ Văn Tần and Nguyễn Thị Minh Khai at Hóc Môn; Lê Hồng Phong died on Côn Đảo (**6 September 1942**); Nguyễn Ái Quốc was held by Chinese Nationalist forces from August 1942 to September 1943.*

Lực lượng <i>Force</i>	Việc Đảng làm <i>What the Party did</i>	Mốc <i>Date</i>
Chính trị <i>Political</i>	Phát triển Việt Minh; hội nghị Thường vụ ở Võng La (Đông Anh) đề biện pháp mở rộng phong trào, chuẩn bị khởi nghĩa ở trung tâm đầu não <i>Expand the Việt Minh; Standing Committee meeting at Võng La (Đông Anh) sets measures to widen the movement and prepare risings in key centres</i>	2/1943 <i>Feb 1943</i>
Văn hóa, trí thức <i>Culture, intellectuals</i>	Đề cương về văn hóa Việt Nam: ba nguyên tắc dân tộc, khoa học, đại chúng; Đảng Dân chủ Việt Nam; Hội Văn hóa cứu quốc <i>Theses on Vietnamese Culture: national, scientific, popular; the Vietnam Democratic Party; the Cultural Association for National Salvation</i>	1943; 6/1944; cuối 1944 <i>1943; Jun 1944; late 1944</i>
Binh vận <i>Troop work</i>	Ban binh vận từ Trung ương đến địa phương, vận động lính người Việt và người Pháp <i>Troop-work committees from the Centre down, winning over Vietnamese and French soldiers</i>	1941 – 1945 <i>1941 – 1945</i>
Vũ trang <i>Armed</i>	Đội du kích Bắc Sơn thành Cứu quốc quân; đội vũ trang ở Cao Bằng; thông cáo về chiến tranh Thái Bình Dương kêu gọi lập tiểu tổ du kích <i>Bắc Sơn guerrillas become the National Salvation Army; an armed unit in Cao Bằng; a communiqué on the Pacific War calls for guerrilla cells</i>	Cuối 1941; 12/1941 <i>Late 1941; Dec 1941</i>
Căn cứ địa <i>Base areas</i>	Mở rộng Bắc Sơn – Võ Nhai và Cao Bằng; hành lang chính trị nối hai khu; chỉ thị Sửa soạn khởi nghĩa <i>Expand Bắc Sơn – Võ Nhai and Cao Bằng; a political corridor linking them; directive Prepare for the Uprising</i>	Cuối 1943 <i>Late 1943</i>
Quân đội <i>Army</i>	Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân ra đời ở Cao Bằng theo chỉ thị của Hồ Chí Minh; thắng Phai Khắt, Nà Ngần <i>The Vietnam Propaganda and Liberation Army formed in Cao Bằng on Hồ Chí Minh's directive; wins at Phai Khắt and Nà Ngần</i>	22/12/1944; 25 và 26/12/1944 <i>22 Dec 1944; 25 and 26 Dec 1944</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Thư Hồ Chí Minh tháng **10/1944**: “Cơ hội cho dân tộc ta giải phóng chỉ ở trong một năm hoặc năm rưỡi nữa. Thời gian rất gấp” (Toàn tập, t.3, tr.538). Cuối năm 1944, Người đình chỉ kế hoạch phát động chiến tranh du kích rộng ở Cao – Bắc – Lạng vì chưa đủ điều kiện.

Hồ Chí Minh's letter of October 1944: “The chance for our nation's liberation lies only a year or a year and a half away. Time is short” (Complete Works, vol. 3, p. 538). In late 1944 he halted a plan for wide guerrilla war in Cao Bằng – Bắc Kạn – Lạng Sơn as conditions were not ripe.

Nhật đảo chính Pháp và Chỉ thị 12/3/1945 — *The Japanese coup and the directive of 12 March 1945*

Đầu năm 1945, phátxít Đức thua trên chiến trường châu Âu; ở Thái Bình Dương, quân Anh đánh vào Miến Điện, quân Mỹ đổ bộ Philippin, đường biển của Nhật bị khống chế. Pháp theo phái Đờ Gôn ở Đông Dương chờ Đồng minh vào để khôi phục quyền cai trị. Ngày **9/3/1945**, Nhật đảo chính, độc chiếm Đông Dương, dựng Chính phủ Bảo Đại – Trần Trọng Kim với danh nghĩa “độc lập”.

*In early 1945 Nazi Germany was losing in Europe; in the Pacific British troops struck into Burma, US forces landed in the Philippines and Japan's sea routes were cut. The Gaullist French in Indochina waited for the Allies to restore their rule. On **9 March 1945** Japan staged a coup, took sole control of Indochina and set up the Bảo Đại – Trần Trọng Kim government under the label of “independence”.*

Đoán trước biến cố, Tổng Bí thư Trường Chinh triệu tập Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương mở rộng ở làng Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh) ngay trước khi Nhật nổ súng. Ngày **12/3/1945**, Ban Thường vụ ra Chỉ thị “**Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta**”.

*Foreseeing the event, General Secretary Trường Chinh convened an enlarged Standing Committee meeting at Đình Bảng village (Từ Sơn, Bắc Ninh) just before Japan opened fire. On **12 March 1945** the Standing Committee issued the directive “**The Japanese and French Fight Each Other and Our Action**”.*

Vấn đề <i>Issue</i>	Chỉ thị 12/3/1945 xác định <i>The 12 March 1945 directive states</i>
Bản chất sự kiện 9/3 <i>Nature of 9 March</i>	Cuộc đảo chính tranh giành lợi ích giữa Nhật và Pháp <i>A coup over spoils between Japan and France</i>
Kẻ thù <i>Enemy</i>	Phátxít Nhật là kẻ thù cụ thể, trước mắt và duy nhất <i>Japanese fascism is the specific, immediate and sole enemy</i>
Khẩu hiệu <i>Slogans</i>	Thay “Đánh đuổi phátxít Nhật – Pháp” bằng “Đánh đuổi phátxít Nhật”; nêu “Thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân Đông Dương” <i>Replace “Drive out the Japanese and French fascists” with “Drive out the Japanese fascists”; raise “Set up revolutionary power of the Indochinese people”</i>
Hành động <i>Action</i>	Phát động cao trào kháng Nhật, cứu nước làm tiền đề; sẵn sàng chuyển lên tổng khởi nghĩa khi đủ điều kiện <i>Launch an anti-Japanese upsurge for national salvation as the prelude; be ready to move to a general insurrection when conditions allow</i>
Ý nghĩa <i>Significance</i>	Kim chỉ nam cho Đảng và Việt Minh; có ý nghĩa quyết định với Tổng khởi nghĩa Tháng Tám <i>A guide for the Party and the Việt Minh; decisive for the August General Insurrection</i>

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Ghi rằng Chỉ thị 12/3/1945 “ra lệnh tổng khởi nghĩa”. Chỉ thị phát động **cao trào kháng Nhật** và chuẩn bị điều kiện; lệnh tổng khởi nghĩa là **Quân lệnh số 1** của Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc lúc 23 giờ ngày **13/8/1945**.

*Writing that the 12 March 1945 directive “ordered the general insurrection”. It launched the **anti-Japanese upsurge** and prepared conditions; the order came in **Military Order No. 1** of the National Insurrection Committee at 11 p.m. on **13 August 1945**.*

Cao trào kháng Nhật, cứu nước (3 – 8/1945) — The anti-Japanese upsurge (March – August 1945)

Thời gian <i>Time</i>	Sự kiện <i>Event</i>	Nội dung <i>Content</i>	Ý nghĩa <i>Significance</i>
Từ giữa 3/1945 <i>From mid-Mar 1945</i>	Chiến tranh du kích cục bộ, khởi nghĩa từng phần <i>Local guerrilla war, partial uprisings</i>	Nhiều xã, châu, huyện ở Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang được giải phóng; ở Quảng Ngãi, khởi nghĩa Ba Tơ thắng, lập đội du kích Ba Tơ <i>Liberation of many communes and districts in Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang; the Ba Tơ uprising (Quảng Ngãi) and its guerrilla unit</i>	Giành chính quyền bộ phận <i>Partial power won</i>
16/4/1945 <i>16 Apr 1945</i>	Chỉ thị của Tổng bộ Việt Minh <i>Việt Minh General Headquarters directive</i>	Tổ chức Ủy ban giải phóng Việt Nam các cấp <i>Organise Vietnam Liberation Committees</i>	Mầm mống chính quyền mới <i>Seeds of new power</i>
15/5/1945 <i>15 May 1945</i>	Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ ở Hiệp Hòa (Bắc Giang) <i>Northern revolutionary military conference at Hiệp Hòa (Bắc Giang)</i>	Thống nhất lực lượng vũ trang thành Việt Nam giải phóng quân ; lập bảy chiến khu <i>Merge armed forces into the Vietnam Liberation Army; set up seven war zones</i>	Lực lượng vũ trang thống nhất <i>Unified armed force</i>
5/1945 <i>May 1945</i>	Hồ Chí Minh về Tân Trào (Tuyên Quang) <i>Hồ Chí Minh moves to Tân Trào (Tuyên Quang)</i>	Chỉ thị chuẩn bị Đại hội quốc dân, lập Khu giải phóng <i>Orders preparations for a National People’s Congress and a Liberated Zone</i>	Tân Trào thành trung tâm chỉ đạo <i>Tân Trào becomes the command centre</i>

Thời gian <i>Time</i>	Sự kiện <i>Event</i>	Nội dung <i>Content</i>	Ý nghĩa <i>Significance</i>
4/6/1945 <i>4 Jun 1945</i>	Khu giải phóng Việt Bắc thành lập <i>The Việt Bắc Liberated Zone founded</i>	Gồm phần lớn Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Hà Giang và vùng lân cận; có Ủy ban lâm thời <i>Most of Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Hà Giang and nearby areas; a provisional committee</i>	Căn cứ địa chính của cả nước <i>The main national base area</i>
Mùa hè 1945 <i>Summer 1945</i>	Khẩu hiệu “phá kho thóc, giải quyết nạn đói” ở Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ <i>“Break open granaries, end the famine” in the North and north-central region</i>	Quần chúng tự vũ trang, khởi nghĩa từng phần <i>The masses arm themselves; partial uprisings</i>	Gắn quyền lợi sống còn với mục tiêu chính trị <i>Ties survival needs to the political goal</i>

Thời cơ và nguy cơ tháng 8/1945 — *Opportunity and danger in August 1945*

Thời cơ <i>Opportunity</i>	Nguy cơ <i>Danger</i>
Đức đầu hàng (9/5/1945); Liên Xô đánh tan đạo quân Quan Đông; Mỹ ném bom nguyên tử Hirôshima (6/8) và Nagasaki (9/8) <i>Germany surrenders (9 May 1945); the USSR routs the Kwantung Army; the US drops atomic bombs on Hiroshima (6 Aug) and Nagasaki (9 Aug)</i>	Hội nghị Pôttxđam (7/1945): quân Trung Hoa dân quốc vào từ vĩ tuyến 16 trở ra, quân Anh từ vĩ tuyến 16 trở vào để giải giáp Nhật <i>Potsdam (July 1945): Chinese Nationalist troops north of the 16th parallel, British troops south of it, to disarm Japan</i>
Ngày 15/8/1945 Nhật tuyên bố đầu hàng không điều kiện; quân Nhật ở Đông Dương rệu rã <i>Japan surrenders unconditionally on 15 Aug 1945; its troops in Indochina lose heart</i>	Pháp muốn trở lại với sự giúp đỡ của Anh, trước hết ở Nam Bộ; Mỹ dần nghiêng về Pháp sau Hội nghị Ianta (2/1945) <i>France plans to return with British help, starting in the South; the US leans to France after Yalta (Feb 1945)</i>
Chính quyền thân Nhật hoang mang cực độ <i>The pro-Japanese regime is in panic</i>	Một số người trong Chính phủ Trần Trọng Kim tìm chỗ dựa nước ngoài để giữ chế độ quân chủ <i>Some in the Trần Trọng Kim cabinet seek foreign support to keep the monarchy</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Thời cơ tổng khởi nghĩa chỉ tồn tại từ khi Nhật đầu hàng (15/8/1945) đến trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương, khoảng nửa cuối tháng 8/1945. Giành chính quyền là cuộc chạy đua với quân Đồng minh.
The window for the insurrection lasted only from Japan's surrender (15 August 1945) until the

Allies entered Indochina, roughly the second half of August 1945. Taking power was a race against the Allied forces.

Tổng khởi nghĩa giành chính quyền — The General Insurrection

Thời gian <i>Time</i>	Sự kiện <i>Event</i>	Nội dung <i>Content</i>
12/8/1945 <i>12 Aug 1945</i>	Ủy ban lâm thời Khu giải phóng <i>Provisional committee of the Liberated Zone</i>	Hạ lệnh khởi nghĩa trong Khu giải phóng <i>Orders the uprising within the zone</i>
13/8/1945 <i>13 Aug 1945</i>	Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh lập Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc <i>The Party Centre and Việt Minh headquarters set up the National Insurrection Committee</i>	23 giờ: ban bố Quân lệnh số 1 , lệnh tổng khởi nghĩa toàn quốc <i>11 p.m.: Military Order No. 1, the nationwide insurrection order</i>
14 – 15/8/1945 <i>14 – 15 Aug 1945</i>	Hội nghị toàn quốc của Đảng ở Tân Trào (Hồ Chí Minh, Trường Chinh chủ trì) <i>National Party Conference at Tân Trào (chaired by Hồ Chí Minh and Trường Chinh)</i>	Phát động tổng khởi nghĩa trước khi Đồng minh vào; khẩu hiệu “Phản đối xâm lược! Hoàn toàn độc lập! Chính quyền nhân dân!”; ba nguyên tắc tập trung, thống nhất, kịp thời <i>Launch the insurrection before the Allies arrive; slogans “Oppose aggression! Full independence! People’s power!”; three principles: concentration, unity, timeliness</i>
16/8/1945 <i>16 Aug 1945</i>	Đại hội quốc dân ở Tân Trào, khoảng 60 đại biểu <i>National People’s Congress at Tân Trào, about 60 delegates</i>	Tán thành tổng khởi nghĩa; thông qua 10 chính sách lớn của Việt Minh; bầu Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam, Chủ tịch là Hồ Chí Minh <i>Endorses the insurrection; adopts the Việt Minh’s 10 major policies; forms the Vietnam National Liberation Committee chaired by Hồ Chí Minh</i>
14 – 18/8/1945 <i>14 – 18 Aug 1945</i>	Bốn tỉnh giành chính quyền sớm nhất <i>Four provinces take power first</i>	Hải Dương, Bắc Giang, Hà Tĩnh, Quảng Nam — chủ động nổi dậy dù chưa nhận lệnh <i>Hải Dương, Bắc Giang, Hà Tĩnh, Quảng Nam — rose on their own before the order arrived</i>
16/8/1945 <i>16 Aug 1945</i>	Giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy tiến về Thái Nguyên <i>The Liberation Army under Võ Nguyên Giáp advances on Thái Nguyên</i>	Hỗ trợ quần chúng giành chính quyền tỉnh lỵ <i>Helps the masses take provincial towns</i>

Thời gian <i>Time</i>	Sự kiện <i>Event</i>	Nội dung <i>Content</i>
19/8/1945 <i>19 Aug 1945</i>	Khởi nghĩa ở Hà Nội <i>Uprising in Hà Nội</i>	Cuộc mít tinh 17/8 của Tổng hội viên chức bị biến thành mít tinh ủng hộ Việt Minh; sáng 19/8 mít tinh ở quảng trường Nhà hát chuyển thành biểu tình vũ trang, chiếm Phủ Khâm sai, Tòa Thị chính, Trại Bảo an binh, Sở Cảnh sát; hơn một vạn quân Nhật không dám chống cự <i>The 17 Aug rally is turned into a pro-Việt Minh one; on the morning of 19 Aug a mass rally at the Opera House square becomes an armed march that takes the Viceroy's office, City Hall, the Civil Guard barracks and the police HQ; over ten thousand Japanese troops do not resist</i>
23/8/1945 <i>23 Aug 1945</i>	Khởi nghĩa ở Huế <i>Uprising in Huế</i>	Quần chúng chiếm công sở, không gặp kháng cự <i>The masses take offices unopposed</i>
25/8/1945 <i>25 Aug 1945</i>	Khởi nghĩa ở Sài Gòn <i>Uprising in Sài Gòn</i>	Sau Tân An (tỉnh thí điểm của Xứ ủy); hơn 1 triệu người biểu tình <i>After Tân An (the regional committee's pilot province); over 1 million marchers</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Lời kêu gọi Tổng khởi nghĩa của Hồ Chí Minh: “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta” (Toàn tập, t.3, tr.596).

Hồ Chí Minh's call to insurrection: “The decisive hour for our nation's destiny has come. Compatriots across the country, rise up and use our own strength to free ourselves” (Complete Works, vol. 3, p. 596).

VÍ DỤ / EXAMPLE — Mẹo nhớ ba đô thị: **19 – 23 – 25** (Hà Nội – Huế – Sài Gòn), đi từ Bắc vào Nam, cách nhau 4 rồi 2 ngày. Mốc 25/8 còn là ngày Hồ Chí Minh về tới Hà Nội — hai sự kiện trùng ngày, dễ hay gài nhảm.

*Memory aid for the three cities: **19 – 23 – 25** (Hà Nội – Huế – Sài Gòn), north to south, four then two days apart. 25 August is also the day Hồ Chí Minh reached Hà Nội — two events on one date, a favourite trap.*

Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời — *Birth of the Democratic Republic of Vietnam*

Thời gian <i>Time</i>	Sự kiện <i>Event</i>
25/8/1945 <i>25 Aug 1945</i>	Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng và Ủy ban về Hà Nội <i>Hồ Chí Minh, the Party Centre and the Committee reach Hà Nội</i>
26/8/1945 <i>26 Aug 1945</i>	Hồ Chí Minh chủ trì họp Thường vụ: mở rộng Chính phủ lâm thời, chuẩn bị Tuyên ngôn độc lập và mít tinh ra mắt <i>Hồ Chí Minh chairs the Standing Committee: widen the Provisional Government, prepare the Declaration and a launch rally</i>
27/8/1945 <i>27 Aug 1945</i>	Ủy ban cải tổ thành Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hồ Chí Minh làm Chủ tịch <i>The Committee becomes the Provisional Government of the DRV, Hồ Chí Minh as President</i>
28/8/1945 <i>28 Aug 1945</i>	Công bố danh sách Chính phủ lâm thời; Trường Chinh và một số thành viên Việt Minh rút ra để mời nhân sĩ ngoài Việt Minh <i>Cabinet list announced; Trường Chinh and some Việt Minh members step aside for non-Việt Minh figures</i>
30/8/1945 <i>30 Aug 1945</i>	Bảo Đại thoái vị ở Ngọ Môn (Huế), nộp ấn, kiếm; Hồ Chí Minh lấy ý kiến góp vào dự thảo Tuyên ngôn soạn ở nhà 48 Hàng Ngang <i>Bảo Đại abdicates at Ngọ Môn (Huế), handing over seal and sword; Hồ Chí Minh gathers comments on the Declaration drafted at 48 Hàng Ngang</i>
2/9/1945 <i>2 Sep 1945</i>	Quảng trường Ba Đình: Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập , khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa <i>Ba Đình Square: Hồ Chí Minh reads the Declaration of Independence, founding the Democratic Republic of Vietnam</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập” (Tuyên ngôn độc lập, 2/9/1945; Hồ Chí Minh, Toàn tập, t.4, tr.3).

“Vietnam has the right to enjoy freedom and independence and in fact has become a free and independent country” (Declaration of Independence, 2 September 1945; Hồ Chí Minh, Complete Works, vol. 4, p. 3).

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Ba cặp mốc hay nhầm: **13/8** (Ủy ban Khởi nghĩa, Quân lệnh số 1) với **14 – 15/8** (Hội nghị toàn quốc của Đảng); **16/8** (Đại hội quốc dân) với **19/8** (Hà Nội); **27/8** (lập Chính phủ lâm thời) với **28/8** (công bố danh sách). Ngoài ra, Bảo Đại thoái vị **30/8**, không phải 2/9.

*Three pairs often mixed: **13 Aug** (Insurrection Committee, Military Order No. 1) and **14 – 15 Aug** (National Party Conference); **16 Aug** (National People’s Congress) and **19 Aug** (Hà Nội); **27 Aug** (Provisional Government formed) and **28 Aug** (list announced). Also, Bảo Đại abdicated on **30 Aug**, not 2 Sep.*

1.9. Tính chất, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 — *Character, significance and lessons of the 1945 August Revolution*

Nguyên nhân thắng lợi — *Causes of victory*

Nhóm nguyên nhân <i>Group</i>	Nội dung <i>Content</i>
Khách quan <i>Objective</i>	Kẻ thù trực tiếp là phátxít Nhật đã đầu hàng Đồng minh; quân Nhật ở Đông Dương mất tinh thần; chính quyền thân Nhật rệu rã <i>The direct enemy, Japanese fascism, had surrendered to the Allies; its troops in Indochina lost heart; the pro-Japanese regime fell apart</i>
Chủ quan — quá trình chuẩn bị <i>Subjective — preparation</i>	Kết quả và đỉnh cao của 15 năm đấu tranh (1930 – 1945), trực tiếp là cao trào giải phóng dân tộc 1939 – 1945; ba cao trào: 1930 – 1931, 1936 – 1939, 1939 – 1945 <i>The result and peak of 15 years of struggle (1930 – 1945), directly the 1939 – 1945 liberation upsurge; three upsurges: 1930 – 1931, 1936 – 1939, 1939 – 1945</i>
Chủ quan — vai trò của Đảng <i>Subjective — the Party's role</i>	Đường lối chính trị đúng, phương pháp sáng tạo, kinh nghiệm đấu tranh, bắt rễ sâu trong quần chúng, đoàn kết thống nhất, quyết tâm lãnh đạo khởi nghĩa <i>A correct political line, creative methods, fighting experience, deep roots among the masses, unity, resolve to lead the uprising</i>

Tính chất — *Character*

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Cách mạng Tháng Tám là “một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc mang tính chất dân chủ mới” (Trường Chinh, Tuyển tập, t.1, tr.172). Học theo công thức: **giải phóng dân tộc điển hình + dân chủ mới nhưng chưa đầy đủ**.
The August Revolution was “a national liberation revolution of a new-democratic character” (Trường Chinh, Selected Works, vol. 1, p. 172). Learn it as a formula: a typical national liberation revolution + new-democratic but incomplete.

Biểu hiện <i>Feature</i>	Giải phóng dân tộc điển hình <i>Typical national liberation</i>	Tính dân chủ (mới, chưa đầy đủ) <i>Democratic (new, incomplete)</i>
Nhiệm vụ <i>Task</i>	Tập trung vào nhiệm vụ hàng đầu: giải quyết mâu thuẫn dân tộc với đế quốc và tay sai <i>Focused on the foremost task: the conflict between the nation and imperialism with its lackeys</i>	Xóa chế độ quân chủ; giảm tô 25%, tịch thu một phần ruộng của đế quốc, Việt gian, xóa một số nợ cũ <i>The monarchy abolished; rent cut by 25%, some land of imperialists and traitors seized, some old debts cancelled</i>
Lực lượng <i>Forces</i>	Toàn dân tộc trong Mặt trận Việt Minh, các đoàn thể “cứu quốc” <i>The whole nation in the Việt Minh Front and its “national salvation” bodies</i>	Nông dân — lực lượng đông nhất — được hưởng một số quyền lợi <i>Peasants — the largest force — gained some benefits</i>

Biểu hiện <i>Feature</i>	Giải phóng dân tộc điển hình <i>Typical national liberation</i>	Tính dân chủ (mới, chưa đầy đủ) <i>Democratic (new, incomplete)</i>
Chính quyền <i>Power</i>	Nhà nước “của chung toàn dân tộc”, hình thức cộng hòa dân chủ, chỉ trừ tay sai và kẻ phản quốc <i>A state “common to the whole nation”, a democratic republic, excluding only lackeys and traitors</i>	Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên; nhân dân hưởng tự do, dân chủ <i>The first people’s democratic state; people enjoy freedom and democracy</i>
Quốc tế <i>International</i>	Bộ phận của mặt trận dân chủ thế giới chống phátxít <i>Part of the world democratic front against fascism</i>	— —
Giới hạn <i>Limit</i>	— —	Chưa làm cách mạng ruộng đất, chưa thực hiện người cày có ruộng; quan hệ địa chủ – nông dân về cơ bản như cũ <i>No land revolution, no land-to-the-tiller yet; landlord–peasant relations basically unchanged</i>

Ý nghĩa — Significance

Phạm vi <i>Scope</i>	Ý nghĩa <i>Significance</i>
Đối với dân tộc <i>For the nation</i>	Đập tan ách đế quốc gần một thế kỷ, chấm dứt chế độ quân chủ hàng nghìn năm; lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á; giành được chính quyền — vấn đề cơ bản của cách mạng; nhân dân từ nô lệ thành người chủ đất nước <i>Broke nearly a century of imperial rule and ended a monarchy of a thousand years; founded the DRV — the first people’s state in Southeast Asia; settled the question of power; the people rose from slaves to masters</i>
Đối với Đảng <i>For the Party</i>	Từ hoạt động bí mật trở thành đảng cầm quyền ; có chính quyền nhà nước làm công cụ xây dựng và bảo vệ đất nước <i>From underground to ruling party; a state power as a tool to build and defend the country</i>
Đối với lịch sử dân tộc <i>For national history</i>	Mở ra kỷ nguyên độc lập, tự do, hướng tới chủ nghĩa xã hội <i>Opened an era of independence and freedom towards socialism</i>
Đối với thế giới <i>For the world</i>	Cách mạng giải phóng dân tộc đầu tiên thắng lợi ở một nước thuộc địa; đột phá hệ thống thuộc địa, mở đầu sự tan rã của chủ nghĩa thực dân cũ; cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc <i>The first national liberation revolution to win in a colony; a breach in the colonial system and the start of old colonialism’s collapse; an inspiration to liberation movements</i>

Phạm vi <i>Scope</i>	Ý nghĩa <i>Significance</i>
Đối với lý luận <i>For theory</i>	Chứng minh cách mạng giải phóng dân tộc do Đảng Cộng sản lãnh đạo có thể thắng ở thuộc địa trước khi vô sản ở chính quốc giành chính quyền; làm phong phú lý luận Mác – Lênin về cách mạng giải phóng dân tộc <i>Proved that a Communist-led national liberation revolution can win in a colony before the proletariat of the “mother country” takes power; enriched Marxist–Leninist theory of national liberation</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Hồ Chí Minh: “Lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc” (Toàn tập, t.7, tr.25).

Hồ Chí Minh: “This is the first time in the revolutionary history of colonial and semi-colonial peoples that a Party only 15 years old has led a revolution to success and taken power nationwide” (Complete Works, vol. 7, p. 25).

Bài học kinh nghiệm — *Lessons*

Bài học <i>Lesson</i>	Nội dung cốt lõi <i>Core content</i>	Ví dụ trong 1930 – 1945 <i>Example from 1930 – 1945</i>
1. Chỉ đạo chiến lược <i>1. Strategic direction</i>	Giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc; đặt giải phóng dân tộc hàng đầu, ruộng đất tạm gác, làm từng bước <i>Hold high the banner of national liberation; put it first, shelve land, proceed step by step</i>	Hội nghị 6 và 8; giảm tô 25% sau thắng lợi <i>6th and 8th Plenums; 25% rent cut after victory</i>
2. Xây dựng lực lượng <i>2. Building forces</i>	Trên nền liên minh công nông, khơi dậy tinh thần dân tộc, tập hợp mọi người yêu nước trong mặt trận rộng; V.I. Lênin gọi đó là “lò lửa khởi nghĩa dân tộc” <i>On the worker–peasant base, rouse national spirit and rally all patriots in a broad front; Lenin’s “furnace of national insurrection”</i>	Mặt trận Việt Minh, các hội “cứu quốc” <i>The Việt Minh Front and “national salvation” associations</i>
3. Phương pháp cách mạng <i>3. Revolutionary method</i>	Bạo lực cách mạng của quần chúng; lực lượng chính trị và vũ trang; khởi nghĩa từng phần, chiến tranh du kích cục bộ rồi tổng khởi nghĩa ở cả nông thôn và thành thị; chớp đúng thời cơ <i>Revolutionary violence of the masses; political and armed forces; partial uprisings and local guerrilla war, then a general insurrection in town and country; seize the right moment</i>	Cao trào 3 – 8/1945; ba nguyên tắc tập trung, thống nhất, kịp thời <i>The March – August 1945 upsurge; concentration, unity, timeliness</i>

Bài học <i>Lesson</i>	Nội dung cốt lõi <i>Core content</i>	Ví dụ trong 1930 – 1945 <i>Example from 1930 – 1945</i>
4. Xây dựng Đảng <i>4. Party building</i>	Đảng tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc; đường lối đúng; vững về tư tưởng, chính trị, tổ chức; gần với quần chúng; Trung ương lãnh đạo chiến lược, địa phương chủ động sáng tạo <i>A vanguard party of the working class, the working people and the nation; a correct line; strong in ideology, politics and organisation; close to the masses; strategic leadership at the Centre, initiative in the localities</i>	Bốn tỉnh tự khởi nghĩa 14 – 18/8 khi chưa nhận lệnh <i>Four provinces rose on 14 – 18 Aug before the order</i>

VÍ DỤ / EXAMPLE — Liên hệ bài học “chớp thời cơ”: Nghị quyết 57-NQ/TW (22/12/2024) mở cơ hội cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Một xưởng may ở Thành phố Hồ Chí Minh đã số hóa đơn hàng và đào tạo tổ trưởng dùng phần mềm từ trước nên nộp hồ sơ xin hỗ trợ ngay khi chính sách ra đời; xưởng bên cạnh lúc ấy mới đi tìm người. Cùng thời cơ, kết quả khác nhau vì “lực lượng” chuẩn bị khác nhau.
Linking “seize the moment”: Resolution 57-NQ/TW (22 December 2024) opened chances in science, technology, innovation and digital transformation. A garment workshop in Hồ Chí Minh City had already digitised orders and trained team leaders on software, so it applied for support as soon as schemes came out; the workshop next door was only starting to hire. Same moment, different results, because the “forces” prepared differed.

1.10. Bài tập vận dụng có lời giải — *Applied exercises with solutions*

Bài 1. “Thua vì súng kém” — *Exercise 1. “Lost because of poorer guns”*

Trong giờ thảo luận, bạn Khánh phát biểu: “Cần Vương, Yên Thế, Phan Bội Châu hay Việt Nam Quốc dân Đảng đều yêu nước như nhau. Họ thua chỉ vì Pháp có súng tốt hơn. Nếu có đủ vũ khí thì một trong các phong trào ấy đã thắng, không cần chờ đến khi có Đảng Cộng sản.” Dùng kiến thức về các phong trào yêu nước trước năm 1930 để đánh giá ý kiến của Khánh.

In a seminar, Khánh says: “Cần Vương, Yên Thế, Phan Bội Châu and the Vietnamese Nationalist Party were all equally patriotic. They lost only because the French had better guns. With enough weapons one of them would have won without waiting for a Communist Party.” Use what you know of the patriotic movements before 1930 to assess Khánh’s view.

- Ghi nhận phần đúng: các phong trào đều nhằm giành độc lập, đều chịu đàn áp bằng vũ lực; chênh lệch quân sự là có thật.
Acknowledge what is right: all the movements aimed at independence and all were crushed by force; the military gap was real.
- Kiểm chứng bằng một phản ví dụ: xu hướng của Phan Châu Trinh không dùng bạo động mà vẫn bị dập tắt (chống thuế Trung Kỳ 1908, Đông Kinh Nghĩa Thục bị đóng cửa 12/1907). Vũ khí không phải biến số duy nhất.
Test with a counter-example: Phan Châu Trinh’s current used no violence and was still

crushed (the Trung Kỳ tax protests of 1908, the closure of Đông Kinh Nghĩa Thục in 12/1907). Weapons were not the only variable.

3. Chỉ ra nguyên nhân gốc theo ba “thiếu”: thiếu đường lối chính trị giải quyết đúng mâu thuẫn chủ yếu; thiếu tổ chức đủ mạnh tập hợp toàn dân tộc; thiếu phương pháp đấu tranh thích hợp.

Name the root cause as three “lacks”: no political line that correctly resolved the main contradiction; no organisation strong enough to rally the whole nation; no suitable method of struggle.

4. Gắn từng phong trào với giới hạn giai cấp: ngọn cờ phong kiến không còn tập hợp được mọi tầng lớp; tư sản dân tộc yếu về kinh tế; tiểu tư sản hăng hái nhưng dao động — khởi nghĩa Yên Bái (2/1930) bùng lên rồi tắt.

Link each movement to its class limits: the feudal banner could no longer rally all strata; the national bourgeoisie was economically weak; the petty bourgeoisie was eager but wavering — the Yên Bái uprising (2/1930) flared up and died.

5. Đối chiếu: lực lượng cách mạng sau 1930 lúc đầu cũng ít súng hơn Pháp, nhưng có đường lối và tổ chức, biết dựa vào công nông là đa số (nông dân hơn 90% dân số).

Compare: the revolutionary forces after 1930 also had fewer guns than the French at first, but they had a line and an organisation and relied on workers and peasants as the majority (peasants over 90% of the population).

6. Kết luận: ý kiến của Khánh lấy biểu hiện (thua trận) thay cho nguyên nhân (khủng hoảng đường lối và giai cấp lãnh đạo). Vì vậy năm 1930 cần một chính đảng của giai cấp công nhân với cương lĩnh đúng.

Conclusion: Khánh takes the symptom (military defeat) for the cause (the crisis of line and of the leading class). That is why 1930 needed a working-class party with a correct platform.

Bài 2. Ba nhóm, một tên gọi — Exercise 2. Three groups, one name

Một công ty phần mềm có ba nhóm phát triển ở Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh. Cả ba cùng làm một sản phẩm, mỗi nhóm tự đặt quy trình riêng và đều đòi ban giám đốc công nhận cách làm của mình là chuẩn. Bạn Vy, thực tập sinh, được giao viết đề xuất xử lý. Vy muốn lấy bài học từ việc thống nhất ba tổ chức cộng sản đầu năm 1930. Hãy (a) sắp xếp đúng thứ tự: An Nam Cộng sản Đảng ra đời; chi bộ cộng sản đầu tiên ở 5D Hàm Long; Đông Dương Cộng sản Liên đoàn gia nhập Đảng; Đông Dương Cộng sản Đảng ra đời; Hội nghị hợp nhất khai mạc; (b) chỉ ra cách Nguyễn Ái Quốc xử lý; (c) rút bài học cho công ty.

A software company has three development teams in Hà Nội, Đà Nẵng and Hồ Chí Minh City. All three build the same product, each sets its own process, and each asks the board to recognise its way as the standard. Vy, an intern, is asked to draft a proposal. She wants to draw on the unification of the three communist organisations in early 1930. (a) Put in order: the Annam Communist Party is founded; the first communist cell at 5D Hàm Long; the Indochinese Communist League joins the Party; the Indochinese Communist Party is founded; the unification conference opens. (b) Show how Nguyễn Ái Quốc handled it. (c) Draw lessons for the company.

1. Thứ tự: chi bộ đầu tiên ở 5D Hàm Long (3/1929) → Đông Dương Cộng sản Đảng (17/6/1929) → An Nam Cộng sản Đảng (11/1929) → Hội nghị khai mạc (6/1/1930)

→ Đông Dương Cộng sản Liên đoàn gia nhập (24/2/1930).

Order: the first cell at 5D Hàm Long (3/1929) → Indochinese Communist Party (17/6/1929)

→ Annam Communist Party (11/1929) → conference opens (6/1/1930) → Indochinese Communist League joins (24/2/1930).

2. Chẩn đoán năm 1929: ba tổ chức cùng theo khuynh hướng vô sản, cùng xin Quốc tế Cộng sản công nhận, cùng tự nhận mình là đảng chân chính — kết quả là lực lượng phân tán, tổ chức không thống nhất.

Diagnosis for 1929: three organisations shared the proletarian tendency, all asked the Communist International for recognition and each called itself the genuine party — the result was scattered forces and no unified organisation.

3. Cách xử lý: người chủ trì có uy tín và thẩm quyền (phái viên Quốc tế Cộng sản); điểm đầu tiên trong năm điểm là bỏ mọi thành kiến xung đột cũ; đặt tên mới (Đảng Cộng sản Việt Nam) thay vì chọn tên của một nhóm; soạn chung cương lĩnh và điều lệ; cử Trung ương lâm thời.

The method: a chair with prestige and authority (envoy of the Communist International); the first of five points was to drop all old prejudices and quarrels; a new name (Communist Party of Vietnam) instead of one group's name; a joint platform and statutes; a provisional Central Committee.

4. Hợp nhất theo bước: hai tổ chức hợp trước, tổ chức thứ ba được chấp nhận vào sau bằng một quyết nghị (24/2/1930). Không có nhóm nào bị gạt ra.

Unify in steps: two organisations met first, the third was admitted later by a resolution (24/2/1930). No group was pushed out.

5. Bài học cho công ty: cử một người điều phối đủ thẩm quyền; không lấy quy trình của nhóm nào làm chuẩn sẵn mà soạn quy trình chung; đặt mục tiêu sản phẩm lên trên lợi ích từng nhóm; nhập dần, có lộ trình.

Lessons for the company: appoint a coordinator with enough authority; do not adopt any one team's process by default but write a common one; put the product goal above each team's interest; merge gradually on a timetable.

6. Giới hạn của phép so sánh: Hội nghị năm 1930 giải quyết vấn đề đường lối cách mạng của cả dân tộc; ví dụ công ty chỉ mượn phương pháp hợp nhất, không đồng nhất hai sự việc.

Limit of the analogy: the 1930 conference settled the revolutionary line of a whole nation; the company case only borrows the method of unification and does not equate the two.

Bài 3. Luận cương 10/1930: bước lùi hay bước nối tiếp? — Exercise 3. The October 1930 Political Thesis: a step back or a sequel?

Trong buổi thảo luận nhóm, bạn Minh phát biểu: “Luận cương chính trị tháng 10/1930 phủ định Cương lĩnh tháng 2/1930. Đến Hội nghị Trung ương 8 (5/1941), Đảng chỉ việc quay về Cương lĩnh cũ.” Bạn Lan phản bác: “Hai văn kiện về cơ bản giống nhau, chỉ khác tên Đảng và phạm vi Đông Dương.” Dựa vào nội dung hai văn kiện và quá trình điều chỉnh chủ trương 1936–1941, hãy chỉ ra chỗ đúng, chỗ sai trong ý kiến của mỗi bạn.

In a group discussion Minh says: “The October 1930 Political Thesis negated the February 1930 Platform. At the 8th Plenum (May 1941) the Party simply went back to the old Platform.”

Lan objects: “The two documents are basically the same; only the Party’s name and the Indochina scope differ.” Using the content of both documents and the adjustments of 1936–1941, show what is right and wrong in each view.

1. Liệt kê điểm giống: cả hai văn kiện xác định cách mạng tư sản dân quyền rồi tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa; cả hai nêu hai nhiệm vụ chống đế quốc, chống phong kiến; cả hai khẳng định Đảng Cộng sản lãnh đạo, dùng bạo lực cách mạng của quần chúng, coi cách mạng nước ta là bộ phận của cách mạng vô sản thế giới. Lan đúng ở chỗ hai văn kiện thống nhất về những vấn đề chiến lược cơ bản; Minh sai khi gọi đó là “phủ định”.

List the similarities: both set a bourgeois democratic revolution followed by a direct advance to socialism that skips capitalism; both name the anti-imperialist and anti-feudal tasks; both affirm Communist Party leadership, revolutionary violence of the masses and the place of the revolution within the world proletarian revolution. Lan is right that the two agree on the basic strategic issues; Minh is wrong to call it “negation”.

2. Liệt kê điểm khác: Luận cương không nêu mâu thuẫn chủ yếu giữa dân tộc với đế quốc, không đặt giải phóng dân tộc lên hàng đầu, coi ruộng đất là “cái cốt”, chỉ thấy công nhân và nông dân là động lực, không có chiến lược liên minh dân tộc rộng rãi. Lan sai khi cho rằng hai văn kiện chỉ khác tên gọi.

List the differences: the Thesis does not name the principal contradiction between the nation and imperialism, does not put national liberation first, treats land as “the core”, sees only workers and peasants as driving forces and lacks a broad national alliance strategy. Lan is wrong to say only the names differ.

3. Nêu nguyên nhân khác biệt: Luận cương ra đời khi Đảng chưa nắm đủ đặc điểm của cách mạng thuộc địa và chịu ảnh hưởng khuynh hướng “tả”, nhấn một chiều vào đấu tranh giai cấp, đang có trong Quốc tế Cộng sản lúc đó.

Give the cause: the Thesis came when the Party did not yet fully grasp colonial revolution and was influenced by the leftist trend, stressing class struggle one-sidedly, then present in the Communist International.

4. Theo dõi quá trình sửa: văn kiện Chung quanh vấn đề chiến sách mới (10/1936) bước đầu khắc phục; Hội nghị Trung ương 11/1939 đặt giải phóng dân tộc lên trên hết; Hội nghị 11/1940 còn dao động; Hội nghị Trung ương 8 (5/1941) khắc phục triệt để hạn chế của Luận cương.

Trace the correction: the document On the New Policy (October 1936) began to overcome it; the November 1939 Plenum put national liberation above all; the November 1940 meeting still wavered; the 8th Plenum (May 1941) overcame the Thesis’s limits in full.

5. Chỉ ra chỗ sai thứ hai của Minh: Hội nghị 8 khẳng định lại tinh thần Cương lĩnh 2/1930 nhưng phát triển thêm những điểm Cương lĩnh chưa có — giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước Đông Dương, lập Mặt trận Việt Minh, dự kiến nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, con đường khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa. Đó không phải “quay về” mà là bước phát triển.

Show Minh’s second error: the 8th Plenum reaffirmed the spirit of the February 1930 Platform but added points the Platform lacked — the national question settled within each

Indochinese country, the Việt Minh Front, the planned Democratic Republic of Vietnam, and partial uprisings leading to a general insurrection. That is development, not a “return”.

6. Kết luận: cả hai ý kiến đều phiến diện; Hội nghị 8 kế thừa Cương lĩnh 2/1930 và phát triển nó.

Conclusion: both views are one-sided; the 8th Plenum inherited the February 1930 Platform and developed it.

Bài 4. Tháng Tám 1945: “ăn may thời cơ” và bài học cho doanh nghiệp số —

Exercise 4. August 1945: “lucky timing” and a lesson for a digital firm

Một bài đăng trên mạng viết: “Năm 1945 Nhật đã lật Pháp, rồi Nhật lại đầu hàng, chính quyền bỏ trống, ai đứng ra cũng giành được. Thắng lợi tháng Tám chỉ là may mắn.” (a) Sắp xếp theo thứ tự thời gian: Quân lệnh số 1; Chỉ thị Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta; Khu giải phóng thành lập; Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân ra đời; khởi nghĩa ở Hà Nội; Đại hội quốc dân ở Tân Trào. (b) Phản bác ý kiến trên. (c) Một công ty phần mềm 40 nhân viên ở Đà Nẵng muốn “chớp thời cơ” sau Nghị quyết 57-NQ/TW (22/12/2024) về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Bài học nào của Cách mạng Tháng Tám áp dụng được, và áp dụng thế nào?

An online post says: “In 1945 Japan had toppled France, then Japan surrendered; power lay vacant and anyone could have taken it. The August victory was luck.” (a) Put in time order: Military Order No. 1; the directive The Japanese and French Fight Each Other and Our Action; the founding of the Liberated Zone; the birth of the Vietnam Propaganda and Liberation Army; the Hà Nội uprising; the National People’s Congress at Tân Trào. (b) Rebut the post. (c) A 40-person software company in Đà Nẵng wants to “seize the moment” after Resolution 57-NQ/TW (22 December 2024) on science, technology, innovation and digital transformation. Which lesson of the August Revolution applies, and how?

1. Thứ tự đúng: Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân (22/12/1944) → Chỉ thị Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta (12/3/1945) → Khu giải phóng (4/6/1945) → Quân lệnh số 1 (23 giờ ngày 13/8/1945) → Đại hội quốc dân (16/8/1945) → khởi nghĩa Hà Nội (19/8/1945).

Correct order: the Vietnam Propaganda and Liberation Army (22 Dec 1944) → the directive The Japanese and French Fight Each Other and Our Action (12 Mar 1945) → the Liberated Zone (4 Jun 1945) → Military Order No. 1 (11 p.m., 13 Aug 1945) → the National People’s Congress (16 Aug 1945) → the Hà Nội uprising (19 Aug 1945).

2. Chính quyền không “bỏ trống”: Chính phủ Trần Trọng Kim còn đó và tìm chỗ dựa nước ngoài; theo Hội nghị Potsdam, quân Trung Hoa dân quốc sẽ vào từ vĩ tuyến 16 trở ra, quân Anh từ vĩ tuyến 16 trở vào; Pháp tính trở lại. Thời cơ chỉ kéo dài từ khi Nhật đầu hàng (15/8) đến trước khi quân Đồng minh vào — khoảng nửa cuối tháng 8/1945.

Power was not “vacant”: the Trần Trọng Kim government still stood and sought foreign backing; under the Potsdam decision Chinese Nationalist troops would enter north of the 16th parallel and British troops south of it; France planned to return. The window ran only from Japan’s surrender (15 Aug) to the Allies’ arrival — roughly the second half of August 1945.

3. Đảng đã dự báo và chuẩn bị: Hội nghị 8 (5/1941) dự đoán thời cơ tổng khởi nghĩa; thư tháng 10/1944 của Hồ Chí Minh nói cơ hội đến trong “một năm hoặc năm rưỡi nữa”; Chỉ thị 12/3/1945 đã nêu sẵn điều kiện chuyển lên tổng khởi nghĩa.

The Party foresaw it and prepared: the 8th Plenum (May 1941) forecast the moment for a general insurrection; Hồ Chí Minh's letter of October 1944 said the chance would come “in a year or a year and a half”; the 12 March 1945 directive had already set the conditions for moving to a general insurrection.

4. Lực lượng có sẵn mới chớp được thời cơ: Mặt trận Việt Minh từ 1941, Giải phóng quân, Khu giải phóng Việt Bắc, đội quân chính trị hàng triệu người rèn từ 1930–1931 và 1936–1939. Ở Hà Nội hơn một vạn quân Nhật không dám chống cự trước khí thế quần chúng; bốn tỉnh tự giành chính quyền từ 14 đến 18/8 khi chưa nhận lệnh. Không có lực lượng đó, “ai đứng ra” cũng không giành được.

Only ready forces could seize the moment: the Việt Minh Front since 1941, the Liberation Army, the Việt Bắc Liberated Zone and a political army of millions forged in 1930–1931 and 1936–1939. In Hà Nội over ten thousand Japanese troops did not dare resist the crowds; four provinces took power between 14 and 18 August before receiving the order. Without those forces, “anyone” could have taken nothing.

5. Áp dụng cho công ty: thời cơ do chính sách mở ra chỉ có ích với đơn vị đã chuẩn bị “lực lượng” — đội kỹ sư nắm dữ liệu và trí tuệ nhân tạo, sản phẩm thử nghiệm sẵn, khách hàng đầu tiên. Ba nguyên tắc chỉ đạo khởi nghĩa “tập trung, thống nhất, kịp thời” chuyển thành: dồn nguồn lực vào một sản phẩm, một đầu mối quyết định, ra quyết định trong tuần chứ không trong quý.

For the company: a policy-made opportunity helps only a unit that has prepared its “forces” — engineers skilled in data and AI, a ready pilot product, first customers. The three guiding principles of the insurrection, “concentration, unity, timeliness”, become: pool resources on one product, one decision point, decisions within a week rather than a quarter.

6. Kết luận: thời cơ là điều kiện khách quan; thắng lợi đến từ 15 năm chuẩn bị và quyết định đúng lúc.

Conclusion: timing was the objective condition; victory came from 15 years of preparation and timely choices.

1.11. Câu hỏi tự luận và dàn ý trả lời — Essay questions and answer outlines

Câu 1. Phân tích bối cảnh thế giới và trong nước cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX. Vì sao các phong trào yêu nước trước năm 1930 đều thất bại và cách mạng Việt Nam lâm vào khủng hoảng về đường lối cứu nước?

Question 1. Analyse the world and domestic context of the late nineteenth and early twentieth centuries. Why did all patriotic movements before 1930 fail, leaving the Vietnamese revolution in a crisis of line?

- Thế giới: chủ nghĩa tư bản sang giai đoạn độc quyền, đẩy mạnh xâm chiếm thuộc địa; Cách mạng Tháng Mười (1917) và Quốc tế Cộng sản (3/1919) mở ra con đường cách mạng vô sản cho các dân tộc thuộc địa.

World: capitalism entered its monopoly stage and stepped up colonial conquest; the October

Revolution (1917) and the Communist International (3/1919) opened the path of proletarian revolution to colonial peoples.

- Việt Nam: Pháp nổ súng 1/9/1858, Hiệp ước Patenôt 6/6/1884; chia ba kỳ; hai cuộc khai thác thuộc địa (1897–1914, 1919–1929); chính sách ngu dân.
Vietnam: the French opened fire on 1/9/1858; the Patenôtre Treaty of 6/6/1884; division into three regions; two colonial exploitation drives (1897–1914, 1919–1929); a policy of keeping the people ignorant.
- Biến đổi xã hội: địa chủ, nông dân phân hóa; công nhân, tư sản, tiểu tư sản xuất hiện; mâu thuẫn chủ yếu là dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và phong kiến phản động.
Social change: landlords and peasants split; workers, bourgeoisie and petty bourgeoisie appeared; the main contradiction was the Vietnamese nation versus the French and reactionary feudalists.
- Các phong trào: Cần Vương (1885–1896), Yên Thế, Đông Du và Quang phục Hội, Duy Tân, Việt Nam Quốc dân Đảng (12/1927–2/1930) — mỗi phong trào một giới hạn giai cấp.
The movements: Cần Vương (1885–1896), Yên Thế, Đông Du and the Restoration League, Duy Tân, the Vietnamese Nationalist Party (12/1927–2/1930) — each with its class limits.
- Nguyên nhân thất bại: thiếu đường lối đúng, thiếu tổ chức vững mạnh, thiếu phương pháp thích hợp → khủng hoảng đường lối.
Causes of failure: no correct line, no strong organisation, no suitable method → a crisis of line.
- Yêu cầu lịch sử đặt ra: cần một tổ chức cách mạng tiên phong với đường lối cứu nước đúng — tiền đề cho vai trò của Nguyễn Ái Quốc.
The historical demand: a vanguard revolutionary organisation with a correct line — the premise for Nguyễn Ái Quốc's role.

Câu 2. Nguyễn Ái Quốc đã chuẩn bị những gì về tư tưởng, chính trị, tổ chức trong giai đoạn 1911 – 1930 để Đảng Cộng sản Việt Nam có thể ra đời?

Question 2. *Describe how Nguyễn Ái Quốc prepared the ideological, political and organisational ground for the founding of the Communist Party of Vietnam (1911 – 1930).*

- Tìm thấy con đường: ra đi năm 1911; đọc Sơ thảo luận cương của V.I. Lênin (7/1920); bỏ phiếu tán thành Quốc tế III tại Đại hội Tours (12/1920), trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên.
Finding the path: left in 1911; read Lenin's Draft Theses (7/1920); voted for the Third International at the Tours Congress (12/1920), becoming the first Vietnamese communist.
- Tư tưởng: Hội Liên hiệp thuộc địa, báo Le Paria, bài viết trên nhiều báo; Trưởng Tiểu ban Nghiên cứu về Đông Dương (1922); tố cáo chủ nghĩa thực dân, truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin.
Ideology: the Intercolonial Union, Le Paria, articles in many papers; Head of the Indochina Sub-committee (1922); exposing colonialism and spreading Marxism-Leninism.
- Chính trị: giải phóng dân tộc là bộ phận của cách mạng vô sản thế giới, có thể thắng trước cách mạng ở chính quốc; công nông là gốc cách mệnh; cách mạng là việc chung của dân chúng; phải có đảng cách mệnh.

Politics: national liberation is part of the world proletarian revolution and can win before the revolution in the mother country; workers and peasants are the root; revolution is the people's common cause; there must be a revolutionary party.

- Tổ chức: đến Quảng Châu (11/1924); Cộng sản đoàn (2/1925); Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (6/1925), báo Thanh niên (21/6/1925), hơn 10 lớp huấn luyện; phong trào “vô sản hóa” (từ 29/9/1928).

Organisation: arrived in Guangzhou (11/1924); the Communist League (2/1925); the Vietnamese Revolutionary Youth Association (6/1925), Thanh Niên newspaper (21/6/1925), more than 10 training courses; the “proletarianisation” movement (from 29/9/1928).

- Đường cách mệnh (1927): cuốn sách chính trị đầu tiên của cách mạng Việt Nam, nêu con đường, mục tiêu, lực lượng, phương pháp.

The Revolutionary Path (1927): the first political book of the Vietnamese revolution, setting out the path, goals, forces and methods.

- Đánh giá: ba sự chuẩn bị tạo điều kiện để các tổ chức cộng sản ra đời năm 1929 và để Hội nghị hợp nhất đầu năm 1930 thành công.

Assessment: the three kinds of preparation enabled the communist organisations of 1929 and the success of the unification conference in early 1930.

Câu 3. Trình bày nội dung cơ bản của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (2/1930) và giá trị của Cương lĩnh.

Question 3. *Set out the basic content of the Party's first Political Platform (2/1930) and its value.*

- Văn kiện hợp thành: Chánh cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt do Nguyễn Ái Quốc soạn, thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng.

Component documents: the Brief Political Platform and the Brief Strategy drafted by Nguyễn Ái Quốc and adopted at the founding conference.

- Phương hướng chiến lược: tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản; nhiệm vụ đánh đổ đế quốc Pháp và phong kiến, độc lập dân tộc đặt hàng đầu.

Strategic direction: bourgeois-democratic revolution and agrarian revolution leading to communist society; the task of overthrowing French imperialism and feudalism, with national independence first.

- Nhiệm vụ cụ thể về chính trị, xã hội, kinh tế: độc lập; dân được tự do tổ chức, nam nữ bình quyền, phổ thông giáo dục; thu sản nghiệp lớn của tư bản Pháp, chia ruộng đất cho dân cày nghèo, ngày làm tám giờ.

Concrete political, social and economic tasks: independence; freedom of organisation, equal rights for men and women, universal education; seizing large French capitalist property, dividing land among poor peasants, an eight-hour day.

- Lực lượng: công nông là gốc, công nhân lãnh đạo; tranh thủ tiểu tư sản, trí thức, trung nông; lợi dụng hoặc trung lập phú nông, trung tiểu địa chủ, tư bản An Nam chưa ra mặt phản cách mạng.

Forces: workers and peasants as the base, led by the workers; win over the petty

bourgeoisie, intellectuals and middle peasants; use or neutralise rich peasants, middle and small landlords and native capitalists not yet openly counter-revolutionary.

- Phương pháp, lãnh đạo, quốc tế: bạo lực cách mạng của quần chúng, không thỏa hiệp; Đảng là đội tiên phong của giai cấp vô sản; cách mạng Việt Nam là bộ phận của cách mạng thế giới.

Method, leadership, international ties: revolutionary violence of the masses, no compromise; the Party as vanguard of the proletariat; the Vietnamese revolution as part of the world revolution.

- Giá trị: đúng với xã hội thuộc địa nửa phong kiến, đánh giá sát thái độ từng giai tầng, kết hợp dân tộc với giai cấp — nền móng của tư tưởng đại đoàn kết.

Value: it fitted a colonial semi-feudal society, judged each stratum's attitude accurately and combined the national and class questions — the foundation of the great-unity idea.

Câu 4. Phân tích ý nghĩa lịch sử của sự kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Vì sao Hội nghị đầu năm 1930 có giá trị như một Đại hội Đảng?

Question 4. *Analyse the historical significance of the founding of the Communist Party of Vietnam. Why did the early 1930 conference count as a Party Congress?*

- Quy luật ra đời: chủ nghĩa Mác – Lênin gặp phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam; thiếu một trong ba yếu tố thì không có Đảng năm 1930.

The Party's founding was the product of combining Marxism-Leninism with the Vietnamese workers' movement and patriotic movement.

- Chấm dứt khủng hoảng đường lối cứu nước kéo dài từ cuối thế kỷ XIX; cách mạng Việt Nam thành bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản thế giới.

It ended the crisis of line that had lasted since the late nineteenth century; the Vietnamese revolution became an integral part of the world proletarian revolution.

- Lần đầu có một cương lĩnh phản ánh quy luật khách quan của xã hội Việt Nam, định hướng chiến lược cho cả tiến trình cách mạng về sau.

For the first time there was a platform reflecting the objective laws of Vietnamese society and setting the strategic course for the revolution ahead.

- Khẳng định sự lựa chọn con đường cách mạng vô sản; giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành, đủ sức lãnh đạo cách mạng.

It confirmed the choice of the proletarian revolutionary path; the Vietnamese working class had matured enough to lead the revolution.

- Giá trị như Đại hội: Hội nghị hợp nhất được tổ chức, đặt tên Đảng, thông qua cương lĩnh, sách lược, điều lệ, chủ trương cử Trung ương lâm thời — đủ những việc của một đại hội thành lập.

Counted as a Congress: the conference unified the organisations, named the Party, adopted the platform, strategy and statutes and arranged a provisional Central Committee — everything a founding congress does.

- Ghi nhớ mốc: Đại hội III (9/1960) chọn ngày 3/2 hằng năm làm ngày kỷ niệm thành lập Đảng.

Date to remember: the Third Congress (9/1960) set 3 February each year as the Party's founding anniversary.

Câu 5. So sánh Cương lĩnh chính trị đầu tiên (2/1930) với Luận cương chính trị (10/1930). Vì sao Luận cương có hạn chế, và hạn chế đó được khắc phục qua những văn kiện nào?

Question 5. Compare the first Political Platform (February 1930) with the Political Thesis (October 1930). Why did the Thesis have limits, and through which documents were they overcome?

- Hoàn cảnh: Hội nghị thành lập Đảng do Nguyễn Ái Quốc chủ trì; Hội nghị Trung ương lần thứ nhất (14–31/10/1930, Hương Cảng) đổi tên Đảng, bầu Trần Phú làm Tổng Bí thư, thông qua Luận cương.
Origins: the founding conference chaired by Nguyễn Ái Quốc; the 1st Plenum (14–31 October 1930, Hong Kong) renamed the Party, elected Trần Phú and adopted the Thesis.
- Giống: tư sản dân quyền rồi tiến lên chủ nghĩa xã hội; hai nhiệm vụ phản đế, phản phong; Đảng Cộng sản lãnh đạo; bạo lực cách mạng; bộ phận của cách mạng thế giới.
Alike: bourgeois democratic revolution then socialism; anti-imperialist and anti-feudal tasks; Communist leadership; revolutionary violence; part of the world revolution.
- Khác: vị trí nhiệm vụ dân tộc (hàng đầu / không nhấn mạnh); ruộng đất là “cái cốt”; lực lượng (rộng rãi / chỉ công nông); phạm vi (Việt Nam / Đông Dương).
Different: the place of the national task (first / not stressed); land as “the core”; forces (broad / workers and peasants only); scope (Vietnam / Indochina).
- Nguyên nhân hạn chế: chưa nắm đủ thực tiễn cách mạng thuộc địa; ảnh hưởng khuynh hướng “tả” trong Quốc tế Cộng sản.
Causes: weak grasp of colonial revolution; leftist influence in the Communist International.
- Khắc phục: Chung quanh vấn đề chiến sách mới (10/1936) → Hội nghị Trung ương 6 (11/1939) → Hội nghị Trung ương 8 (5/1941) khắc phục triệt để.
Correction: On the New Policy (October 1936) → the 6th Plenum (November 1939) → the 8th Plenum (May 1941) completes it.

Câu 6. Trình bày quá trình chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng qua các Hội nghị Trung ương 6 (11/1939), 7 (11/1940) và 8 (5/1941). Vì sao Hội nghị 8 có ý nghĩa quyết định?

Question 6. Describe the Party's change of strategic direction through the 6th (November 1939), 7th (November 1940) and 8th (May 1941) Plenums. Why was the 8th Plenum decisive?

- Bối cảnh: Chiến tranh thế giới thứ hai (9/1939); Đảng bị cấm (28/9/1939); Nhật vào Đông Dương (9/1940).
Context: the Second World War (September 1939); the Party banned (28 September 1939); Japan in Indochina (September 1940).
- Hội nghị 6: giải phóng dân tộc trên hết, tạm gác cách mạng ruộng đất, lập Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương.
6th: national liberation above all, land revolution shelved, the Anti-Imperialist United National Front.
- Hội nghị 7: lập lại Trung ương, giữ Bắc Sơn, hoãn Nam Kỳ; còn cho rằng phản đế và thổ địa phải đồng thời tiến.

7th: Centre rebuilt, Bắc Sơn kept, Cochinchina postponed; still held both revolutions must go together.

- Hội nghị 8: mâu thuẫn chủ yếu, thay đổi chiến lược, dân tộc tự quyết, Việt Minh, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm.

8th: principal contradiction, change of strategy, self-determination, the Việt Minh, the DRV, armed uprising as the central task.

- Ý nghĩa: hoàn chỉnh chủ trương từ 11/1939, khắc phục triệt để hạn chế của Luận cương, phát triển Cương lĩnh 2/1930; dẫn đường cho bốn năm chuẩn bị tới Tháng Tám 1945.

Why decisive: completed the November 1939 line, fully corrected the Thesis, developed the February 1930 Platform; guided four years of preparation to August 1945.

Câu 7. Phân tích chủ trương của Đảng trong phong trào dân chủ 1936–1939 và những kinh nghiệm Đảng rút ra từ phong trào này.

Question 7. *Analyse the Party's line in the 1936–1939 democratic movement and the lessons the Party drew from it.*

- Bối cảnh: chủ nghĩa phátxít; Đại hội VII Quốc tế Cộng sản (7/1935); Mặt trận nhân dân Pháp cầm quyền (1936).

Context: fascism; the Comintern's 7th Congress (July 1935); the French Popular Front in power (1936).

- Chủ trương: Hội nghị 7/1936 nhằm vào phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình; Hội nghị 3/1938 lập Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

Line: the July 1936 meeting targeted colonial reactionaries and lackeys for freedom, democracy, food and peace; the March 1938 Plenum founded the Indochinese Democratic Front.

- Nhận thức mới: Chung quanh vấn đề chiến sách mới (10/1936) tách nhiệm vụ dân tộc khỏi ràng buộc cứng với cách mạng điền địa.

New thinking: On the New Policy (October 1936) freed the national task from a rigid tie to land revolution.

- Kết quả và kinh nghiệm: đội quân chính trị hàng triệu người; mục tiêu trước mắt và chiến lược; mặt trận rộng; kết hợp công khai, hợp pháp với bí mật.

Results and lessons: a political army of millions; immediate versus strategic goals; a broad front; open and legal forms with secret work.

Câu 8. Vì sao nói Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc điển hình mang tính chất dân chủ mới? Nêu bài học về phương pháp cách mạng còn giá trị hôm nay.

Question 8. *Why is the 1945 August Revolution called a typical national liberation revolution of a new-democratic character? State a lesson on revolutionary method still valid today.*

- Tập trung vào nhiệm vụ hàng đầu là giải phóng dân tộc; lực lượng là toàn dân tộc trong Mặt trận Việt Minh.

It focused on national liberation as the foremost task; its force was the whole nation in the Việt Minh.

- Chính quyền “của chung toàn dân tộc”; là bộ phận của mặt trận dân chủ thế giới chống phátxít.
Power “common to the whole nation”; part of the world democratic front against fascism.
- Tính dân chủ mới: xóa quân chủ, đem lại tự do, giảm tô 25%; chưa làm cách mạng ruộng đất nên chưa đầy đủ.
New-democratic: monarchy ended, freedoms granted, rent cut 25%; no land revolution, so incomplete.
- Bài học phương pháp: bạo lực cách mạng của quần chúng, kết hợp chính trị với vũ trang, khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa, chớp đúng thời cơ; liên hệ: chuẩn bị năng lực trước, quyết định đúng lúc.
Method: revolutionary violence of the masses, political plus armed struggle, partial uprisings building to a general insurrection, seizing the moment; today: build capacity first, decide at the right time.

1.12. Câu hỏi trắc nghiệm — Multiple-choice questions

8. Nguyễn Ái Quốc đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I. Lênin vào thời gian nào?
When did Nguyễn Ái Quốc read Lenin's Preliminary Draft Theses on the National and Colonial Questions?
- A. Tháng 7/1920 / July 1920
 - B. Tháng 6/1919 / June 1919
 - C. Tháng 12/1920 / December 1920
 - D. Tháng 6/1923 / June 1923
9. Tổ chức nào được coi là tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam?
Which organisation is regarded as the forerunner of the Communist Party of Vietnam?
- A. Tân Việt Cách mạng Đảng / The Tân Việt Revolutionary Party
 - B. Việt Nam Quang phục Hội / The Việt Nam Restoration League
 - C. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên / The Vietnamese Revolutionary Youth Association
 - D. Hội Liên hiệp thuộc địa / The Intercolonial Union
10. Đông Dương Cộng sản Đảng được thành lập ngày 17/6/1929 tại địa điểm nào?
Where was the Indochinese Communist Party founded on 17/6/1929?
- A. Số nhà 5D phố Hàm Long, Hà Nội / No. 5D Hàm Long Street, Hà Nội
 - B. Số nhà 312 phố Khâm Thiên, Hà Nội / No. 312 Khâm Thiên Street, Hà Nội
 - C. Khánh Hội, Sài Gòn / Khánh Hội, Sài Gòn
 - D. Cửu Long, Hồng Kông / Kowloon, Hong Kong

- 11.** Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam diễn ra trong khoảng thời gian nào theo giáo trình?

According to the textbook, over what period did the founding conference of the Communist Party of Vietnam take place?

- A.** Ngày 3/2/1930 / *3/2/1930 only*
- B.** Từ 23/12/1929 đến 3/2/1930 / *From 23/12/1929 to 3/2/1930*
- C.** Từ 17/6/1929 đến 24/2/1930 / *From 17/6/1929 to 24/2/1930*
- D.** Từ 6/1 đến 7/2/1930 / *From 6/1 to 7/2/1930*

- 12.** Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng gồm những văn kiện nào?

Which documents make up the Party's first Political Platform?

- A.** Chánh cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt / *The Brief Political Platform and the Brief Strategy*
- B.** Chánh cương vắn tắt và Điều lệ vắn tắt / *The Brief Political Platform and the Brief Statutes*
- C.** Chương trình tóm tắt và Điều lệ vắn tắt / *The Brief Programme and the Brief Statutes*
- D.** Luận cương chính trị và Sách lược vắn tắt / *The Political Thesis and the Brief Strategy*

- 13.** Theo Cương lĩnh chính trị đầu tiên, nhiệm vụ nào được đặt lên hàng đầu?

According to the first Political Platform, which task came first?

- A.** Chia ruộng đất cho dân cày nghèo / *Dividing land among poor peasants*
- B.** Chống đế quốc, giành độc lập cho dân tộc / *Fighting imperialism to win national independence*
- C.** Đánh đổ giai cấp tư sản bản xứ / *Overthrowing the native bourgeoisie*
- D.** Thi hành luật ngày làm tám giờ / *Enforcing the eight-hour working day*

- 14.** Đại biểu nào KHÔNG dự Hội nghị thành lập Đảng đầu năm 1930?

Which delegate did NOT attend the Party's founding conference in early 1930?

- A.** Trịnh Đình Cửu / *Trịnh Đình Cửu*
- B.** Châu Văn Liêm / *Châu Văn Liêm*
- C.** Nguyễn Đức Cảnh / *Nguyễn Đức Cảnh*
- D.** Trần Phú / *Trần Phú*

15. Theo Cương lĩnh chính trị đầu tiên, đối với phú nông, trung tiểu địa chủ và tư bản An Nam chưa rõ mặt phản cách mạng thì Đảng chủ trương thế nào?

Under the first Political Platform, how should the Party treat rich peasants, middle and small landlords and native capitalists not yet openly counter-revolutionary?

- A.** Đánh đổ ngay cùng với đế quốc / *Overthrow them at once along with the imperialists*
- B.** Coi là lực lượng cơ bản của cách mạng / *Treat them as a basic force of the revolution*
- C.** Lợi dụng, ít lâu làm cho họ đứng trung lập / *Make use of them and in time bring them to neutrality*
- D.** Giao cho họ quyền lãnh đạo mặt trận / *Hand them leadership of the front*

16. Sự kiện nào đánh dấu việc thống nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng duy nhất được hoàn thành?

Which event marked the completion of uniting the communist organisations into a single party?

- A.** Nguyễn Ái Quốc đến Hồng Kông ngày 23/12/1929 / *Nguyễn Ái Quốc's arrival in Hong Kong on 23/12/1929*
- B.** Hội nghị bế mạc ngày 7/2/1930 / *The close of the conference on 7/2/1930*
- C.** Nguyễn Ái Quốc gửi báo cáo Quốc tế Cộng sản ngày 18/2/1930 / *Nguyễn Ái Quốc's report to the Communist International on 18/2/1930*
- D.** Đông Dương Cộng sản Liên đoàn được chấp nhận gia nhập ngày 24/2/1930 / *The Indochinese Communist League admitted on 24/2/1930*

17. Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương (10/1930) họp ở đâu và có quyết định nào?

Where did the 1st Plenum of the Central Committee (October 1930) meet, and what did it decide?

- A.** Ma Cao; đổi tên thành Đảng Cộng sản Đông Dương, bầu Lê Hồng Phong / *Macau; renamed the Party the Indochinese Communist Party, elected Lê Hồng Phong*
- B.** Cửu Long; hợp nhất các tổ chức cộng sản / *Kowloon; merged the communist organisations*
- C.** Hương Cảng; đổi tên Đảng, thông qua Luận cương chính trị / *Hong Kong; renamed the Party, adopted the Political Thesis*
- D.** Thượng Hải; lập Mặt trận nhân dân phản đế / *Shanghai; set up the Anti-Imperialist People's Front*

18. Hạn chế nào thuộc về Luận cương chính trị tháng 10/1930?

Which shortcoming belongs to the October 1930 Political Thesis?

- A.** Không đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu / *It did not put national liberation first*
- B.** Không khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản / *It did not affirm Communist Party leadership*
- C.** Không coi cách mạng Đông Dương là bộ phận cách mạng thế giới / *It did not see the Indochinese revolution as part of the world revolution*
- D.** Chủ trương giành chính quyền bằng con đường nghị trường / *It sought power through elected councils*

19. Đại hội đại biểu lần thứ I của Đảng họp khi nào, ở đâu, ai được bầu làm Tổng Bí thư?

When and where did the 1st National Congress meet, and who became General Secretary?

- A.** 3/1935, Hương Cảng; Trần Phú / *March 1935, Hong Kong; Trần Phú*
- B.** 7/1935, Mátxcova; Hà Huy Tập / *July 1935, Moscow; Hà Huy Tập*
- C.** 3/1938, Hà Nội; Nguyễn Văn Cừ / *March 1938, Hà Nội; Nguyễn Văn Cừ*
- D.** 3/1935, Ma Cao; Lê Hồng Phong / *March 1935, Macau; Lê Hồng Phong*

20. Văn kiện nào thời kỳ 1936–1939 bước đầu khắc phục hạn chế của Luận cương về quan hệ dân tộc – điền địa?

Which 1936–1939 document first began to correct the Thesis on the national–land relationship?

- A.** Tự chỉ trích (1939) / *Self-Criticism (1939)*
- B.** Chung quanh vấn đề chiến sách mới (10/1936) / *On the New Policy (October 1936)*
- C.** Chương trình hành động của Đảng (6/1932) / *The Party's Programme of Action (June 1932)*
- D.** Sơ thảo lịch sử phong trào cộng sản Đông Dương (1933) / *Draft History of the Indochinese Communist Movement (1933)*

21. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương tháng 3/1938 quyết định nội dung nào?

What did the March 1938 Plenum decide?

- A.** Lập Mặt trận Dân chủ Đông Dương, bầu Nguyễn Văn Cừ làm Tổng Bí thư / *Founded the Indochinese Democratic Front; elected Nguyễn Văn Cừ*
- B.** Lập Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương, tạm gác khẩu hiệu ruộng đất / *Founded the Indochinese Anti-Imperialist United National Front, shelved the land slogan*
- C.** Lập Mặt trận Việt Minh, bầu Trường Chinh làm Tổng Bí thư / *Founded the Việt Minh; elected Trường Chinh*
- D.** Lập Hội Phản đế đồng minh / *Founded the Anti-Imperialist League*

- 22.** Hội nghị Trung ương tháng 11/1939 ở Bà Điểm (Hóc Môn, Gia Định) chủ trương gì?
What line did the November 1939 Plenum at Bà Điểm (Hóc Môn, Gia Định) adopt?
- A.** Lập Mặt trận Việt Minh, hoãn cách mạng ruộng đất, bầu Trường Chinh làm Tổng Bí thư của Đảng / *Founded the Việt Minh, postponed land revolution, elected Trường Chinh*
 - B.** Lập Mặt trận Dân chủ Đông Dương, đòi dân sinh, dân chủ / *Founded the Democratic Front, demanded livelihood and democracy*
 - C.** Tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, lập Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương / *Shelved the land-revolution slogan; founded the Anti-Imperialist United National Front*
 - D.** Bỏ hẳn nhiệm vụ chống phong kiến, lập Hội Phản đế đồng minh / *Dropped the anti-feudal task; founded the Anti-Imperialist League*
- 23.** Theo Hội nghị Trung ương 8 (5/1941), sau khi cách mạng thành công sẽ lập nhà nước nào?
According to the 8th Plenum (May 1941), what state would be set up after victory?
- A.** Chính quyền Xôviết công nông / *Worker-peasant Soviet power*
 - B.** Chính phủ công nông binh / *A worker-peasant-soldier government*
 - C.** Liên bang Đông Dương do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo / *An Indochinese federation led by the ICP*
 - D.** Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa theo tinh thần tân dân chủ / *The Democratic Republic of Vietnam in a new-democratic spirit*
- 24.** Chỉ thị Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta (12/3/1945) xác định điều gì?
What did the directive The Japanese and French Fight Each Other and Our Action (12 March 1945) set out?
- A.** Kẻ thù vẫn là cả Nhật và Pháp; giữ khẩu hiệu “Đánh đuổi phátxít Nhật – Pháp” và chờ Đồng minh vào / *Both Japan and France stay enemies; keep “Drive out the Japanese and French fascists” and wait for the Allies*
 - B.** Kẻ thù cụ thể, trước mắt, duy nhất là phátxít Nhật; phát động cao trào kháng Nhật cứu nước / *Japanese fascism is the specific, immediate, sole enemy; launch an anti-Japanese upsurge*
 - C.** Ra lệnh tổng khởi nghĩa ngay trong cả nước / *Order an immediate nationwide general insurrection*
 - D.** Thành lập Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc / *Set up the National Insurrection Committee*

25. Bốn tỉnh giành chính quyền sớm nhất trong Tổng khởi nghĩa (14–18/8/1945) là:
The four provinces that took power earliest in the General Insurrection (14–18 August 1945) were:

- A.** Hải Dương, Bắc Giang, Hà Tĩnh, Quảng Nam / *Hải Dương, Bắc Giang, Hà Tĩnh, Quảng Nam*
- B.** Hà Nội, Huế, Sài Gòn, Tân An / *Hà Nội, Huế, Sài Gòn, Tân An*
- C.** Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên / *Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên*
- D.** Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Thái Bình / *Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Thái Bình*

Chương 2. Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 – 1975) — Chapter 2. The Party leads two resistance wars, completing national liberation and reunification (1945 – 1975)

2.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945 – 1946) — Building and defending the revolutionary government (1945 – 1946)

Tình thế “ngàn cân treo sợi tóc” sau Cách mạng Tháng Tám — The “hanging by a thread” situation after the August Revolution

Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời ngày 2/9/1945 trong một tình thế hai mặt: thuận lợi có tính căn bản, khó khăn có tính cấp bách. Đề thi hay yêu cầu nêu đủ cả hai mặt rồi chỉ ra khó khăn lớn nhất.

The Democratic Republic of Vietnam was born on 2 September 1945 into a two-sided situation: advantages that were fundamental, difficulties that were urgent. Exam questions often ask for both sides and then for the gravest danger.

Mặt <i>Aspect</i>	Thuận lợi <i>Advantages</i>	Khó khăn <i>Difficulties</i>
Quốc tế <i>International</i>	Liên Xô thành thành trì của chủ nghĩa xã hội; nhiều nước Đông, Trung Âu chọn con đường xã hội chủ nghĩa; phong trào giải phóng dân tộc ở Á, Phi, Mỹ Latinh lên cao <i>The Soviet Union became the bulwark of socialism; several Eastern and Central European countries took the socialist road; liberation movements rose in Asia, Africa and Latin America</i>	Phe đế quốc mưu chia lại thuộc địa; không nước lớn nào công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; Việt Nam bị bao vây, cách biệt với bên ngoài <i>The imperialist camp sought to redivide the colonies; no great power recognised the Democratic Republic of Vietnam; Vietnam was encircled and isolated</i>
Chính trị <i>Political</i>	Nhân dân thành người làm chủ; Đảng thành đảng cầm quyền; bộ máy chính quyền thống nhất từ Trung ương đến cơ sở; Hồ Chí Minh là trung tâm đoàn kết <i>The people became masters; the Party became the ruling party; a unified state apparatus from centre to grassroots; Hồ Chí Minh as the centre of unity</i>	Chính quyền non trẻ, thiếu kinh nghiệm; tay sai Việt Quốc, Việt Cách theo quân Tưởng chống phá <i>A young, inexperienced government; Việt Quốc and Việt Cách henchmen came with Chiang's troops to sabotage it</i>

Mặt <i>Aspect</i>	Thuận lợi <i>Advantages</i>	Khó khăn <i>Difficulties</i>
Kinh tế – xã hội <i>Economic and social</i>	Lòng tin và khí thế của nhân dân sau thắng lợi giành chính quyền <i>Popular trust and momentum after the seizure of power</i>	Nạn đói cuối 1944 – đầu 1945 làm 2 triệu người chết; 50% ruộng đất bỏ hoang; kho bạc trống rỗng; 95% dân số mù chữ <i>The famine of late 1944 – early 1945 killed 2 million; 50% of farmland lay fallow; the treasury was empty; 95% of the population was illiterate</i>
Quân sự <i>Military</i>	Quân đội quốc gia và công an được khẩn trương xây dựng <i>A national army and police were urgently being built</i>	Bắc vĩ tuyến 16: hơn 20 vạn quân Tưởng; Nam vĩ tuyến 16: 2 vạn quân Anh – Ấn mở đường cho Pháp; 6 vạn quân Nhật chưa giải giáp <i>North of the 16th parallel: over 200,000 Chiang troops; south of it: 20,000 British-Indian troops clearing the way for France; 60,000 Japanese troops not yet disarmed</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Ba thứ giặc: **giặc đói** — **giặc dốt** — **giặc ngoại xâm** (phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, 3/9/1945). Nguy hiểm nhất: **thực dân Pháp quay lại xâm lược** — nổ súng ở Sài Gòn ngày 2/9/1945, đánh chiếm Sài Gòn – Chợ Lớn rạng sáng 23/9/1945.

Three enemies: famine — illiteracy — foreign invaders (first session of the Provisional Government, 3/9/1945). The gravest: the return of French aggression — shots fired in Sài Gòn on 2/9/1945, the seizure of Sài Gòn – Chợ Lớn at dawn on 23/9/1945.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Ghi “vĩ tuyến 17” cho năm 1945. Năm 1945 quân Đồng minh vào giải giáp Nhật lấy **vĩ tuyến 16** làm ranh giới: Tưởng ở phía Bắc, Anh ở phía Nam. **Vĩ tuyến 17** là giới tuyến quân sự tạm thời của Hiệp định Genève năm 1954.

Writing “17th parallel” for 1945. In 1945 the Allied disarmament forces were split at the 16th parallel: Chiang in the North, Britain in the South. The 17th parallel is the temporary military demarcation line of the 1954 Geneva Agreements.

Chỉ thị Kháng chiến kiến quốc (25/11/1945) — *The Directive on Resistance and National Construction (25 November 1945)*

Ban Chấp hành Trung ương ra Chỉ thị ngày 25/11/1945, gần hai tháng sau khi Nam Bộ cầm súng. Văn kiện trả lời ba câu hỏi: đánh ai trước, cách mạng lúc này mang tính chất gì, và làm những việc gì trước.

The Central Committee issued the Directive on 25 November 1945, about two months after Nam Bộ took up arms. It answered three questions: whom to fight first, what the revolution’s nature was at that moment, and what to do first.

Vấn đề <i>Issue</i>	Chỉ thị xác định <i>The Directive's answer</i>
Kẻ thù chính <i>Main enemy</i>	Thực dân Pháp xâm lược — phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng <i>The French colonial aggressors — the fire of struggle must be concentrated on them</i>
Tính chất cách mạng <i>Nature of the revolution</i>	Vẫn là “ dân tộc giải phóng ” <i>Still “national liberation”</i>
Khẩu hiệu <i>Slogan</i>	“Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết” <i>“The nation above all, the Fatherland above all”</i>
Bốn nhiệm vụ trước mắt <i>Four immediate tasks</i>	Giữ vững chính quyền — đánh Pháp xâm lược — trừ bọn nội phản — lo đời sống cho dân <i>Consolidate the government — resist French aggression — eliminate internal traitors — improve living conditions</i>
Nội chính <i>Domestic measures</i>	Xúc tiến bầu cử Quốc hội, lập Chính phủ chính thức, soạn Hiến pháp; động viên toàn dân, chuẩn bị kháng chiến lâu dài <i>Hold National Assembly elections, form an official government, draft a constitution; mobilise the whole people and prepare a protracted resistance</i>
Ngoại giao <i>Diplomacy</i>	Làm cho nước mình ít kẻ thù, nhiều bạn; với Tưởng: “ Hoa – Việt thân thiện ”; với Pháp: “ độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế ” <i>Have as few enemies and as many friends as possible; towards Chiang: “Sino-Vietnamese friendship”; towards France: “political independence, economic concessions”</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — 25/11/1945 — Chỉ thị Kháng chiến kiến quốc. Kẻ thù chính: Pháp. Tính chất: dân tộc giải phóng. Khẩu hiệu: “Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết”. Bốn nhiệm vụ: củng cố chính quyền, chống Pháp, trừ nội phản, cải thiện dân sinh.
25/11/1945 — Directive on Resistance and National Construction. Main enemy: France. Nature: national liberation. Slogan: “The nation above all, the Fatherland above all”. Four tasks: consolidate power, resist France, remove traitors, improve livelihoods.

VÍ DỤ / EXAMPLE — Mẹo nhớ bốn nhiệm vụ theo thứ tự “Chính – Chống – Trừ – Sống”: **chính** quyền, **chống** Pháp, **trừ** nội phản, đời **sống** nhân dân. Tên văn kiện cũng chứa hai vế của cả thời kỳ: **kháng chiến** đi đôi với **kiến quốc**.
A memory chain for the four tasks: “Power – Fight – Purge – Life”: power consolidated, fight France, purge traitors, life of the people. The document’s very name holds the two strands of the period: resistance together with national construction.

Diệt giặc đói, giặc dốt và kiện toàn bộ máy nhà nước — *Fighting famine and illiteracy, completing the state apparatus*

Lĩnh vực <i>Field</i>	Biện pháp chính <i>Main measures</i>	Kết quả đo được <i>Measured results</i>
Giặc đói <i>Famine</i>	Tăng gia sản xuất; hũ gạo tiết kiệm; Tuần lễ vàng, quỹ Độc lập, quỹ Đảm phụ quốc phòng, quỹ Nam Bộ kháng chiến; bỏ thuế thân; giảm tô 25% ; chia ruộng đất của đế quốc, Việt gian, đất hoang cho nông dân nghèo; phát hành giấy bạc Việt Nam <i>More production; rice-saving jars; Gold Week, the Independence, Defence and Nam Bộ Resistance funds; poll tax abolished; 25% rent cut; land of imperialists, traitors and fallow land given to poor peasants; Vietnamese banknotes issued</i>	Đầu năm 1946 nạn đói cơ bản bị đẩy lùi <i>By early 1946 the famine was essentially pushed back</i>
Giặc dốt <i>Illiteracy</i>	Phong trào Bình dân học vụ ; học chữ quốc ngữ; nếp sống mới; khai giảng các cấp học; lập Trường Đại học Văn khoa Hà Nội <i>The Popular Education movement; learning quốc ngữ; a new way of life; schools reopened; the Hà Nội Faculty of Letters founded</i>	Cuối năm 1946: hơn 2,5 triệu người biết đọc, biết viết <i>By end-1946: over 2.5 million people could read and write</i>
Bộ máy nhà nước <i>State apparatus</i>	Tổng tuyển cử phổ thông đầu phiếu; bầu hội đồng nhân dân các cấp; lập Ban soạn thảo Hiến pháp do Hồ Chí Minh làm Trưởng ban <i>Universal-suffrage general election; people's councils elected at all levels; a drafting committee for the Constitution chaired by Hồ Chí Minh</i>	6/1/1946: hơn 89% cử tri đi bầu, 333 đại biểu ; 2/3/1946: Quốc hội khóa I họp phiên đầu, lập Chính phủ chính thức 10 bộ; 9/11/1946: thông qua Hiến pháp đầu tiên <i>6/1/1946: over 89% turnout, 333 deputies; 2/3/1946: first session of the First Assembly, an official government of 10 ministries; 9/11/1946: the first Constitution adopted</i>
Mặt trận, lực lượng <i>Front and forces</i>	Lập Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (Liên Việt) do Huỳnh Thúc Kháng làm Hội trưởng; Hội đồng cố vấn Chính phủ do Vĩnh Thụy đứng đầu <i>The Liên Việt League founded under Huỳnh Thúc Kháng; a Government Advisory Council headed by Vĩnh Thụy</i>	Cuối năm 1946: hơn 8 vạn bộ đội chính quy; công an tổ chức đến cấp huyện <i>By end-1946: over 80,000 regular troops; police organised down to district level</i>

VÍ DỤ / EXAMPLE — Ba mốc nhà nước xếp theo “bầu – họp – luật”: **6/1** bầu, **2/3** họp, **9/11** ra luật gốc. Cả ba đều thuộc năm **1946**. Đổi tháng 3 thành “tháng ba lá phiếu thành Chính phủ” để không lẫn với ngày 6/3 ký Hiệp định Sơ bộ.

Three state milestones in the order “vote – sit – law”: 6/1 vote, 2/3 first sitting, 9/11 basic law. All three are in 1946. Remember 2 March as “ballots turned into a government” so as not to confuse it with 6 March, the Preliminary Agreement.

Hồ Chí Minh nhắc các ủy ban nhân dân về bản chất của bộ máy mới: “các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc đến các làng, đều là công bộc của dân” (Hồ Chí Minh, Toàn tập, t.4, tr.64-65). Người yêu cầu bỏ ngay thói cậy thế, hủ hóa, tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo.

Hồ Chí Minh reminded the people’s committees of the nature of the new apparatus: “all Government bodies, from the national level down to the villages, are servants of the people” (Complete Works, vol. 4, pp. 64-65). He demanded an immediate end to abuse of power, corruption, favouritism, divisiveness and arrogance.

Kháng chiến ở Nam Bộ — *The resistance in Nam Bộ*

Thời gian <i>Date</i>	Sự kiện <i>Event</i>	Ý nghĩa <i>Significance</i>
2/9/1945 <i>2/9/1945</i>	Pháp bắn vào đoàn mít tinh mừng độc lập ở Sài Gòn – Chợ Lớn <i>The French fire on the independence rally in Sài Gòn – Chợ Lớn</i>	Lộ rõ ý đồ quay lại xâm lược <i>Their intent to reconquer is exposed</i>
Rạng sáng 23/9/1945 <i>Dawn of 23/9/1945</i>	Pháp, được quân Anh bảo trợ, đánh chiếm Sài Gòn – Chợ Lớn; Hội nghị liên tịch Xứ ủy, Ủy ban nhân dân, Ủy ban kháng chiến, Tổng bộ Việt Minh hiệu triệu kháng chiến <i>Backed by the British, France seizes Sài Gòn – Chợ Lớn; a joint meeting of the Regional Party Committee, People’s and Resistance Committees and Việt Minh headquarters calls for resistance</i>	Mở đầu cuộc xâm lược lần thứ hai của Pháp; Nam Bộ kháng chiến bắt đầu <i>Start of France’s second war of aggression and of the Nam Bộ resistance</i>
26/9/1945 <i>26/9/1945</i>	Những chi đội đầu tiên Nam tiến <i>The first detachments march southwards</i>	Cả nước chia lửa với Nam Bộ <i>The whole country shares the burden of fire</i>
25/10/1945 <i>25/10/1945</i>	Hội nghị cán bộ Đảng bộ Nam Bộ ở Thiên Hộ, Cái Bè (Mỹ Tho) <i>Conference of Nam Bộ Party cadres at Thiên Hộ, Cái Bè (Mỹ Tho)</i>	Củng cố lực lượng vũ trang, xây cơ sở bí mật trong nội đô, phát động toàn dân kháng chiến <i>Armed forces consolidated, secret bases built in the city, the whole people mobilised</i>

- Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng nhân dân Nam Bộ danh hiệu **“Thành đồng Tổ quốc”**. Ở miền Trung, cuộc chiến đấu ở Nha Trang mở đầu mặt trận Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

President Hồ Chí Minh conferred on the people of Nam Bộ the title “Bronze Citadel of the Fatherland”. In the Centre, the fighting at Nha Trang opened the South Central Coast and Tây Nguyên front.

Sách lược với quân Tưởng và với thực dân Pháp — *Tactics towards Chiang's troops and towards France*

Năm 1946 Đảng đổi đối tượng hòa hoãn một lần, theo thay đổi của tình hình: trước Hiệp ước Trùng Khánh (28/2/1946) hòa với Tưởng để tập trung đánh Pháp ở miền Nam; sau Hiệp ước đó hòa với Pháp để gạt quân Tưởng về nước. Nguyên tắc giữ nguyên: nhân nhượng có giới hạn, không đụng tới độc lập và chính quyền.

In 1946 the Party switched the object of its truce once, following changes in the situation: before the Chongqing Treaty (28 February 1946) it made peace with Chiang to concentrate on fighting France in the South; after that treaty it made peace with France to send Chiang's troops home. The principle stayed the same: limited concessions, never touching independence or state power.

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Từ 9/1945 đến 2/1946 <i>9/1945 to 2/1946</i>	Từ 3/1946 đến 12/1946 <i>3/1946 to 12/1946</i>
Đối tượng hòa hoãn <i>Party given a truce</i>	Quân Tưởng (Trung Hoa dân quốc) và tay sai <i>Chiang's troops (Republic of China) and their henchmen</i>	Thực dân Pháp <i>The French colonialists</i>
Đối tượng tập trung <i>Main target</i>	Pháp ở Nam Bộ <i>France in Nam Bộ</i>	Quân Tưởng (phải về nước) và bọn phản động trong nước <i>Chiang's troops (to be sent home) and domestic reactionaries</i>
Căn cứ chuyển hướng <i>Reason for the switch</i>	Chỉ thị Kháng chiến kiến quốc: “Hoa – Việt thân thiện” <i>The 25/11/1945 Directive: “Sino-Vietnamese friendship”</i>	Hiệp ước Trùng Khánh 28/2/1946; Chỉ thị Tình hình và chủ trương 3/3/1946 <i>The Chongqing Treaty of 28/2/1946; the Directive of 3/3/1946</i>
Nhân nhượng cụ thể <i>Concrete concessions</i>	Cung cấp lương thực cho 20 vạn quân Tưởng; cho tiêu tiền Quan kim, Quốc tệ; thêm 70 ghế Quốc hội không qua bầu cử cho Việt Quốc, Việt Cách; Đảng tuyên bố tự giải tán ngày 11/11/1945 , rút vào bí mật <i>Food for 200,000 Chiang troops; Quan kim and Quốc tệ notes allowed; 70 unelected Assembly seats for Việt Quốc and Việt Cách; the Party announced its self-dissolution on 11/11/1945 and went underground</i>	Cho 15.000 quân Pháp ra Bắc; nhượng thêm quyền lợi kinh tế, văn hóa (Tạm ước 14/9/1946) <i>15,000 French troops let into the North; further economic and cultural concessions (Modus Vivendi of 14/9/1946)</i>
Kết quả <i>Result</i>	Làm thất bại âm mưu “diệt cộng, cầm Hồ” của Tưởng <i>Chiang's plan to “destroy the communists, capture Hồ” foiled</i>	Quân Tưởng rút; trấn áp vụ Ôn Như Hầu (12/7/1946); thêm thời gian chuẩn bị kháng chiến <i>Chiang's troops left; the Ôn Như Hầu plot crushed (12/7/1946); more time to prepare the resistance</i>

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Hiểu “Đảng tự giải tán” (11/11/1945) là Đảng ngừng hoạt động. Đảng rút vào bí mật, chỉ để một bộ phận công khai dưới tên “**Hội Nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương**”; sự lãnh đạo vẫn liên tục. Đảng ra công khai trở lại tại **Đại hội II (2/1951)**.

Taking “the Party dissolved itself” (11/11/1945) to mean the Party stopped working. It went underground, leaving one open section named the “Association for the Study of Marxism in Indochina”; leadership continued without a break. The Party re-emerged openly at the 2nd Congress (2/1951).

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Chỉ thị Tình hình và chủ trương (3/3/1946): “Vấn đề lúc này, không phải là muốn hay không muốn đánh. Vấn đề là biết mình biết người, nhận một cách khách quan những điều kiện lợi lẫn trong nước và ngoài nước mà chủ trương cho đúng” (Văn kiện Đảng toàn tập, t.8, tr.43-44).

Directive on the Situation and Policy (3/3/1946): “The question at this moment is not whether we want or do not want to fight. The question is to know ourselves and know the others, to weigh objectively the gains and losses at home and abroad, so as to adopt the right policy” (Complete Party Documents, vol. 8, pp. 43-44).

So sánh Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946) và Tạm ước (14/9/1946) — *Comparing the Preliminary Agreement (6/3/1946) and the Modus Vivendi (14/9/1946)*

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Hiệp định Sơ bộ <i>Preliminary Agreement</i>	Tạm ước <i>Modus Vivendi</i>
Ngày ký <i>Date signed</i>	6/3/1946, tại Hà Nội <i>6/3/1946, in Hà Nội</i>	14/9/1946, tại Pháp, cuối chuyến thăm của Hồ Chí Minh <i>14/9/1946, in France, at the end of Hồ Chí Minh’s visit</i>
Người ký phía Pháp <i>French signatory</i>	J. Sainteny, đại diện Chính phủ Pháp tại Hà Nội <i>J. Sainteny, the French Government’s representative in Hà Nội</i>	Marius Moutet, đại diện Chính phủ Pháp <i>Marius Moutet, representing the French Government</i>
Văn kiện của Đảng đi kèm <i>Accompanying Party document</i>	Trước: Chỉ thị Tình hình và chủ trương (3/3/1946); sau: Chỉ thị Hòa để tiến (9/3/1946) <i>Before: the Directive on the Situation and Policy (3/3/1946); after: the Directive Make Peace in Order to Advance (9/3/1946)</i>	Sau đó Hồ Chí Minh viết bài “Công việc khẩn cấp bây giờ”, chuẩn bị chuyển sang chiến tranh <i>Afterwards Hồ Chí Minh wrote “Urgent Tasks Now”, preparing the switch to war</i>

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Hiệp định Sơ bộ <i>Preliminary Agreement</i>	Tạm ước <i>Modus Vivendi</i>
Nội dung chính <i>Main terms</i>	Pháp công nhận Việt Nam là quốc gia tự do , có chính phủ, nghị viện, quân đội, tài chính riêng, trong Liên bang Đông Dương thuộc khối Liên hiệp Pháp; 15.000 quân Pháp ra Bắc thay quân Tưởng, rút dần trong 5 năm ; tiếp tục đàm phán chính thức <i>France recognises Vietnam as a free state with its own government, parliament, army and finances, within the Indochinese Federation of the French Union; 15,000 French troops replace Chiang's in the North, withdrawn over 5 years; official talks to follow</i>	Việt Nam nhân nhượng thêm cho Pháp một số quyền lợi kinh tế, văn hóa ; hai bên đình chỉ chiến sự ở Nam Bộ và tiếp tục đàm phán <i>Vietnam makes further economic and cultural concessions; both sides cease hostilities in Nam Bộ and keep negotiating</i>
Mục đích của ta <i>Our purpose</i>	Đuổi quân Tưởng, tránh đánh cùng lúc hai kẻ thù <i>Remove Chiang's army and avoid fighting two enemies at once</i>	Kéo dài hòa hoãn sau khi Hội nghị Fontainebleau thất bại; bảo đảm phái đoàn về nước an toàn <i>Prolong the truce after the failed Fontainebleau talks; ensure the delegation's safe return</i>
Bối cảnh đàm phán <i>Negotiating context</i>	Ngay sau Hiệp ước Trùng Khánh (28/2/1946) <i>Right after the Chongqing Treaty (28/2/1946)</i>	Sau Hội nghị Đà Lạt (19/4 – 10/5/1946) và Fontainebleau (6/7 – 10/9/1946) không thành <i>After the inconclusive Đà Lạt (19/4 – 10/5/1946) and Fontainebleau (6/7 – 10/9/1946) conferences</i>

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Nhầm Hiệp ước Trùng Khánh với Hiệp định Sơ bộ. Hiệp ước Trùng Khánh (28/2/1946) do **Pháp và Tưởng** ký sau lưng Việt Nam; Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946) do **Việt Nam và Pháp** ký. Cũng đừng gọi Tạm ước là “Hiệp định 14/9”.

*Confusing the Chongqing Treaty with the Preliminary Agreement. The Chongqing Treaty (28/2/1946) was signed by **France and Chiang** behind Vietnam's back; the Preliminary Agreement (6/3/1946) was signed by **Vietnam and France**. Nor should the Modus Vivendi be called the “14/9 Agreement”.*

- Trong thời gian hòa hoãn, Hồ Chí Minh thăm Pháp từ 31/5/1946, kéo dài hơn 4 tháng; ở trong nước, cụ Huỳnh Thúc Kháng làm quyền Chủ tịch. Rạng sáng **12/7/1946**, công an đột nhập trụ sở Đại Việt, Quốc dân Đảng, thu kế hoạch đảo chính dự định ngày 14/7/1946 — vụ án **Ôn Như Hầu**.

*During the truce Hồ Chí Minh visited France from 31/5/1946 for over four months; at home Huỳnh Thúc Kháng was Acting President. At dawn on **12/7/1946** the police raided the Đại Việt and Quốc Dân Đảng headquarters and seized a coup plan set for 14/7/1946 — the **Ôn Như Hầu** case.*

- Ngày **20/10/1946** Hồ Chí Minh về đến Hải Phòng. Các cơ quan Trung ương, máy móc, nguyên liệu được chuyển lên ATK Thái Nguyên, Tuyên Quang, Chiến khu D, Đồng Tháp Mười; vùng địch có thể chiếm thì thực hiện “vườn không, nhà trống”.
Hồ Chí Minh reached Hải Phòng on 20/10/1946. Central bodies, machinery and materials were moved to the Thái Nguyên and Tuyên Quang safety zones, War Zone D and Đồng Tháp Mười; areas the enemy might take applied “empty gardens, empty houses”.
- Đến tháng 12/1946, số đảng viên tăng lên hơn **20.000** người — kết quả của yêu cầu đẩy mạnh xây dựng Đảng trong Chỉ thị Hòa để tiến.
By December 1946 Party membership exceeded 20,000 — the outcome of the call to step up Party building in the Make Peace in Order to Advance Directive.

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Kinh nghiệm 1945 – 1946: tự lực, tự cường; **triệt để lợi dụng mâu thuẫn kẻ thù; nhân nhượng có nguyên tắc** theo phương châm “**Đĩ bất biến, ứng vạn biến**”; đại đoàn kết dân tộc; phát triển thực lực cách mạng.
Lessons of 1945 – 1946: self-reliance; thoroughly exploiting the enemies’ contradictions; principled concessions under the motto “Stay constant, respond to change”; great national unity; building up revolutionary strength.

2.2. Đường lối kháng chiến toàn quốc và quá trình thực hiện (1946 – 1950) — *The line of nationwide resistance and its implementation (1946 – 1950)*

Từ hòa hoãn đến toàn quốc kháng chiến — *From truce to nationwide resistance*

Thời gian <i>Date</i>	Sự kiện <i>Event</i>	Ý nghĩa <i>Significance</i>
Cuối 11/1946 <i>Late 11/1946</i>	Pháp đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn; chiếm đóng Đà Nẵng, Hải Dương; dựng “Chính phủ Cộng hòa Nam Kỳ” <i>France seizes Hải Phòng and Lạng Sơn, occupies Đà Nẵng and Hải Dương, props up a “Republic of Cochinchina”</i>	Pháp bội ước Tạm ước <i>France breaks the Modus Vivendi</i>
12/12/1946 <i>12/12/1946</i>	Trung ương ra Chỉ thị Toàn dân kháng chiến <i>The Central Committee issues the Directive The Whole People’s Resistance</i>	Văn kiện chuẩn bị trực tiếp cho kháng chiến toàn quốc <i>Direct preparation for nationwide war</i>
16 – 17/12/1946 <i>16 – 17/12/1946</i>	Pháp chiếm Bộ Tài chính, Bộ Giao thông công chính; thảm sát ở phố Yên Ninh, Hàng Bún <i>France seizes the Finance and Public Works ministries; massacres on Yên Ninh and Hàng Bún streets</i>	Khiêu khích quân sự công khai tại Thủ đô <i>Open military provocation in the capital</i>

Thời gian <i>Date</i>	Sự kiện <i>Event</i>	Ý nghĩa <i>Significance</i>
18/12/1946 <i>18/12/1946</i>	Pháp cắt liên hệ, gửi liên tiếp ba tối hậu thư; Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương mở rộng ở Vạn Phúc, Hà Đông quyết định phát động toàn quốc kháng chiến <i>France cuts contacts and sends three ultimatums; the enlarged Standing Committee meeting at Vạn Phúc, Hà Đông decides on nationwide resistance</i>	Quyết định chiến lược: không còn con đường hòa hoãn <i>Strategic decision: no truce left</i>
19/12/1946 <i>19/12/1946</i>	Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến ; 20 giờ, các đô thị Bắc vĩ tuyến 16 đồng loạt nổ súng; 20 giờ 3 phút pháo đài Láng bắn loạt đầu tiên <i>Hồ Chí Minh issues the Appeal for Nationwide Resistance; at 20:00 the towns north of the 16th parallel open fire; at 20:03 the Láng fort fires the first salvo</i>	Kháng chiến toàn quốc bùng nổ <i>The nationwide war begins</i>
19/12/1946 – 17/2/1947 <i>19/12/1946 – 17/2/1947</i>	Hà Nội chiến đấu 60 ngày đêm ; lập Trung đoàn Thủ đô , rút ra chiến khu ngày 17/2/1947 <i>Hà Nội fights for 60 days and nights; the Capital Regiment is formed and withdraws to the war zone on 17/2/1947</i>	Giam chân địch, bảo vệ cơ quan đầu não rút an toàn <i>Pins the enemy down; the leadership withdraws safely</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến (19/12/1946): “Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!” (Hồ Chí Minh, Toàn tập, t.4, tr.534).

Appeal for Nationwide Resistance (19/12/1946): “We want peace, so we made concessions. But the more we conceded, the further the French colonialists pressed, for they are bent on seizing our country once again!” (Hồ Chí Minh, Complete Works, vol. 4, p. 534).

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Ghi ngày ra **Chỉ thị Toàn dân kháng chiến** là 19/12/1946. Chỉ thị ra ngày **12/12/1946**; ngày 19/12/1946 là ngày của **Lời kêu gọi** và của tiếng súng mở đầu ở Hà Nội. Hội nghị quyết định là ngày **18/12/1946**.

*Dating the **Whole People’s Resistance Directive** 19/12/1946. It was issued on **12/12/1946**; 19/12/1946 is the date of the **Appeal** and of the first shots in Hà Nội. The deciding meeting was on **18/12/1946**.*

Nội dung đường lối kháng chiến — *Content of the resistance line*

Đường lối không ra đời trong một văn bản. Nó được hình thành, bổ sung qua thực tiễn 1945 – 1947 và đọng lại trong sáu văn kiện sau.

The line was not born in a single document. It was formed and refined through the practice of 1945 – 1947 and settled in the following six texts.

Thời gian <i>Date</i>	Văn kiện <i>Document</i>	Đóng góp vào đường lối <i>Contribution to the line</i>
25/11/1945 <i>25/11/1945</i>	Chỉ thị Kháng chiến kiến quốc <i>Directive on Resistance and National Construction</i>	Xác định kẻ thù chính, hai nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc <i>Main enemy; the twin tasks of resistance and construction</i>
3/3/1946 <i>3/3/1946</i>	Chỉ thị Tình hình và chủ trương <i>Directive on the Situation and Policy</i>	Phương pháp “biết mình biết người”, sách lược hòa để đuổi Tưởng <i>The “know yourself, know the other” method; truce tactics to remove Chiang</i>
9/3/1946 <i>9/3/1946</i>	Chỉ thị Hòa để tiến <i>Directive Make Peace in Order to Advance</i>	Hòa nhưng không ngừng chuẩn bị kháng chiến <i>Peace without pausing preparations for war</i>
12/12/1946 <i>12/12/1946</i>	Chỉ thị Toàn dân kháng chiến <i>Directive The Whole People's Resistance</i>	Nêu những vấn đề cơ bản của cuộc kháng chiến toàn quốc <i>Sets out the basic issues of the nationwide war</i>
19/12/1946 <i>19/12/1946</i>	Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến <i>Appeal for Nationwide Resistance</i>	Hiệu triệu toàn dân, nêu quyết tâm không chịu mất nước <i>Rallies the whole people; resolve never to lose the country</i>
8/1947 <i>8/1947</i>	Kháng chiến nhất định thắng lợi (Trường Chinh) <i>The Resistance Will Surely Win (Trường Chinh)</i>	Hệ thống hóa đường lối thành lý luận <i>Systematises the line as theory</i>

Thành tố <i>Component</i>	Nội dung <i>Content</i>	Cách hiểu đúng <i>Correct reading</i>
Mục tiêu <i>Aim</i>	Đánh đổ thực dân Pháp, giành độc lập, tự do, thống nhất; vì tự do dân chủ, góp phần bảo vệ hòa bình <i>Overthrow French colonialism, win independence, freedom and unity; for democracy and world peace</i>	Kế tục mục tiêu của Cách mạng Tháng Tám <i>Continues the aim of the August Revolution</i>
Toàn dân <i>People's war</i>	Đem toàn bộ sức dân, tài dân, lực dân; “mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi làng xã là một pháo đài, mỗi đường phố là một mặt trận” <i>All the people's strength, talent and resources; “every citizen a soldier, every village a fortress, every street a front”</i>	Quân đội nhân dân làm nòng cốt , không đánh thay dân <i>The People's Army is the core, not a substitute for the people</i>

Thành tố <i>Component</i>	Nội dung <i>Content</i>	Cách hiểu đúng <i>Correct reading</i>
Toàn diện <i>All-round</i>	Đánh trên mọi mặt: quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng, ngoại giao <i>Fight on every front: military, political, economic, cultural, ideological, diplomatic</i>	Quân sự là mũi nhọn, quyết định ; các mặt khác hỗ trợ <i>The military front is the decisive spearhead; the others support it</i>
Lâu dài <i>Protracted</i>	Vừa đánh tiêu hao địch, vừa xây dựng lực lượng ta; lấy thời gian chuyển yếu thành mạnh <i>Wear the enemy down while building our forces; use time to turn weakness into strength</i>	Không phải kéo dài vô hạn; phải chớp thời cơ, thắng từng bước <i>Not endless; seize opportunities and win step by step</i>
Dựa vào sức mình là chính <i>Mainly self-reliant</i>	Nội lực là chỗ dựa chủ yếu; tranh thủ giúp đỡ quốc tế khi có điều kiện <i>Domestic strength is the main support; international aid sought when possible</i>	Độc lập, tự chủ về đường lối là yếu tố hàng đầu <i>Independence in policy is the top factor</i>

VÍ DỤ / EXAMPLE — Mẹo nhớ bốn đặc điểm bằng “4 chữ D”: toàn **D**ân — toàn **D**iện — **D**ài lâu — **D**ựa vào sức mình. Khi làm bài, viết đủ 4 chữ D rồi gắn mỗi chữ một câu giải thích và một dẫn chứng (vd. Dài lâu → Hà Nội giam chân địch 60 ngày đêm để các cơ quan rút lên Việt Bắc).

*A memory aid in Vietnamese is “4 D’s”: toàn **D**ân (people’s) — toàn **D**iện (all-round) — **D**ài lâu (protracted) — **D**ựa vào sức mình (self-reliant). In an exam, write all four, then add one line of explanation and one example each (e.g. protracted → Hà Nội held the enemy for 60 days while leading bodies moved to Việt Bắc).*

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Viết “kháng chiến toàn dân, toàn diện, **trường kỳ, dựa vào viện trợ**”. Về cuối sai: đường lối đặt **sức mình là chính**; viện trợ quốc tế chỉ được tranh thủ “khi có điều kiện” — thực tế từ năm 1950 mới có.

*Writing “people’s, all-round, protracted, **relying on aid**”. The last part is wrong: the line puts **our own strength first**; foreign aid was sought only “when conditions allowed” — in practice only from 1950.*

Tổ chức kháng chiến 1947 – 1950 — *Organising the resistance, 1947 – 1950*

Thời gian <i>Date</i>	Sự kiện / Hội nghị <i>Event / Meeting</i>	Nội dung chủ trương <i>Policy content</i>	Ý nghĩa <i>Significance</i>
6/4/1947 <i>6/4/1947</i>	Hội nghị cán bộ Trung ương <i>Central Cadres' Conference</i>	Mở rộng Mặt trận, phát động chiến tranh du kích, kết nạp đợt đảng viên “Lớp tháng Tám” <i>Broaden the Front, launch guerrilla war, admit the “August Class” of members</i>	Cuối 1947 Đảng có hơn 70.000 đảng viên <i>Over 70,000 members by end-1947</i>
15/10/1947 <i>15/10/1947</i>	Chỉ thị Phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp <i>Directive: We Must Smash the French Winter Offensive</i>	Du kích ở đồng bằng, chặt giao thông, đánh địch trên mọi hướng tiến công <i>Guerrilla war in the plains, cut communications, strike on every axis</i>	Mở đường cho chiến thắng Việt Bắc <i>Leads to the Việt Bắc victory</i>
Thu đông 1947 <i>Autumn–winter 1947</i>	Chiến dịch Việt Bắc <i>Việt Bắc Campaign</i>	75 ngày đêm, kết thúc 21/12/1947 <i>75 days and nights, ended 21/12/1947</i>	Bảo toàn cơ quan đầu não; phá kế hoạch đánh nhanh, thắng nhanh <i>Leadership preserved; “quick victory” plan defeated</i>
11/6/1948 <i>11/6/1948</i>	Lời kêu gọi Thi đua ái quốc <i>Appeal for Patriotic Emulation</i>	Tăng gia sản xuất, tự cấp tự túc vải, giấy, thuốc, nông cụ <i>Produce more; self-supply cloth, paper, medicine, tools</i>	Xây thực lực kinh tế cho kháng chiến dài <i>Economic base for a long war</i>
7/1948 <i>7/1948</i>	Hội nghị Văn hóa toàn quốc <i>National Cultural Conference</i>	Văn hóa mới: dân tộc, khoa học, đại chúng <i>New culture: national, scientific, popular</i>	Mặt trận văn hóa trong kháng chiến toàn diện <i>The cultural front of all-round war</i>
11/1949 – 2/1950 <i>11/1949 – 2/1950</i>	Sắc lệnh nghĩa vụ quân sự; lệnh tổng động viên <i>Military service decree; general mobilisation</i>	Huy động nhân lực, vật lực, tài lực toàn dân <i>Mobilise all human, material and financial resources</i>	Bộ đội lên 23 vạn; dân quân du kích 3 triệu <i>Army 230,000; militia 3 million</i>
18 và 30/1/1950 <i>18 and 30/1/1950</i>	Trung Quốc, Liên Xô công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hòa <i>China and the Soviet Union recognise the DRV</i>	Mở rộng ngoại giao với phe xã hội chủ nghĩa <i>Diplomacy opens to the socialist camp</i>	Phá thế bao vây; có hậu phương quốc tế <i>Encirclement broken; an international rear</i>

Thời gian <i>Date</i>	Sự kiện / Hội nghị <i>Event / Meeting</i>	Nội dung chủ trương <i>Policy content</i>	Ý nghĩa <i>Significance</i>
6/1950 <i>6/1950</i>	Ban Thường vụ quyết định mở Chiến dịch Biên giới <i>Standing Committee decides on the Border Campaign</i>	Diệt sinh lực địch, mở rộng Việt Bắc, khai thông đường sang Trung Quốc <i>Destroy enemy forces, enlarge Việt Bắc, open the route to China</i>	Chiến dịch lớn đầu tiên ta chủ động tiến công <i>Our first large offensive campaign</i>

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947 <i>Việt Bắc, autumn–winter 1947</i>	Chiến dịch Biên giới thu đông 1950 <i>Border Campaign, autumn–winter 1950</i>
Bên chủ động <i>Initiative</i>	Pháp tấn công, ta phản công <i>France attacks, we counter-attack</i>	Ta chủ động tiến công <i>We take the offensive</i>
Mục tiêu của Pháp / của ta <i>Aim</i>	Pháp muốn bắt cơ quan đầu não, kết thúc chiến tranh nhanh <i>France aims to capture the leadership and end the war fast</i>	Ta diệt sinh lực địch, mở rộng căn cứ, khai thông biên giới Việt – Trung <i>We destroy enemy forces, enlarge the base, open the Vietnam–China border</i>
Địa bàn <i>Area</i>	Bắc Kạn, Chợ Mới, Chợ Đồn, đường số 4, sông Lô, sông Gâm <i>Bắc Kạn, Chợ Mới, Chợ Đồn, Route 4, the Lô and Gâm rivers</i>	Cao Bằng, Lạng Sơn — từ thị xã Cao Bằng đến Đình Lập <i>Cao Bằng and Lạng Sơn — from Cao Bằng town to Đình Lập</i>
Thời gian <i>Duration</i>	75 ngày đêm, kết thúc 21/12/1947 <i>75 days and nights, ended 21/12/1947</i>	Mở màn 16/9/1950, kết thúc tháng 10/1950 <i>Opened 16/9/1950, ended in October 1950</i>
Ý nghĩa <i>Significance</i>	Phá chiến lược đánh nhanh, thắng nhanh <i>Defeats the quick-victory strategy</i>	Kết thúc thời kỳ chiến đấu trong vòng vây; kháng chiến sang giai đoạn mới <i>Ends the period of fighting under encirclement; the war enters a new stage</i>

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Gọi Việt Bắc 1947 là “chiến dịch tiến công lớn đầu tiên”. Năm 1947 **Pháp tấn công**, ta phản công bảo vệ căn cứ. Chiến dịch lớn đầu tiên **ta chủ động tiến công** là **Biên giới thu đông 1950**.

*Calling Việt Bắc 1947 “our first large offensive”. In 1947 **France attacked** and we counter-attacked to defend the base. Our first large campaign **on our own initiative** was the **1950 Border Campaign**.*

Thời điểm <i>Time</i>	Đảng viên <i>Party members</i>	Bộ đội chính quy <i>Regular troops</i>	Dân quân, tự vệ, du kích <i>Militia and guerrillas</i>
Cuối 1946 <i>End-1946</i>	Hơn 20.000 (12/1946) <i>Over 20,000 (12/1946)</i>	Hơn 8 vạn <i>Over 80,000</i>	Hàng vạn <i>Tens of thousands</i>
Cuối 1947 <i>End-1947</i>	Hơn 70.000 <i>Over 70,000</i>	Hơn 12 vạn, 57 trung đoàn, 20 tiểu đoàn độc lập <i>Over 120,000; 57 regiments, 20 independent battalions</i>	Hơn 1 triệu <i>Over 1 million</i>
1948 – 1950 <i>1948 – 1950</i>	Kết nạp thêm hơn 50.000 (1948 – 1949) <i>Over 50,000 admitted (1948 – 1949)</i>	23 vạn, trong đó 40.000 đảng viên <i>230,000, including 40,000 Party members</i>	3 triệu <i>3 million</i>
2/1951 <i>2/1951</i>	Hơn 766.000 <i>Over 766,000</i>	— —	— —

- Ở vùng tạm chiếm, Đảng chủ trương **“biến hậu phương của địch thành tiền phương của ta”**: phá tề, trừ gian, chống càn, chống bắt lính. Các trận tiêu biểu: La Ngà, Nghĩa Lộ (3/1948), Tầm Vu, Đồng Dương (4/1948); Cầu Kè – Trà Vinh (4/1949); trận đặc công đầu tiên ở cầu Bà Kiên đêm 18/4/1950.

In occupied areas the Party aimed to “turn the enemy’s rear into our front line”: dismantle puppet councils, punish traitors, resist sweeps and conscription. Notable fights: La Ngà, Nghĩa Lộ (3/1948), Tầm Vu, Đồng Dương (4/1948); Cầu Kè – Trà Vinh (4/1949); the first sapper action at Bà Kiên bridge on the night of 18/4/1950.

- Phía đối phương: Pháp ký với Bảo Đại Hiệp định ngày 8/3/1949; ngày 1/7/1949 Bảo Đại tuyên bố lập “Quốc gia Việt Nam”. Mỹ can thiệp sâu dần: ngày 19/3/1950 hơn 500.000 người Sài Gòn biểu tình phản đối tàu chiến Mỹ.

On the other side: France signed an agreement with Bảo Đại on 8/3/1949; on 1/7/1949 Bảo Đại proclaimed the “State of Vietnam”. US involvement deepened: on 19/3/1950 over 500,000 people in Sài Gòn protested against US warships.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Bỏ qua khuyết điểm cuối năm 1950. Từ cuối 1950 Đảng phải **tạm ngừng phát triển đảng viên** vì kết nạp “quá nóng”, sai tiêu chuẩn; Trung ương uốn nắn tư tưởng nóng vội muốn chuyển nhanh sang tổng phản công và việc huy động sức người, sức của vượt sức dân.

*Ignoring the shortcomings of late 1950. From late 1950 the Party had to **pause admissions** because recruitment had been “overheated” and below standard; the Centre corrected the haste to jump to a general counter-offensive and the over-mobilisation of people and resources.*

2.3. Đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi (1951 – 1954) — *Pushing the resistance to victory (1951 – 1954)*

Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2/1951) — *The Party's 2nd National Congress (February 1951)*

Nội dung <i>Item</i>	Đại hội II <i>2nd Congress</i>
Thời gian, địa điểm <i>Time and place</i>	11 – 19/2/1951 , xã Vinh Quang (nay là Kim Bình), huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang <i>11 – 19 February 1951, Vinh Quang commune (now Kim Bình), Chiêm Hóa district, Tuyên Quang</i>
Đại biểu <i>Delegates</i>	158 chính thức, 53 dự khuyết, thay mặt hơn 766.000 đảng viên <i>158 full and 53 alternate, representing over 766,000 members</i>
Quyết định tổ chức <i>Organisational decision</i>	Mỗi nước Việt Nam, Lào, Campuchia có một đảng riêng; ở Việt Nam Đảng ra công khai với tên Đảng Lao động Việt Nam <i>Vietnam, Laos and Cambodia each to have its own party; in Vietnam the Party emerged openly as the Vietnam Workers' Party</i>
Báo cáo chính trị (Hồ Chí Minh) <i>Political Report (Hồ Chí Minh)</i>	Tổng kết nửa đầu thế kỷ XX và 21 năm hoạt động của Đảng; nhiệm vụ: tiêu diệt thực dân Pháp, đánh bại can thiệp Mỹ, giành độc lập, thống nhất <i>Reviews the first half of the 20th century and the Party's 21 years; task: destroy French colonialism, defeat US intervention, win independence and unity</i>
Báo cáo Bàn về cách mạng Việt Nam (Trường Chinh) <i>Report on the Vietnamese revolution (Trường Chinh)</i>	Đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội <i>The line of the people's national democratic revolution advancing to socialism</i>
Văn kiện thông qua <i>Documents adopted</i>	Chính cương Đảng Lao động Việt Nam; Điều lệ mới 13 chương, 71 điều <i>The Political Platform of the Vietnam Workers' Party; a new Statute of 13 chapters and 71 articles</i>
Nhân sự <i>Leadership</i>	Ban Chấp hành 19 chính thức, 10 dự khuyết; Bộ Chính trị 7 chính thức, 1 dự khuyết; Hồ Chí Minh Chủ tịch Đảng; Trường Chinh Tổng Bí thư <i>Central Committee of 19 full and 10 alternate; Politburo of 7 full and 1 alternate; Hồ Chí Minh Party Chairman; Trường Chinh General Secretary</i>

Nội dung Chính cương <i>Platform item</i>	Xác định <i>Definition</i>
Tính chất xã hội <i>Nature of society</i>	Ba tính chất: “dân chủ nhân dân, một phần thuộc địa và nửa phong kiến” <i>Three characteristics: “people’s democratic, partly colonial and semi-feudal”</i>
Đối tượng <i>Targets</i>	Thực dân Pháp xâm lược, bọn can thiệp Mỹ , cùng thế lực phong kiến phản động <i>French imperialist aggressors, US interventionists and reactionary feudalists</i>
Nhiệm vụ <i>Tasks</i>	Đánh đuổi đế quốc, giành độc lập, thống nhất; xóa di tích phong kiến, người cày có ruộng; mở rộng chế độ dân chủ nhân dân, đặt nền móng cho chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ chính: chống xâm lược <i>Expel the imperialists, win independence and unity; abolish feudal remnants, land to the tiller; develop people’s democracy, lay foundations for socialism. Main task: fighting aggression</i>
Động lực <i>Driving forces</i>	Bốn giai cấp: công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản dân tộc, cùng thân sĩ yêu nước; nền tảng là công nhân, nông dân, lao động trí óc; công nhân lãnh đạo <i>Four classes: workers, peasants, petty bourgeoisie, national bourgeoisie, plus patriotic gentry; the base is workers, peasants and mental workers; the working class leads</i>
Triển vọng <i>Prospect</i>	Nhất định tiến lên chủ nghĩa xã hội qua ba giai đoạn: giải phóng dân tộc → xóa tàn tích phong kiến, hoàn chỉnh dân chủ nhân dân → xây cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội <i>Certain to advance to socialism in three stages: national liberation → abolishing feudal remnants and completing people’s democracy → building the material base of socialism</i>
Chính sách <i>Policies</i>	15 chính sách lớn <i>15 major policies</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Đại hội II: **11 – 19/2/1951, Chiêm Hóa, Tuyên Quang**; lấy tên **Đảng Lao động Việt Nam**; Chính cương: 3 tính chất — 3 đối tượng (Pháp, can thiệp Mỹ, phong kiến phản động) — 4 giai cấp động lực — 15 chính sách; Điều lệ 13 chương 71 điều. Được gọi là **“Đại hội kháng chiến kiến quốc”**.
*2nd Congress: 11 – 19/2/1951, Chiêm Hóa, Tuyên Quang; name **Vietnam Workers’ Party**; Platform: 3 characteristics — 3 targets (France, US interventionists, reactionary feudalists) — 4 driving classes — 15 policies; Statute of 13 chapters and 71 articles. Called **“the Congress of resistance and national construction”**.*

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Cương lĩnh chính trị đầu tiên (2/1930) <i>First Political Platform (2/1930)</i>	Chính cương Đảng Lao động Việt Nam (2/1951) <i>Political Platform of the Workers' Party (2/1951)</i>
Tên Đảng <i>Party name</i>	Đảng Cộng sản Việt Nam <i>Communist Party of Vietnam</i>	Đảng Lao động Việt Nam <i>Vietnam Workers' Party</i>
Tính chất xã hội <i>Nature of society</i>	Thuộc địa nửa phong kiến <i>Colonial and semi-feudal</i>	Dân chủ nhân dân, một phần thuộc địa, nửa phong kiến <i>People's democratic, partly colonial, semi-feudal</i>
Đường lối chiến lược <i>Strategic line</i>	Tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản <i>Bourgeois democratic and agrarian revolution leading to communist society</i>	Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội <i>People's national democratic revolution advancing to socialism</i>
Đối tượng <i>Targets</i>	Đế quốc và tay sai <i>The imperialists and their henchmen</i>	Đế quốc Pháp, can thiệp Mỹ, phong kiến phản động <i>French imperialism, US interventionists, reactionary feudalists</i>
Lực lượng <i>Forces</i>	Công nhân, nông dân là gốc; liên lạc tiểu tư sản, trí thức, trung nông; lợi dụng hoặc trung lập phú nông, trung tiểu địa chủ, tư bản chưa lộ mặt phản cách mạng <i>Workers and peasants as the base; ties with petty bourgeoisie, intellectuals, middle peasants; rich peasants, small landlords and capitalists not openly counter-revolutionary to be used or neutralised</i>	Bốn giai cấp và thân sĩ yêu nước; nền tảng công – nông – lao động trí óc <i>Four classes plus patriotic gentry; the base is workers, peasants and mental workers</i>
Bối cảnh <i>Context</i>	Đảng vừa thống nhất, chưa có chính quyền <i>A newly unified party, not yet in power</i>	Đảng cầm quyền, đang kháng chiến, có chính quyền dân chủ nhân dân <i>A ruling party at war, with a people's democratic state</i>

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Cho rằng Đại hội II là đại hội của riêng Việt Nam ngay từ đầu. Đại hội II là đại hội của **Đảng Cộng sản Đông Dương**, chính Đại hội quyết định tách thành ba đảng. Sau đó Đảng bộ Campuchia lập đảng ngày 28/6/1951, Đảng bộ Lào lập đảng ngày 22/3/1955.

*Thinking the 2nd Congress was Vietnamese-only from the start. It was a congress of the **Indochinese Communist Party**, and the Congress itself decided to split into three parties. The Cambodian organisation founded its party on 28/6/1951, the Lao one on 22/3/1955.*

Đẩy mạnh kháng chiến về mọi mặt (1951 – 1953) — *Stepping up the resistance on every front (1951 – 1953)*

Thời gian <i>Date</i>	Sự kiện / Hội nghị <i>Event / Meeting</i>	Nội dung chủ trương <i>Policy content</i>	Ý nghĩa <i>Significance</i>
12/1951 – 1952 <i>12/1951 – 1952</i>	Chiến dịch Hòa Bình; Tây Bắc thu đông 1952 <i>Hòa Bình Campaign; autumn–winter 1952 Tây Bắc Campaign</i>	Diệt sinh lực địch, giải phóng một phần Tây Bắc <i>Destroy enemy forces, free part of the Northwest</i>	Phá âm mưu lập “xứ Thái tự trị” <i>Foils the “autonomous Thái territory” scheme</i>
8/5/1952 <i>8/5/1952</i>	Trận đánh kho Phú Thọ (Sài Gòn) <i>Raid on the Phú Thọ depot (Sài Gòn)</i>	Đặc công đốt hơn 5 triệu lít xăng, phá hơn 1.000 quả bom <i>Sappers burn over 5 million litres of fuel, destroy over 1,000 bombs</i>	Kháng chiến Nam Bộ đánh vào hậu cần địch <i>The South hits enemy logistics</i>
4/1952 <i>4/1952</i>	Hội nghị Trung ương lần thứ ba <i>3rd Plenum</i>	Chỉnh Đảng, chỉnh quân là nhiệm vụ trọng tâm <i>Rectifying the Party and the army as the central task</i>	Củng cố tổ chức trước giai đoạn quyết định <i>Organisation strengthened before the decisive stage</i>
1/1953 <i>1/1953</i>	Hội nghị Trung ương lần thứ tư <i>4th Plenum</i>	Kiểm điểm chính sách ruộng đất, quyết định tiến tới cải cách ruộng đất ở một số vùng <i>Reviews land policy, decides to move towards land reform in some areas</i>	Gắn kháng chiến với nhiệm vụ phản phong kiến <i>Links the war to the anti-feudal task</i>
11/1953 <i>11/1953</i>	Hội nghị Trung ương lần thứ năm và Hội nghị toàn quốc lần thứ nhất <i>5th Plenum and 1st National Party Conference</i>	Thông qua Cương lĩnh ruộng đất 23 điều : triệt để giảm tô, giảm tức, tiến hành cải cách ruộng đất <i>Adopts the 23-article Land Programme: thorough rent and interest cuts, land reform</i>	Thực hiện “người cày có ruộng” <i>Realises “land to the tiller”</i>
4 và 19/12/1953 <i>4 and 19/12/1953</i>	Luật Cải cách ruộng đất <i>Land Reform Law</i>	Quốc hội thông qua ngày 4/12, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ban hành ngày 19/12 <i>Passed by the Assembly on 4/12, promulgated by President Hồ Chí Minh on 19/12</i>	Động viên nông dân cho Điện Biên Phủ; về sau mắc sai lầm <i>Rallies peasants for Điện Biên Phủ; errors followed later</i>

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Nhầm số thứ tự hội nghị Trung ương: **lần ba (4/1952)** — **chỉnh Đảng, chỉnh quân**; **lần bốn (1/1953)** — **kiểm điểm ruộng đất**; **lần năm (11/1953)** — **Cương lĩnh ruộng đất**. Nhớ theo trình tự “sửa người → xem đất → chia đất”.

Mixing up plenum numbers: 3rd (4/1952) — rectifying Party and army; 4th (1/1953) — land review; 5th (11/1953) — Land Programme. Remember the order “fix people → review land → distribute land”.

Cải cách ruộng đất động viên nông dân ra tiền tuyến, nhưng mắc lỗi giáo điều khi sao chép kinh nghiệm đấu tranh giai cấp của nước ngoài: độc đoán, quan liêu, mệnh lệnh, xử oan nhiều người. Năm 1956 Hội nghị Trung ương lần thứ 10 (khóa II) kiểm điểm, tự phê bình công khai và tổ chức sửa sai.

Land reform rallied peasants to the front but fell into dogmatism by copying foreign class-struggle practice: arbitrariness, bureaucratism, commandism and many wrongful verdicts. In 1956 the 10th Plenum of the 2nd Central Committee reviewed it, made public self-criticism and organised corrections.

Kế hoạch Nava và cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 – 1954 — *The Navarre Plan and the Winter–Spring 1953 – 1954 strategic offensive*

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Kế hoạch Nava (Pháp – Mỹ) <i>Navarre Plan (France – US)</i>	Chủ trương Đông Xuân của ta <i>Our Winter–Spring policy</i>
Thời điểm <i>Timing</i>	Nava sang Đông Dương 5/1953; kế hoạch vạch 7/1953; dự kiến 18 tháng <i>Navarre arrived 5/1953; plan drawn 7/1953; 18 months planned</i>	Bộ Chính trị thông qua cuối 9/1953 <i>Adopted by the Politburo in late 9/1953</i>
Mục tiêu <i>Aim</i>	“Chuyển bại thành thắng”, tìm lối thoát danh dự <i>“Turn defeat into victory”, find an honourable exit</i>	Tiêu diệt sinh lực địch, bồi dưỡng lực lượng ta, giữ thế chủ động <i>Destroy enemy forces, build up ours, keep the initiative</i>
Cách làm <i>Method</i>	Tập trung binh lực thành “quả đấm thép”; chi phí phần lớn do Mỹ chịu <i>Concentrate forces into “steel fists”; costs mostly borne by the US</i>	Buộc địch phân tán lực lượng: đánh Lai Châu, Trung Lào, Hạ Lào – Đông Bắc Campuchia (12/1953), Tây Nguyên, Thượng Lào (1/1954) <i>Force the enemy to disperse: attacks on Lai Châu, Central Laos, Lower Laos – NE Cambodia (12/1953), Tây Nguyên, Upper Laos (1/1954)</i>
Điểm then chốt <i>Key point</i>	Biến Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương <i>Turn Điện Biên Phủ into the strongest entrenched camp in Indochina</i>	6/12/1953 Bộ Chính trị quyết định mở Chiến dịch Điện Biên Phủ <i>On 6/12/1953 the Politburo decides to launch the Điện Biên Phủ Campaign</i>

Thời gian <i>Date</i>	Sự kiện <i>Event</i>	Ghi chú <i>Note</i>
6/12/1953 <i>6/12/1953</i>	Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch; Võ Nguyên Giáp làm Tư lệnh kiêm Bí thư Đảng ủy chiến dịch <i>The Politburo decides on the campaign; Võ Nguyên Giáp is Commander and Campaign Party Secretary</i>	Lập Ủy ban chi viện tiền tuyến, Hội đồng cung cấp mặt trận <i>Front Support Committee and Front Supply Councils set up</i>
26/1/1954 <i>26/1/1954</i>	Đổi phương châm từ “đánh nhanh, giải quyết nhanh” sang “ đánh chắc, tiến chắc ” <i>Principle changed from “fight fast, settle fast” to “fight steadily, advance steadily”</i>	Võ Nguyên Giáp gọi đây là quyết định khó khăn nhất đời cầm quân <i>Giáp called it the hardest decision of his command</i>
13/3/1954 <i>13/3/1954</i>	Nổ súng vào phân khu Bắc, mở màn chiến dịch <i>Attack on the northern sub-sector opens the campaign</i>	Khoảng 5 vạn quân ta bao vây <i>About 50,000 of our troops encircle the camp</i>
13/3 – 7/5/1954 <i>13/3 – 7/5/1954</i>	56 ngày đêm, 3 đợt tiến công <i>56 days and nights, 3 waves of attack</i>	Phương châm “đánh chắc, tiến chắc”, “đánh chắc thắng” <i>“Fight steadily, advance steadily”, “fight only to win”</i>
17 giờ 30, 7/5/1954 <i>17:30, 7/5/1954</i>	Chiếm hầm chỉ huy, bắt sống De Castries và bộ chỉ huy <i>Command bunker taken; de Castries and his staff captured</i>	Toàn bộ tập đoàn cứ điểm bị tiêu diệt, bắt sống <i>The whole camp destroyed or captured</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Điện Biên Phủ: quyết định **6/12/1953** — mở màn **13/3/1954** — **56 ngày đêm, 3 đợt** — toàn thắng **7/5/1954**. Một ngày sau (**8/5/1954**) Hội nghị Genève bàn về Đông Dương khai mạc.
Điện Biên Phủ: decision 6/12/1953 — opening 13/3/1954 — 56 days and nights, 3 waves — victory 7/5/1954. One day later (8/5/1954) the Geneva Conference on Indochina opened.

VÍ DỤ / EXAMPLE — Mẹo nhớ con số: “**13 – 56 – 3 – 7**”: ngày **13** tháng 3 nổ súng, **56** ngày đêm, **3** đợt, ngày **7** tháng 5 toàn thắng. Kiểm thử: 19 ngày còn lại tháng 3 + 30 ngày tháng 4 + 7 ngày tháng 5 = 56.
Number chain: “13 – 56 – 3 – 7”: fire opened on March 13, 56 days and nights, 3 waves, victory on May 7. Check: the 19 remaining days of March + 30 of April + 7 of May = 56.

Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn về chiến dịch: “chiến dịch này là một chiến dịch rất quan trọng, không những về quân sự mà cả về chính trị, không những đối với trong nước mà đối với quốc tế” (Chỉ thị gửi Đại tướng Võ Nguyên Giáp, 12/1953).

President Hồ Chí Minh stressed: “this campaign is a very important campaign, not only militarily but also politically, not only domestically but also internationally” (instruction to General Võ Nguyên Giáp, 12/1953).

Hội nghị và Hiệp định Genève (1954) — *The Geneva Conference and Agreements (1954)*

Cuối năm 1953 Hồ Chí Minh tuyên bố: cơ sở để đình chiến là Chính phủ Pháp thật thà tôn trọng nền độc lập thật sự của Việt Nam, và phải thương lượng trực tiếp với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tuyên bố này mở đường cho mặt trận ngoại giao.

In late 1953 Hồ Chí Minh declared that the basis for an armistice was France's sincere respect for Vietnam's genuine independence and direct negotiation with the Government of the Democratic Republic of Vietnam. This statement opened the diplomatic front.

Nội dung <i>Item</i>	Hội nghị Genève về Đông Dương <i>Geneva Conference on Indochina</i>
Thời gian <i>Duration</i>	Khai mạc 8/5/1954 ; 75 ngày; 8 phiên toàn thể, 23 phiên cấp trưởng đoàn <i>Opened 8/5/1954; 75 days; 8 plenary and 23 heads-of-delegation sessions</i>
Trưởng đoàn <i>Heads of delegation</i>	Việt Nam Dân chủ Cộng hòa: Phạm Văn Đồng ; Liên Xô: Molotov; Trung Quốc: Chu Ân Lai; Anh: Eden; Pháp: Bidault; Mỹ: Dulles; cùng Lào, Campuchia, Quốc gia Việt Nam (Bảo Đại) <i>DRV: Phạm Văn Đồng; USSR: Molotov; China: Zhou Enlai; UK: Eden; France: Bidault; US: Dulles; plus Laos, Cambodia and the State of Vietnam (Bảo Đại)</i>
Văn kiện <i>Documents</i>	Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam (ký 21/7/1954); Tuyên bố cuối cùng về lập lại hòa bình ở Đông Dương <i>Agreement on the Cessation of Hostilities in Vietnam (signed 21/7/1954); Final Declaration on restoring peace in Indochina</i>
Nội dung chính <i>Main terms</i>	Các nước tham dự cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Lào, Campuchia, không can thiệp nội bộ; vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự tạm thời; tổng tuyển cử thống nhất vào 7/1956 <i>Participants pledge to respect the independence, sovereignty, unity and territorial integrity of Vietnam, Laos and Cambodia and not to interfere; the 17th parallel as a temporary military line; reunification elections in 7/1956</i>
Thái độ Mỹ <i>US position</i>	Không ký, chỉ tuyên bố tôn trọng; ép Pháp đưa Ngô Đình Diệm về làm Thủ tướng chính quyền Bảo Đại <i>Did not sign, only declared it would respect it; pressed France to install Ngô Đình Diệm as Bảo Đại's Prime Minister</i>
Ý nghĩa <i>Significance</i>	Lần đầu tiên một văn kiện quốc tế có giá trị pháp lý ghi nhận quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam, Lào, Campuchia; kết thúc kháng chiến chống Pháp <i>The first international legal document recognising the fundamental national rights of the three Indochinese peoples; ends the anti-French war</i>

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Viết “Hiệp định Genève chia đôi đất nước, lấy vĩ tuyến 17 làm biên giới”. Vĩ tuyến 17 chỉ là **giới tuyến quân sự tạm thời**, không phải biên giới chính trị hay lãnh thổ; Hiệp định quy định tổng tuyển cử thống nhất vào tháng 7/1956.
Writing “the Geneva Agreements split the country with the 17th parallel as a border”. The 17th parallel was only a temporary military demarcation line, not a political or territorial border; the agreements provided for reunification elections in July 1956.

Vì sao ta chấp nhận ký khi vừa thắng lớn ở Điện Biên Phủ? Giáo trình chỉ ra so sánh lực lượng chưa thuận lợi cho cách mạng ba nước Đông Dương, cộng với sức ép của các nước lớn. Kết quả hội nghị phản ánh xu thế chung của quan hệ quốc tế lúc đó, không phản ánh hết thắng lợi trên chiến trường.

Why sign right after the great victory at Điện Biên Phủ? The textbook points to a balance of forces still unfavourable to the three Indochinese revolutions and to great-power pressure. The outcome reflected the general trend of international relations at the time, not the full battlefield result.

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946) <i>Preliminary Agreement (6/3/1946)</i>	Hiệp định Genève (21/7/1954) <i>Geneva Agreements (21/7/1954)</i>
Các bên <i>Parties</i>	Song phương Việt Nam – Pháp <i>Bilateral, Vietnam – France</i>	Hội nghị quốc tế 9 phái đoàn <i>International conference of 9 delegations</i>
Pháp công nhận <i>France recognises</i>	Việt Nam là quốc gia tự do trong Liên hiệp Pháp <i>Vietnam as a free state within the French Union</i>	Độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ <i>Independence, sovereignty, unity, territorial integrity</i>
Quân Pháp <i>French troops</i>	Được ra Bắc 15.000 quân, rút trong 5 năm <i>15,000 allowed into the North, out within 5 years</i>	Rút khỏi miền Bắc <i>Withdraw from the North</i>
Thế của ta khi ký <i>Our position</i>	Lực lượng còn yếu, ký để tránh hai kẻ thù <i>Still weak; signed to avoid two enemies</i>	Vừa thắng Điện Biên Phủ, nhưng bị sức ép nước lớn <i>Fresh from Điện Biên Phủ, but under great-power pressure</i>
Giá trị pháp lý <i>Legal value</i>	Pháp sớm bội ước <i>France soon broke it</i>	Văn bản quốc tế đầu tiên công nhận quyền dân tộc cơ bản <i>First international recognition of fundamental national rights</i>